

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH
Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: TS. NGUYỄN THỊ THỊNH
ĐƠN VỊ: BỘ MÔN GDTC- TL

NINH BÌNH, 2024

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH
Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TIỂU HỌC TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: TS. NGUYỄN THỊ THỊNH
ĐƠN VỊ: BỘ MÔN GDTC- TL
CÁC THÀNH VIÊN:

THS. PHẠM THỊ TRÚC - BỘ MÔN GDTC- TL
THS. TRẦN THỊ TÂN - BỘ MÔN GDTC- TL
THS. ĐOÀN THỊ HOA – TRƯỜNG THCS
KHÁNH HỒNG, YÊN KHÁNH, NINH BÌNH

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

THS. NGUYỄN THỊ NGUYỆT

TS. NGUYỄN THỊ THỊNH

NINH BÌNH, 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	iii
BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	iv
MỞ ĐẦU.....	v
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	v
2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN.....	xii
3. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN.....	xiv
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.....	xiv
5. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	xv
PHẦN NỘI DUNG.....	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC.....	1
1.1. KỸ NĂNG SỐNG.....	1
1.1.1. Khái niệm kỹ năng.....	1
1.1.2. Khái niệm kỹ năng sống.....	1
1.2. GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC.....	2
1.2.1. Khái niệm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	2
1.2.2. Vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	3
1.2.3. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	4
1.2.4. Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	5
1.2.5. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	6
1.2.6. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	13
1.2.7. Hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	15
1.2.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	17
1.2.9. Các bước xây dựng kế hoạch tổ chức GDKNS cho học sinh tiểu học theo chuyên đề và tích hợp GDKNS thông qua hoạt động trải nghiệm.....	19
1.3. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH TIỂU HỌC.....	25
1.3.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức.....	25
1.3.2. Đặc điểm nhân cách của học sinh tiểu học.....	26
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1.....	27
Chương 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH, TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH TIẾN, THÀNH PHỐ NINH BÌNH.....	29

2.1. VÀI NÉT VỀ ĐỊA BÀN VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU.....	29
2.1.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu.....	29
2.1.2. Vài nét về mẫu nghiên cứu.....	34
2.2. TỔ CHỨC KHẢO SÁT.....	34
2.2.1. Mục đích khảo sát.....	34
2.2.2. Nội dung khảo sát.....	34
2.2.3. Cách thức tiến hành khảo sát.....	35
2.2.4. Thời gian khảo sát.....	37
2.2.5. Tiêu chí và thang đánh giá.....	37
2.3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	40
2.3.1. Nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình về tầm quan trọng của việc GDKNS cho HSTH.....	40
2.3.2. Nội dung GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.....	46
2.3.3. Phương pháp GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.....	51
2.3.4. Quy trình GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.....	55
2.3.5. Các hình thức GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.....	58
2.3.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.....	66
2.3.7. Đánh giá quá trình tổ chức và hiệu quả GDKNS thông qua các chuyên đề và GDKNS tích hợp trong tiết dạy hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3....	77
2.4. ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GDKNS CHO HSTH Ở TRƯỜNG TH TÂN THÀNH, TRƯỜNG TH NINH TIẾN, TP NINH BÌNH..	85
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	86
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	89
1. Kết luận.....	89
2. Kiến nghị.....	91
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN.....	93
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	94
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Thông tin về số học sinh, số lớp, cơ cấu học sinh của trường TH Tân Thành năm học 2023-2024.....	30
Bảng 2.2. Thông tin về số học sinh, số lớp, cơ cấu học sinh của trường TH Ninh Tiến năm học 2023-2024.....	32
Bảng 2.3: Đặc điểm của mẫu nghiên cứu giáo viên.....	34
Bảng 2.4. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ cần thiết của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	40
Bảng 2.5. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về ý nghĩa của việc GDKNS cho học sinh tiểu học.....	42
Bảng 2.6: Mức độ tiến hành giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh tiểu học...46	
Bảng 2.7: Mức độ tiến hành giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến.....	49
Bảng 2.8. Mức độ thực hiện các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	51
Bảng 2.9: Mức độ tiến hành các phương pháp GDKNS cho học sinh ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến.....	53
Bảng 2.10: Bảng tương quan giữa việc sử dụng các các phương pháp và điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS.....	54
Bảng 2.11. Mức độ thực hiện các hoạt động trong quy trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.....	56
Bảng 2.12. Mức độ sử dụng các hình thức giáo dục kỹ năng sống.....	58
cho học sinh tiểu học.....	58
Bảng 2.13. Mức độ sử dụng các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở Trường TH Ninh Tiến và Trường TH Tân Thành.....	62
Bảng 2.14. Mức độ lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học qua các chủ điểm.....	63
Bảng 2.15. Điều kiện đáp ứng quá trình GDKNS cho học sinh.....	67
Bảng 2.16: Những điều kiện thuận lợi và khó khăn của người GV trong quá trình GDKNS cho HSTH.....	72
Bảng 2.17: Ý kiến trả lời của học sinh về biện pháp để truy cập Internet an toàn	80
Bảng 2.18: Ý kiến trả lời của học sinh về những nguyên nhân gây ra chuột rút.....	82
Bảng 2.19: Ý kiến trả lời của HS về các biện pháp để phòng tránh chuột rút....	82

Bảng 2.20: Ý kiến trả lời của học sinh về các cách xử lý khi bị chuột rút.....83

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

STT	KÍ HIỆU	NGUYÊN NGHĨA
1	Correlations	Sự tương quan
2	CBQL	Cán bộ quản lý
3	ĐTB	Điểm trung bình
4	GDKNS	Giáo dục kỹ năng sống
5	GV	Giáo viên
6	HĐ	Hoạt động
7	HS	Học sinh
8	HSTH	Học sinh tiểu học
9	Independent Samples T- Test	Phép kiểm định sự khác biệt trung bình giữa hai mẫu độc lập
10	KN	Kỹ năng
11	KNS	Kỹ năng sống
12	KBG	Không bao giờ
13	Mean	Điểm trung bình
14	Median	Trung vị
15	Mode	Giá trị có tần suất lặp lại nhiều nhất
16	Multiple Comparisons	So sánh đa biến
17	N	Tổng số khách thể trong mẫu nghiên cứu
18	P	Mức ý nghĩa
19	Pearson Correlation	Hệ số tương quan Pearson
20	R	Hệ số tương quan
21	RTX	Rất thường xuyên
22	SD (Std. Deviation)	Độ lệch chuẩn
23	Sig.(2-tailed) (significant)	Mức ý nghĩa (2 đầu)
24	SPSS (Statistics Product Science Social)	Thống kê khoa học xã hội
25	TT	Thỉnh thoảng
26	TX	Thường xuyên

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Những nghiên cứu về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống ở nước ngoài

Thuật ngữ “*kỹ năng sống*” được Winthrop Adkins sử dụng lần đầu tiên trong một chương trình đào tạo nghề thực hiện vào những năm 1960 với tên gọi “*The Adkins Life Skills Programme: Employability Skills Series*”. Cho đến nay KNS và GDKNS đã được nhiều nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà tâm lý học,... quan tâm tìm hiểu và nghiên cứu, tập trung nhiều về các khía cạnh: khái niệm, nội dung và hình thức GDKNS [1].

Từ những năm 70 của thế kỷ XX đã có những nghiên cứu và đưa ra cảnh báo về vấn đề giáo dục thế hệ trẻ và một số những nghiên cứu thử nghiệm GDKNS trong giáo dục dân số, giáo dục môi trường. Năm 1979, Gilbert Botvin đã nghiên cứu và đưa ra một chương trình đào tạo KNS cho thanh thiếu niên từ lớp 7 đến lớp 9 thông qua các modul tương tác nhằm tạo điều kiện cho người học được tiếp cận và hình thành những kỹ năng xã hội như: kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tính quyết đoán để thể hiện sự từ chối sử dụng các chất gây nghiện. Chương trình đào tạo này được triển khai ở nhiều loại hình trường học từ các trường công lập đến các trung tâm trại tạm giam trẻ chưa thành niên và đạt được những kết quả khả quan. Nó không chỉ ngăn ngừa tình trạng hút thuốc trong thanh thiếu niên mà còn giúp cải thiện mối quan hệ giữa GV và HS, nâng cao hiệu quả học tập cho người học [27].

Vào những năm 1990, khái niệm KNS xuất hiện trong một số chương trình giáo dục của UNICEF. Những nghiên cứu về KNS trên thế giới giai đoạn này đều mong muốn hướng đến tìm một quan niệm chung về KNS và GDKNS và từ đó đưa ra mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức GDKNS và hệ thống các KNS cơ bản cần có để giúp thế hệ trẻ vào đời thành công. Các tổ chức lớn trên thế giới đi tiên phong trong việc khuyến khích tất cả các quốc gia trên đưa GDKNS vào chương trình giáo dục của mình. Mục tiêu của GDKNS cho thế hệ trẻ toàn cầu được các tổ chức này thống nhất là nâng cao tiềm năng của con người, đặc biệt là thế hệ trẻ để họ có được những hành động nhằm thích ứng và làm chủ và nâng cao chất

lượng cuộc sống. Một số tổ chức phi chính phủ nước ngoài cũng triển khai những chương trình, dự án nhằm can thiệp giảm thiểu các nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS với những đối tượng có nguy cơ cao và trong đó cũng đã sử dụng cách tiếp cận KNS với quan niệm về KNS là những kỹ năng cốt lõi trên [1].

Diễn đàn thế giới về giáo dục cho mọi người tại Darka (2000) đã xác định rõ: Giáo dục KNS là một trong 6 mục tiêu hàng đầu của mỗi quốc gia *“Mỗi quốc gia phải đảm bảo cho người học được tiếp cận chương trình GDKNS”*. Các nước trên thế giới nói chung, các nước phát triển nói riêng đều đã và đang quan tâm nhiều đến KNS, GDKNS cho người học [1]. Các Quốc gia trên thế giới khi xây dựng chương trình giáo dục cho riêng mình, đã nhấn mạnh giáo dục kỹ năng và thái độ cho tất cả học sinh ở các độ tuổi, trong đó có GDKNS cho HS trong nhà trường bằng nhiều hình thức giáo dục khác nhau. Chương trình này được triển khai và phát triển mạnh mẽ ở khu vực Mỹ latin và Caribe gồm (Chile, Colombia, Mexico, Peru, Venuzuela, Uruguay, Brazil, Costa Rica và vùng Caribe). Khu vực Nam phi và Botswana và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (Lào, Campuchia, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia, Ấn Độ, Mông Cổ, Nepal, Srilanka, Bangladesh, Bhutan, Philipine, Myanmar) [2].

Giáo dục cảm xúc xã hội (Social and Emotional Learning - SEL) và *giáo dục kỹ năng sống* là một lãnh vực mới phát triển trong hơn 20 năm trở lại đây. Thuật ngữ *“Trí tuệ cảm xúc”* bắt đầu được phổ biến vào năm 1995 khi cuốn sách cùng tên của học giả Daniel Goleman ra đời, từ đó, rất nhiều nhà nghiên cứu ở các lĩnh vực có liên quan bắt đầu tìm kiếm những chuẩn mực chung để phát triển một mô hình hỗ trợ cho việc phát triển khả năng cảm xúc, xã hội và học thuật của trẻ em và thanh niên trong môi trường học đường. *SEL là một quá trình mà thông qua đó chúng ta học cách nhận biết và quản lý cảm xúc của mình, quan tâm đến người khác, ra quyết định đúng đắn, cư xử một cách có đạo đức và trách nhiệm, phát triển những mối quan hệ tích cực, và tránh những hành vi tiêu cực*. Giáo dục năng lực cảm xúc- xã hội (tương đồng với KNS) theo mô hình SEL được triển khai khá mạnh ở Singapore và các nước có nền giáo dục tiên tiến ở phương Tây khác như: Mỹ, Anh, Canada, Úc [2].

Những nghiên cứu lý luận về GDKNS được các nhà giáo dục quan

tâm như: Pat Broadhead (2004) với công trình nghiên cứu *Early Years Play and Learning: Developing social skills and cooperation (Phát triển kỹ năng xã hội và hợp tác thông qua học tập và vui chơi trong những năm đầu đời)* đã giúp cho giáo viên dạy trẻ những năng về trí tuệ và cảm xúc, đánh giá KNS thông qua hoạt động vui chơi; Gracious Thomas (2006) với tác phẩm *Life Skill Education and Curriculum (Chương trình và Giáo dục Kỹ năng sống)* đã nhấn mạnh vai trò của giáo viên trong việc tổ chức học sinh tiếp cận KNS; Ester A. Leutenberg và John J. Liptak (2009) đã xuất bản sách *The Practical Life Skills Workbook (Hướng dẫn thực hành kỹ năng sống)* đã chỉ ra tầm quan trọng của KNS trong cuộc sống hàng ngày, đồng thời thiết lập mối quan hệ giữa KNS với trí thông minh, cảm xúc, nhân cách và sự thành công của cá nhân; Thêm vào đó là *Teaching Your Children Life Skills (Dạy kỹ năng sống cho trẻ em)* của Deborah Carroll đã đưa ra 10 lưu ý khi dạy trẻ, giúp cuộc sống thường nhật của trẻ (mua sắm, dã ngoại, gặp gỡ, giao lưu,...) trở thành những cơ hội tiếp cận, học tập và thể nghiệm các KNS, hơn thế các tác giả đã đề xuất các con đường ngắn nhất để giúp trẻ biết đối xử tử tế và phát triển lòng tự trọng [2].

Ở khu vực Đông Nam Á một số nước đã nghiên cứu và triển khai GDKNS cho các đối tượng giáo dục chính quy và không chính quy như: Lào, Campuchia, Malaysia, Bangladesh [1].

Ở khu vực Nam Á, Khalid Rashid (2013) đã tiến hành các nghiên cứu về GDKNS tại Pakistan và chỉ ra rằng; trẻ em được hướng dẫn về KNS trước khi vào tiểu học sẽ học tốt hơn trẻ không có sự chuẩn bị về một số môn học như Khoa học, Toán, Tiếng Anh và một số kỹ năng giao tiếp xã hội. Đồng thời Khalid Rashid cũng cho rằng kết quả học tập của trẻ có bố mẹ làm cán bộ công chức, nhân viên văn phòng, có trình độ đại học cũng cao hơn so với trẻ em khác. Từ đó đi đến kết luận rằng việc đầu tư cho giáo dục càng nhiều trước khi đến trường tiểu học càng tránh được những rủi ro không đáng có xảy ra và nó là nền tảng vững chắc cho chất lượng giáo dục [1].

Trong báo cáo của UNICEF về đánh giá hoạt động GDKNS trên phạm vi toàn cầu đã tổng kết và đưa ra những nhận định như sau:

Thứ nhất: trong hai thập niên trở lại đây, có rất nhiều tổ chức, lực lượng giáo dục (trong đó có UNICEF) đã cố gắng đưa các chương trình GDKNS vào trong và ngoài nhà trường nhằm giúp trẻ em, thanh thiếu

niên có thể đối mặt với những thách thức diễn ra trong quá trình phát triển của họ. Cùng với giáo dục vì sự phát triển bền vững, phạm vi bao quát của GDKNS còn bao gồm cả những mục tiêu như phòng chống bệnh tật, bảo vệ môi trường, giảm thiểu mối nguy hại từ thiên tai, nhân quyền,...

Thứ hai: Năm 2007, tổ chức UNICEF đã chỉ ra rằng có gần 70 nước trên thế giới đã và đang hiện thực hóa các chương trình GDKNS, trong đó số lượng quốc gia đưa chương trình GDKNS vào chương trình giảng dạy ở bậc THCS đang ngày càng gia tăng. Ở một số quốc gia, hoạt động GDKNS được bắt đầu dạy ngay từ bậc mẫu giáo đến tiểu học. Ở một số nước, GDKNS được đưa vào chương trình dạy học theo một trong bốn hình thức sau: 1) Tách riêng thành một môn học riêng biệt; 2) Tích hợp vào một hoặc hai môn học dạy nghề; 3) Lồng ghép vào chương trình học; 4) Kết hợp cả hai hình thức lồng ghép và tích hợp.

Tóm lại: Nghiên cứu về KNS, GDKNS đã được các tác giả trên thế giới quan tâm nghiên cứu, khai thác, từ các tổ chức WHO, UNESCO, UNICEF, SEL, đến các quốc gia, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức giáo dục... nhưng quan niệm và nội dung GDKNS ở các nước không giống nhau và nội hàm của KNS được mở rộng hơn nhiều nội hàm chỉ gồm những khả năng năng tâm lí, xã hội. Quan niệm, nội dung GDKNS được triển khai vừa thể hiện nét chung vừa mang tính đặc thù, những nét riêng của từng quốc gia.

1.2. Những nghiên cứu về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống ở Việt Nam Thuật ngữ kỹ năng sống bắt đầu xuất hiện trong nhà trường phổ thông từ những năm 1995-1996 thông qua dự án “Giáo dục kỹ năng sống để bảo vệ sức khỏe và phòng chống HIV/AIDS cho thanh thiếu niên trong và ngoài nhà trường” do Quỹ nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) phối hợp với Bộ Giáo dục và đào tạo, Hội chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện. Từ đó đến nay, nhiều cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế đã tiến hành giáo dục kỹ năng sống gắn với các vấn đề xã hội như: phòng chống ma túy, phòng chống mại dâm, phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích, bảo vệ môi trường...

Giáo dục ở nước ta những năm vừa qua được đổi mới cả về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học, gắn với 4 trụ cột giáo dục của thế kỷ XXI: Học để biết, học để làm, học để tự khẳng định mình, học để sống chung. Rèn kỹ năng sống cho học sinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định là một

trong những nhiệm vụ quan trọng hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của xã hội đối với giáo dục trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010) và các cộng sự đã đề cập đến những vấn đề về giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh ở các cấp, các bậc học, những đặc điểm tâm lý của học sinh, những lý luận về giá trị sống, kỹ năng sống, những vấn đề về giáo dục kỹ năng sống và các trò chơi giáo dục kỹ năng sống và giá trị sống cho học sinh. Theo nhóm tác giả, về việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh bậc tiểu học ngoài việc tập trung vào các kỹ năng như đọc, viết, tính toán, nghe, nói, còn phải coi trọng đúng mức các kỹ năng sống trong cộng đồng, thích ứng với những thay đổi diễn ra hàng ngày trong xã hội hiện đại, hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo, phê phán, giải quyết vấn đề, ra quyết định [13].

Tác giả Nguyễn Thanh Bình (2011) đã đề cập đến những cơ sở lý luận chung nhất về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống, những kỹ năng sống cơ bản của con người, việc giáo dục kỹ năng sống ở một số nước trong khu vực, thực trạng giáo dục kỹ năng sống ở nước ta, việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở [1].

Tác giả Hoàng Hòa Bình (2014) đã đề cập đến vấn đề lồng ghép giáo dục kỹ năng sống vào trong các môn học ở trường tiểu học [3]. Các tác giả Nguyễn Khánh Hà, Nguyễn Tú Phương, Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Khánh Phương, Quang Lâm trong một số cuốn sách về “*Rèn kỹ năng sống cho học sinh*” đã đề cập đến một số các kỹ năng cần hình thành ở học sinh và phương pháp hình thành những KNS đó ở học sinh bao gồm: KN tự nhận thức, KN giao tiếp, KN làm chủ bản thân, KN kiểm soát cảm xúc, KN đặt mục tiêu, KN tư duy sáng tạo và tư duy tích cực, KN ra quyết định, KN giải quyết vấn đề [5], [6], [12], [14], [15], [17], [22], [23].

Tác giả Nguyễn Thanh Ngân (2017) đã đề cập đến những kỹ năng cơ bản để giúp học sinh có thể ứng phó với một số tình huống khó khăn, nguy hiểm xảy ra trong cuộc sống như: kỹ năng ứng phó với các tình huống khi bị bắt nạt, bị thương, các kỹ năng phòng tránh đuối nước, tránh bị lạm dụng, tránh bị điện giật,...[19].

Nhóm các tác giả Nguyễn Thị Thịnh, Nguyễn Đức Tuấn, Phạm Thị Trúc, Nguyễn Thị Hải Thanh (2022) trong cuốn sách: “*Giáo dục kỹ năng*

sống cho học sinh tiểu học” đã đề cập đến những vấn đề lý luận cơ bản về KNS và giáo dục KNS cho HSTH, nội dung, phương pháp, hình thức, cách thiết kế và tổ chức giáo dục KNS cho HSTH [24].

Như vậy, cho đến nay, vấn đề giáo dục KNS cho HSTH đã được nhiều tác giả nghiên cứu, xây dựng những vấn đề lý luận cơ bản làm cơ sở định hướng cho việc triển khai giáo dục KNS cho HSTH trên thực tiễn.

Về việc nghiên cứu thực trạng giáo dục KNS cho học sinh tiểu học ở Việt Nam hiện nay đã có một số các công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí. Các tác giả Lê Thị Hương, Nguyễn Xuân Hiếu, Phạm Thế Kiên (2019) đã đề cập đến vấn đề: “*Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tại tỉnh Quảng Trị đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay*”. Theo nhóm tác giả đa số cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh học sinh đều đánh giá cao tầm quan trọng và sự cần thiết của việc giáo dục KNS; hình thức giáo dục KNS chủ yếu là thông qua hoạt động dạy học môn Đạo đức và thông qua các giờ sinh hoạt lớp; giáo dục kỹ năng hợp tác được đánh giá là đạt hiệu quả cao nhất [11].

Tác giả Bùi Việt Phú, Nguyễn Thị Thùy Duyên đề cập đến: “*Thực trạng và giải pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng*”. Theo nhận định của các tác giả: Đối với giáo dục tiểu học, giáo dục KNS cho học sinh có ý nghĩa to lớn, góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển KNS cho các em trên tất cả các mặt: tri thức, thái độ, tình cảm, hành vi, thói quen tích cực trong hoạt động [21].

Tác giả Huỳnh Lâm Anh Chương trong bài viết: “*Quản lý sự phối hợp giữa giáo viên và cha mẹ học sinh trong hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở TP Hồ Chí Minh*” đã chỉ ra: Nếu gia đình và nhà trường phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc giáo dục KNS cho HSTH thì hiệu quả giáo dục KNS cho các em sẽ tăng lên. Điều này đặt ra yêu cầu đối với người quản lý ở trường tiểu học, đó là cần phải quản lý sự phối hợp giữa giáo viên và cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục KNS cho học sinh để nâng cao hiệu quả của quá trình này [4].

Nghiên cứu việc thực hiện lồng ghép giáo dục KNS cho HSTH thông qua các môn học, tác giả Nguyễn Thị Phương Nhung (2015) đã đề cập đến: “*Một số biện pháp tích hợp kỹ năng sống cho học sinh thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học Toán ở tiểu học*” nhằm chỉ ra tầm quan trọng của

việc học môn Toán góp phần quan trọng trong việc rèn luyện phương pháp suy nghĩ, phát triển trí thông minh, kỹ năng giải quyết vấn đề và tích hợp được nhiều KNS cần thiết [20].

Tác giả Đỗ Khánh Năm (2011) trong bài viết: *“Tổ chức các trò chơi dân gian nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học”* đã phân tích việc tổ chức các trò chơi dân gian cho HSTH lồng ghép trong các giờ hoạt động ngoài giờ lên lớp giúp học sinh có một tâm trạng thoải mái, vui vẻ, đồng thời giúp các em phát triển các kỹ năng: KN giao tiếp, KN làm việc nhóm, KN ra quyết định, KN hợp tác,... Từ đó, tác giả đưa ra những đề xuất tăng cường tổ chức trò chơi dân gian cho HSTH thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp vừa là cách thức giúp các em phát triển thể lực, giáo dục KNS, đồng thời giữ gìn nền văn hóa dân tộc [18].

Ở tỉnh Ninh Bình, các nghiên cứu về GDKNS cho HSTH cũng được triển khai nghiên cứu trong những năm gần đây. Nhóm tác giả Vũ Thị Hồng, Vũ Thị Huệ, Đoàn Thị Hoa (2017) trong đề tài khoa học: *“Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở Trường Tiểu học Tân Thành”* đã chỉ ra thực trạng của việc GDKNS cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Kết quả cho thấy: Cán bộ, giáo viên đã nhận thức được vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc GDKNS cho HSTH. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, giáo viên gặp khó khăn trong việc thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp lồng ghép GDKNS cho học sinh. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động này [10].

Như vậy, những nghiên cứu về thực trạng GDKNS cho HSTH cho thấy: Hiện nay, việc giáo dục KNS cho HSTH ở một số địa phương trong cả nước được tiến hành với nhiều nội dung, hình thức phong phú. Các nghiên cứu chỉ ra cả phụ huynh và giáo viên đều nhận thấy tầm quan trọng của việc GDKNS cho HS, nhận thấy vai trò cần có sự phối hợp các lực lượng gia đình, nhà trường và xã hội để nâng cao hiệu quả của GDKNS cho HSTH. Tuy nhiên, những khó khăn trong việc tập huấn về nội dung chương trình, về điều kiện cơ sở vật chất, năng lực thực hiện dạy học môn GDKNS của giáo viên tiểu học ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động này.

Ở tỉnh Ninh Bình, mặc dù việc giáo dục KNS cho HSTH đã được triển khai ở các trường theo chỉ đạo của Bộ, song các nghiên cứu về thực trạng

GDKNS cho học sinh ở các trường tiểu học hiện nay còn rất ít, cũng mới chỉ xuất hiện các nghiên cứu thực trạng giáo dục KNS cho HSTH ở một vài trường cụ thể. Xuất phát từ lý do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài: *“Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở một số trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Ninh Bình”*, với mong muốn tìm hiểu thực trạng, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục KNS cho học sinh các trường tiểu học ở Thành phố Ninh Bình nói riêng, nâng cao hiệu quả giáo dục KNS cho học sinh cấp tiểu học nói chung.

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Xã hội hiện đại có sự thay đổi về mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và lối sống với tốc độ nhanh đã làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, khó khăn, thách thức đòi hỏi con người cần phải có kỹ năng sống để thành công và nâng cao chất lượng cuộc sống. Để thích nghi với xã hội hiện đại, việc giáo dục kỹ năng sống càng trở nên cấp thiết đối với các em học sinh, bởi các em là những chủ nhân tương lai của đất nước, giúp các em rèn luyện những hành vi có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và Tổ quốc; giúp các em có khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bạn bè và mọi người, sống tích cực, chủ động, an toàn, hài hòa, lành mạnh, hướng tới mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách người học. Không chỉ thúc đẩy sự phát triển của cá nhân, GDKNS góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội, ngăn ngừa các vấn đề và bảo vệ quyền con người, thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực, nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm các tệ nạn xã hội.

Do yêu cầu của xã hội, giáo dục cũng cần thay đổi để đáp ứng. Nghị quyết 29 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã chỉ ra một trong những hạn chế của giáo dục - đào tạo của nước ta, đó là: *“...còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành,...; chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc”*. Tư tưởng đổi mới căn bản, toàn diện đó là: Chuyển từ giáo dục truyền thụ nội dung sang giáo dục phát triển năng lực người học, trong đó việc trang bị những kỹ năng sống cho học sinh để giúp các em thích ứng được trong xã hội hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nền kinh tế tri thức định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bản chất của việc GDKNS là giáo dục con người có đạo đức và trí tuệ. Người có kỹ năng sống là người có đạo đức và trí tuệ tốt, từ đó giúp họ có những thói quen, hành vi, thái độ tích cực, lành mạnh trong việc ứng xử các tình huống của cuộc sống cá nhân và tham gia đời sống xã hội, qua đó hoàn thiện nhân cách và định hướng phát triển bản thân tốt hơn dựa trên nền tảng các giá trị sống. Do vậy, người có kỹ năng sống là người không chỉ giúp cho bản thân mình phát triển, không cản trở sự phát triển của những người khác mà còn giúp cho người khác, cho cộng đồng phát triển tốt hơn. Hình thành kỹ năng sống là một quá trình lâu dài, cần thực hiện càng sớm càng tốt, đòi hỏi sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục từ gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội, đồng thời cũng đòi hỏi các lực lượng giáo dục cũng cần phải có kiến thức, kỹ năng, phương pháp và lòng kiên trì để hình thành kỹ năng sống cho các em, giúp các em trưởng thành.

Cấp tiểu học là cấp học nền tảng có vị trí quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách toàn diện ở mỗi con người. Lứa tuổi tiểu học đang trong quá trình rèn luyện, hình thành và phát triển hành vi, nhân cách. Do đó, việc GDKNS cho HS có vai trò vô cùng quan trọng. Trong nhà trường tiểu học hiện nay, việc GDKNS cho HS được thực hiện thông qua nhiều con đường, với nhiều cách tiếp cận khác nhau: Tách riêng thành các giờ dạy KNS riêng biệt, hoặc tích hợp, lồng ghép GDKNS thông qua các môn học, GDKNS cho HS thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

GDKNS sẽ giúp HSTH có được những kiến thức, kỹ năng cần thiết để ứng xử phù hợp với các tình huống nảy sinh trong cuộc sống, góp phần phát triển hài hòa, cân đối và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhân cách của các em trong tương lai. Việc dạy kỹ năng sống được thực hiện sớm sẽ làm tăng hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho các em, giúp các em có kiến thức, thái độ và hành vi phù hợp, hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện nhân cách người học.

Thực hiện chủ trương đổi mới trong giáo dục của Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong những năm qua, các trường tiểu học ở tỉnh Ninh Bình nói chung, ở Thành phố Ninh Bình nói riêng đã triển khai hoạt động giáo dục KNS cho học sinh dưới nhiều hình thức. Tuy nhiên, cho đến nay, các nghiên cứu về thực trạng GDKNS cho học sinh ở các trường tiểu học ở Thành phố Ninh Bình còn rất ít, mới chỉ xuất hiện các nghiên cứu thực trạng giáo dục

KNS cho HSTH ở một vài trường cụ thể, việc thực hiện GDKNS cho HSTH trên thực tế còn gặp một số khó khăn, bất cập ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động này.

Vì những lý do trên, chúng tôi lựa chọn đề tài: “*Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở một số trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Ninh Bình*”, với mong muốn tìm hiểu thực trạng, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục KNS cho học sinh ở một số trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Ninh Bình nói riêng, nâng cao hiệu quả giáo dục KNS cho học sinh cấp tiểu học nói chung.

3. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN

Nghiên cứu thực trạng GDKNS cho HSTH ở một số trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Ninh Bình, trên cơ sở đó đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục KNS cho HSTH.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Trường Tiểu học Tân Thành và Trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung:

Nghiên cứu thực trạng giáo dục KNS cho HSTH Trường Tiểu học Tân Thành và Trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

Nghiên cứu, quan sát, đánh giá hiệu quả hoạt động GDKNS cho HS khối lớp 3 Trường Tiểu học Tân Thành và Trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình thông qua:

02 tiết GDKNS cho HSTH theo chuyên đề (chương trình KNS Poki) gồm:

Bài 65: Truy cập Internet an toàn (Chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 33.

Bài 69: Những điều cần biết khi bị chuột rút (Chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 35.

Tiến hành quan sát 01 tiết GDKNS cho HSTH tích hợp trong môn hoạt động trải nghiệm lớp 3 (bộ sách “Chân trời sáng tạo”), tiết 102: Làm trái tim yêu thương tặng bạn (chủ đề 9: Những người sống quanh em và nghề em yêu thích, tuần số 35). Trong giờ này, tôi chỉ lựa chọn đánh giá hiệu quả KN giao tiếp của học sinh.

- Về khách thể:

48 cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm dạy giáo dục KNS cho học sinh tiểu học, giáo viên tổng phụ trách Đội ở trường Tiểu học Tân Thành, Trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình

69 học sinh khối lớp 3 (gồm 40 em học sinh lớp 3C Trường Tiểu học Tân Thành, 29 em học sinh lớp 3C trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình)

- Về thời gian nghiên cứu đề tài:

Từ tháng 11 năm 2023 đến tháng 11 năm 2024

5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Lý thuyết - thực trạng - giải pháp

5.2. Phương pháp nghiên cứu

5.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Thông qua đọc, thu thập, phân tích, khái quát các tài liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu, hệ thống hoá các vấn đề lý luận, xây dựng các khái niệm công cụ của đề tài.

5.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

a. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Mục đích: Nhằm khảo sát thực trạng GDKNS cho HSTH ở Trường Tiểu học Tân Thành, Trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

Cách tiến hành: Sử dụng phiếu điều tra khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm dạy giáo dục KNS cho học sinh tiểu học, giáo viên tổng phụ trách Đội ở trường Tiểu học Tân Thành, Trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

b. Phương pháp quan sát

Mục đích: Quan sát để đánh giá việc tổ chức, hiệu quả GDKNS cho HSTH thông qua một số giờ dạy KNS cho HSTH cụ thể.

Cách tiến hành: Quan sát giờ dạy KNS cho học sinh lớp 3 ở trường Tiểu học Tân Thành, Trường Tiểu học Ninh Tiến để đánh giá hiệu quả của việc GDKNS cho HSTH, gồm:

02 tiết GDKNS cho HSTH theo chuyên đề (chương trình KNS Poki) gồm:

Bài 65: Truy cập Internet an toàn (Chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 33.

Bài 69: Những điều cần biết khi bị chuột rút (Chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 35.

Tiến hành quan sát 01 tiết GDKNS cho HSTH tích hợp trong môn hoạt động trải nghiệm lớp 3 (bộ sách “Chân trời sáng tạo”), tiết 102: Làm trái tim yêu thương tặng bạn, tuần số 35.

c. Phương pháp đàm thoại

Mục đích: Để làm rõ hơn thực trạng và tìm ra các yếu tố ảnh hưởng, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả GDKNS cho HS Trường Tiểu học Tân Thành, Trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình hiện nay.

Cách tiến hành:

Trao đổi trực tiếp với tổng số 08 CBQL, GV ở trường Tiểu học Tân Thành và Trường Tiểu học Ninh Tiến.

d. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động

Mục đích: Thu thập dữ liệu để làm sáng rõ hơn về thực trạng GDKNS cho HSTH.

Cách tiến hành:

- Nghiên cứu kế hoạch, các chương trình, các báo cáo, các hoạt động, các video, hình ảnh liên quan đến GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

- Nghiên cứu giáo án các tiết học GDKNS theo chuyên đề và 01 tiết hoạt động trải nghiệm tích hợp GDKNS.

e. Phương pháp thống kê toán học

Đề tài sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý dữ liệu thu thập được trên phần mềm SPSS.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

1.1. KỸ NĂNG SỐNG

1.1.1. Khái niệm kỹ năng

Trong TLH tồn tại hai quan niệm khác nhau về KN.

- Quan niệm thứ nhất: Xem xét KN nghiêng về mặt kỹ thuật của hành động, người có KN là người nắm vững tri thức về hành động và thực hiện hành động theo đúng yêu cầu của nó mà không cần tính đến kết quả hành động. Đại diện cho quan niệm này có thể kể đến một số tác giả: Ph.N.Gônôbôlin (1973), V.A.Krutretski (1980), Trần Trọng Thủy...

- Quan niệm thứ hai: Xem xét KN là một biểu hiện năng lực con người chứ không phải đơn thuần là mặt kỹ thuật của hành động. Coi KN là năng lực thực hiện một công việc kết quả với chất lượng cần thiết trong một thời gian nhất định. Có thể kể đến một số tác giả như: K.K. Platônôv (1967) , A.V.Petropski (1990) Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Ánh Tuyết, Ngô Công Hoàn, Trần Quốc Thành, Nguyễn Văn Đồng, Lê Văn Hồng...

Qua nghiên cứu các khái niệm về KN, trong đề tài này, chúng tôi thống nhất sử dụng khái niệm của tác giả Lê Văn Hồng như sau:

“Kỹ năng là khả năng vận dụng kiến thức (khái niệm, cách thức, phương pháp, ...) để giải quyết một nhiệm vụ mới” [8, tr.102]

1.1.2. Khái niệm kỹ năng sống

Có nhiều quan niệm về kỹ năng sống

- Theo Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục của Liên hiệp quốc (UNESCO) cho rằng: Kỹ năng sống là kỹ năng tự quản bản thân và kỹ năng xã hội cần thiết để cá nhân tự lực trong cuộc sống, học tập và làm việc hiệu quả. Kỹ năng sống gắn với 4 trụ cột của giáo dục, đó là:

Học để biết (learning to know): Là kỹ năng tư duy như: giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, ra quyết định, nhận thức được hậu quả,..

Học để làm (learning to do): Là các kỹ năng thao tác công việc và các nhiệm vụ.

Học để làm người (learning to be): Là các kỹ năng cá nhân như: ứng phó với căng thẳng, cảm xúc, tự nhận thức, tự tin,...

Học để chung sống với người khác (learning to live together): Là các kỹ năng xã hội như: giao tiếp, tự khẳng định, hợp tác, cảm thông,...

- Theo Quỹ cứu trợ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF): Kỹ năng sống là cách tiếp cận giúp thay đổi hành vi hoặc hình thành hành vi mới nhằm tạo ra sự cân bằng giữa kiến thức, thái độ và hành vi. Cách tiếp cận này chú ý đến khả năng chuyển đổi kiến thức (phải làm gì) và thái độ (cảm xúc thế nào, tin tưởng vào giá trị nào?,...) thành hành động (làm gì và làm như thế nào?).

- Kỹ năng sống còn có nghĩa là khả năng phân tích tình huống và hành vi, khả năng phân tích hậu quả của hành vi và khả năng tránh một số tính huống nào đó (UNICEF, Thái Lan 1995). Ngoài ra, kỹ năng sống còn có nghĩa là khả năng ứng phó với các tình huống nguy cơ để dự phòng đối với các vấn đề sức khỏe (UNAIDS, 1997).

Như vậy, tuy cách diễn đạt về kỹ năng sống có khác nhau, song, các khái niệm về kỹ năng sống đều thống nhất cách hiểu kỹ năng sống ở một số điểm sau:

Kỹ năng sống là năng lực tâm lý xã hội liên quan đến tri thức, giá trị và thái độ, được thể hiện ra bằng hành vi làm cho cá nhân có thể thích nghi và giải quyết có hiệu quả các yêu cầu và thách thức của cuộc sống, thể hiện những hành vi phù hợp khi tương tác với những người khác trong các điều kiện ngoại cảnh khác nhau trên cơ sở một nền văn hóa nhất định. Năng lực tâm lý - xã hội đóng vai trò chủ chốt trong việc duy trì sức khỏe thể chất, sức khỏe tâm thần khỏe mạnh của cá nhân trong các mối quan hệ xã hội.

Kỹ năng sống là khả năng làm chủ bản thân của mỗi người, khả năng ứng xử phù hợp với những người khác và với xã hội, khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống.

Kỹ năng sống không tự nhiên mà có, nó được hình thành trong quá trình học tập, lĩnh hội, rèn luyện trong cuộc sống. Quá trình hình thành kỹ năng sống diễn ra cả trong và ngoài hệ thống giáo dục.

Từ những phân tích trên đây, trong nghiên cứu này, tôi sử dụng khái niệm kỹ năng sống của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) như sau:

“Kỹ năng sống là năng lực tâm lý - xã hội để đáp ứng và đối phó với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày” [24, tr.18].

1.2. GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

1.2.1. Khái niệm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

Giáo dục KNS là giáo dục cách sống tích cực trong xã hội hiện đại, xây dựng những hành vi lành mạnh, thay đổi những hành vi, thói quen tiêu cực trên cơ sở giúp trẻ có thái độ, kiến thức, kỹ năng, giá trị cá nhân thích hợp với thực tế xã hội, giúp con người có thể giải quyết được những vấn đề trong cuộc sống. Do vậy, giáo dục kỹ năng sống đòi hỏi phải có một quá trình giúp người học thay đổi nhận thức, thay đổi thái độ, và dẫn đến thay đổi hành vi.

“Giáo dục kỹ năng sống là quá trình tác động có kế hoạch, có mục đích với những nội dung và phương pháp khoa học nhằm hình thành cho người học cách sống tích cực trong xã hội hiện đại, xây dựng cho họ những hành vi lành mạnh, làm thay đổi những hành vi, thói quen tiêu cực trên cơ sở kiến thức, giá trị, thái độ và các kỹ năng thích hợp” [24, tr.24].

Đối với học sinh tiểu học, các em đang trong quá trình rèn luyện, hình thành và phát triển hành vi, nhân cách, vì vậy, việc giáo dục kỹ năng sống cho các em là quá trình hướng tới việc rèn luyện, hình thành, duy trì những hành vi tích cực, lành mạnh, thay đổi, uốn nắn, sửa chữa những hành vi chưa phù hợp. Quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học dựa trên cơ sở giúp các em có kiến thức, thái độ và hình thành hành vi phù hợp. Việc giáo dục KNS cho học sinh tiểu học cần được thực hiện thống nhất trong nhiệm vụ giáo dục nhân cách toàn diện.

“Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học là quá trình tác động có kế hoạch, có định hướng của nhà giáo dục tới trẻ thông qua việc tổ chức hoạt động nhằm hình thành, rèn luyện hoặc thay đổi các hành vi của trẻ theo hướng tích cực, phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách trẻ, dựa trên cơ sở giúp trẻ có tri thức, thái độ và kỹ năng phù hợp đáp ứng được những yêu cầu của cuộc sống hiện tại” [24, tr.25].

1.2.2. Vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

Việc giáo dục kỹ năng sống có vai trò quan trọng đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay, cụ thể như sau:

- Giáo dục kỹ năng sống thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và xã hội

Xã hội hiện đại có sự thay đổi về mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội và lối sống với tốc độ nhanh đã làm nảy sinh những vấn đề mà trước đây con người chưa gặp, chưa phải ứng phó, đương đầu; hoặc có những vấn đề đã xuất hiện trước đây, nhưng nó chưa phức tạp, khó khăn và đầy thách thức như

trong xã hội hiện đại. Vì vậy, con người trong xã hội hiện đại cần phải có kỹ năng sống để sống thành công và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Không chỉ thúc đẩy sự phát triển của cá nhân, giáo dục kỹ năng sống góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội, ngăn ngừa các vấn đề và bảo vệ quyền con người, thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực, nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm các tệ nạn xã hội.

- Giáo dục kỹ năng sống là yêu cầu cấp thiết đối với thế hệ trẻ

Giáo dục kỹ năng sống càng trở nên cấp thiết đối với thế hệ trẻ, bởi các em là những chủ nhân tương lai của đất nước, giúp các em rèn luyện những hành vi có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và Tổ quốc; giúp các em có khả năng ứng phó tích cực trước các tình huống của cuộc sống, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bạn bè và mọi người, sống tích cực, chủ động, an toàn, hài hòa và lành mạnh.

Đối với học sinh tiểu học: GDKNS giúp các em có khả năng tự lập, thích ứng và ứng xử tích cực trước các tình huống trong cuộc sống. GDKNS giúp trẻ tự chủ, tự tin trong cuộc sống, tự nhận thức bản thân, phát huy thế mạnh cá nhân; rèn luyện những phẩm chất đạo đức, phát triển toàn diện chỉ số thông minh (IQ), trí tuệ xúc cảm (EQ), trí tuệ xã hội (SQ); tạo ra tiền đề tốt cho sự phát triển nhân cách của các em trong các giai đoạn sau [24].

1.2.3. Mục tiêu giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

GDKNS cho học sinh tiểu học hướng đến các mục tiêu sau:

- Trang bị cho người học những kiến thức, giá trị, thái độ và kỹ năng sống cần thiết, phù hợp với lứa tuổi trong đó có tính đến đặc thù của điều kiện địa lý, văn hóa, vùng, miền, dân tộc. Trên cơ sở đó hình thành cho HS những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong các mối quan hệ, trong hoạt động hàng ngày.

- Giúp các em có kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội, có khả năng hòa nhập tốt với cộng đồng, xã hội.

- Hình thành cho các em kỹ năng làm chủ bản thân, khả năng ứng phó trước những tình huống khó khăn của cuộc sống hàng ngày; có kỹ năng tự bảo vệ mình trước các vấn đề của xã hội có nguy cơ ảnh hưởng đến cuộc sống của các em, biết cách phòng tránh những hành vi có hại cho sự phát triển của bản thân.

- Rèn luyện cho các em lối sống có trách nhiệm với bản thân, bạn bè, gia đình và cộng đồng, mở ra cho các em cơ hội, hướng suy nghĩ tích cực, tự tin trong việc giải quyết các vấn đề gặp phải trong cuộc sống.

- Tạo cơ hội thuận lợi để các em thực hiện tốt quyền, bổn phận của mình và phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ, đạo đức [24, tr.27-28].

1.2.4. Nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

Quá trình GDKNS cho học sinh tiểu học cần phải đảm bảo 5 nguyên tắc cơ bản: Nguyên tắc tương tác, nguyên tắc trải nghiệm; nguyên tắc tiến trình, nguyên tắc thay đổi hành vi, thời gian – môi trường giáo dục.

Nguyên tắc tương tác:

KNS không thể được hình thành chỉ qua việc nghe giảng và tự đọc tài liệu mà phải thông qua các hoạt động tương tác với người khác. KNS được hình thành trong quá trình học sinh tương tác với các bạn cùng học và những người xung quanh (như kỹ năng thương lượng, kỹ năng giải quyết vấn đề,...) thông qua hoạt động học tập hoặc các hoạt động xã hội trong nhà trường. Trong khi tham gia vào các hoạt động có tính tương tác, học sinh có dịp thể hiện các ý tưởng của mình, xem xét ý tưởng của người khác, được đánh giá và xem xét lại những kinh nghiệm sống của mình trước đây theo một cách nhìn nhận khác. Vì vậy, việc tổ chức các hoạt động có tính chất tương tác cao tạo cơ hội quan trọng để giáo dục KNS hiệu quả.

Nguyên tắc trải nghiệm:

KNS chỉ được hình thành khi người học được trải nghiệm qua các tình huống thực tế, trực tiếp. Kỹ năng sống có thể học ở mọi tình huống, mọi lúc, mọi nơi, cả ở trong gia đình, ở nhà trường và ngoài xã hội. Khi trẻ bắt gặp một tình huống cụ thể là lúc có thể dạy KNS, từ tình huống thực và phải giải quyết tình huống thực thì trẻ mới có KNS. Gia đình và nhà trường sẽ là nơi định hướng, hướng dẫn, tạo môi trường trải nghiệm để trẻ có được những KNS, từ đó giúp các em đưa ra cách ứng xử phù hợp với điều kiện thực tế.

Giáo viên cần thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động trong và ngoài giờ học sao cho học sinh có cơ hội thể hiện ý tưởng cá nhân, tự trải nghiệm và biết phân tích kinh nghiệm sống của mình và người khác. Việc tổ chức các hoạt động giáo dục có tính chất trải nghiệm trong nhà trường tạo cơ hội quan trọng để giáo dục KNS hiệu quả.

Nguyên tắc tiến trình:

Giáo dục KNS không thể hình thành trong “ngày một, ngày hai” mà đòi hỏi phải có cả một quá trình: từ thay đổi nhận thức – hình thành thái độ - thay đổi hành vi. Đây là một quá trình mà mỗi yếu tố có thể là khởi đầu của một chu trình mới. Đó đó, nhà giáo dục có thể tác động lên bất cứ mắt xích nào trong tiến trình trên: thay đổi thái độ dẫn đến mong muốn thay đổi nhận thức và hành vi hoặc hành vi thay đổi tạo nên sự thay đổi nhận thức và thái độ.

Nguyên tắc thay đổi hành vi:

Mục đích cao nhất của giáo dục KNS là giúp người học thay đổi hành vi theo hướng tích cực. Giáo dục KNS thúc đẩy người học thay đổi hay định hướng lại các giá trị, thái độ và hành động của mình. Thay đổi hành vi, thái độ và giá trị ở từng con người là một quá trình khó khăn và diễn ra không đồng thời. Có thời điểm người học lại quay trở lại những thái độ, hành vi hoặc giá trị trước. Do đó, các nhà giáo dục cần kiên trì và tổ chức các hoạt động liên tục để học sinh duy trì hành vi và thói quen mới.

Nguyên tắc thời gian - môi trường giáo dục:

Giáo dục giáo dục kỹ năng sống được thực hiện mọi lúc, mọi nơi và thực hiện càng sớm càng tốt đối với trẻ em. Môi trường giáo dục cần tổ chức một cách liên tục, thường xuyên nhằm tạo cơ hội cho học sinh áp dụng kiến thức và kỹ năng vào tình huống thực trong cuộc sống.

Giáo dục kỹ năng sống được giáo dục trong mọi môi trường như gia đình, nhà trường, xã hội. Người tổ chức giáo dục KNS cho các em có thể là bố mẹ, thầy cô giáo, bạn học hay là các thành viên trong cộng đồng.

Trong nhà trường, giáo dục KNS cho học sinh được tiến hành thông qua dạy học các môn học, trong hoạt động lao động, hoạt động đoàn thể - xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và các hoạt động giáo dục khác [3].

Để thực hiện việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học nhà giáo dục phải đảm bảo các nguyên tắc trên, lồng ghép giáo dục kỹ năng sống thông qua dạy học các môn học, trong hoạt động lao động và các hoạt động giáo dục khác.

1.2.5. Nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

Có nhiều quan niệm khác nhau về các kỹ năng sống cơ bản cần giáo dục cho học sinh tiểu học

Trong công văn 463/BGDĐT-GDTH ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ

năng sống tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên đã xác định nội dung giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học: *“Tiếp tục rèn luyện những kỹ năng đã được học ở mầm non, tập trung hình thành cho học sinh kỹ năng giao tiếp với cha mẹ, thầy cô, bạn bè; kỹ năng xây dựng tình bạn đẹp; kỹ năng kiên trì trong học tập; kỹ năng đúng giờ và làm việc theo yêu cầu, kỹ năng đồng cảm,... tạo tiền đề cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất, học vấn và năng lực của học sinh”*.

Theo quan niệm của các tác giả Lưu Thu Thủy, ở trường tiểu học cần hình thành và phát triển cho học sinh theo các khối/lớp các kỹ năng sống như sau:

- Đối với học sinh lớp 1: Kỹ năng tự phục vụ; giữ gìn đồ dùng cá nhân; kỹ năng phòng tránh bị thương do các vật sắc nhọn và bị ngã; kỹ năng ứng xử với người lạ; kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ; kỹ năng ứng xử văn minh, lịch sự.

- Đối với học sinh lớp 2: Kỹ năng lắng nghe tích cực; kỹ năng tự phục vụ, vệ sinh cá nhân; kỹ năng tự bảo vệ mình; kỹ năng tìm kiếm sự giúp đỡ; cảm thông và chia sẻ; biết từ chối (kỹ năng từ chối).

- Đối với học sinh lớp 3: Kỹ năng tự nhận thức về mình; kỹ năng tự lập; an toàn trên đường (tham gia giao thông an toàn); kỹ năng giao tiếp; kỹ năng quản lý thời tiếp; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn.

- Đối với học sinh lớp 4: Những điều quan trọng đối với em (kỹ năng xác định giá trị); em là người lịch sự; thương lượng (kỹ năng giao tiếp); quyết định sáng suốt (kỹ năng ra quyết định); tự bảo vệ, phòng tránh nguy cơ bị xâm hại tình dục (kỹ năng tự bảo vệ); em biết chi tiêu thông minh (kỹ năng quản lý tiền bạc).

- Đối với học sinh lớp 5: Sức mạnh của mục tiêu (kỹ năng đặt mục tiêu); thuyết trình không khó (kỹ năng giao tiếp); hợp tác với bạn bè và mọi người (kỹ năng hợp tác); kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin; quyết định sáng suốt (kỹ năng ra quyết định); vượt qua căng thẳng (kỹ năng kiểm soát cảm xúc) [26].

Tác giả Huỳnh Lâm Anh Chương trên cơ sở nghiên cứu quan niệm của tổ chức Văn hóa và giáo dục thế giới (UNESCO) tác giả cho rằng giáo dục kỹ năng sống cần gắn với 4 trụ cột của giáo dục. Vì vậy tác giả đã xây dựng 4 nhóm kỹ năng tương ứng để giáo dục cho học sinh tiểu học và các biểu hiện của từng kỹ năng cụ thể. Đó là:

- *Các kỹ năng tư duy* (nhằm thực hiện mục tiêu: *Học để biết* gồm các kỹ năng tư duy): Kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề.

- *Kỹ năng cá nhân* (Nhằm thực hiện mục tiêu: *Học để làm người*): Kỹ năng ứng phó với căng thẳng, kỹ năng kiểm soát cảm xúc, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng tự tin.

- *Các kỹ năng xã hội* (nhằm thực hiện mục tiêu: *Học để sống chung*): Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng hợp tác, kỹ năng cảm thông, kỹ năng xác định giá trị, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn.

- *Các kỹ năng thực hiện công việc và nhiệm vụ* (nhằm thực hiện mục tiêu: *Học để làm*): Kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng đảm nhận trách nhiệm, kỹ năng kiên định, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin.

Hoàng Hòa Bình và các tác giả khác cho rằng: “Nội dung giáo dục KNS trong nhà trường phổ thông tập trung các kỹ năng tâm lý - xã hội là những kỹ năng được vận dụng trong những tình huống hàng ngày để làm chủ bản thân, tương tác với người khác và giải quyết hiệu quả những vấn đề, những tình huống trong cuộc sống. Việc hình thành những kỹ năng này không loại bỏ mà ngược lại phải gắn kết và song hành với việc hình thành các kỹ năng học tập như: đọc, viết, tính toán, sử dụng máy tính...”. Theo các tác giả thì cần giáo dục cho học sinh tiểu học các kỹ năng sống sau: KN tự nhận thức, KN xác định giá trị, KN kiểm soát cảm xúc, KN ứng phó với căng thẳng, KN tìm kiếm sự hỗ trợ, KN thể hiện sự tự tin, KN giao tiếp, KN lắng nghe tích cực, KN trình bày suy nghĩ, ý tưởng, KN cảm thông, chia sẻ, KN giải quyết mâu thuẫn, KN hợp tác, KN tư duy phê phán, KN tư duy sáng tạo, KN ra quyết định, KN giải quyết vấn đề, KN kiên định, KN đảm nhận trách nhiệm, KN đặt mục tiêu, KN quản lý thời gian, KN tìm kiếm và xử lý thông tin, KN tự phục vụ, KN phòng chống tai nạn, thương tích [3].

Theo quan niệm của tác giả Nguyễn Thanh Bình và một số tác giả khác khi tiếp cận kỹ năng sống thông qua chương trình giáo dục tiểu học thì cần hình thành cho học sinh tiểu học các kỹ năng và kỹ năng sống sau:

- Các kỹ năng cơ bản: đọc, viết, tính toán, nói, nghe.

- Coi trọng đúng mực các kỹ năng sống trong cộng đồng, thích ứng với những biến đổi diễn ra hàng ngày trong xã hội hiện đại như: giao tiếp, thương lượng, lãnh đạo, hợp tác, thích nghi với sự đa dạng về văn hóa.

- Hình thành các kỹ năng tư duy như tư duy sáng tạo, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, ra quyết định, trí tưởng tượng [1].

Trên cơ sở nghiên cứu các quan niệm khác nhau về các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh tiểu học của các tác giả, căn cứ vào đặc điểm phát triển tâm - sinh lý của học sinh tiểu học, căn cứ vào yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, căn cứ vào mục tiêu giáo dục toàn diện bậc tiểu học, căn cứ vào quan điểm chỉ đạo về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học của Bộ giáo dục và Đào tạo, trong tài liệu này chúng tôi lựa chọn, đề xuất một số nhóm kỹ năng và các kỹ năng sống cơ bản cần hình thành cho học sinh tiểu như sau:

- Nhóm kỹ năng thiết lập mối quan hệ với người khác nhằm giúp HSTH có khả năng giao tiếp, thiết lập mối quan hệ với những người xung quanh trong cuộc sống sinh hoạt và học tập hàng ngày của các em (cha mẹ, ông bà, anh chị em, thầy cô, bạn bè...). Ở HSTH, giáo dục nhóm KN thiết lập mối quan hệ với người khác bao gồm các kỹ năng như: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng bày tỏ sự cảm thông, kỹ năng hợp tác, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực, kỹ năng thương lượng, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ.

- Nhóm kỹ năng phát triển bản thân nhằm giúp HSTH có khả năng tự nhận thức về bản thân, biết phát triển các năng lực bản thân, đặt ra các mục tiêu cho bản thân và biết tự rèn luyện mình. Ở HSTH, giáo dục nhóm KN phát triển bản thân bao gồm các kỹ năng như: Kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng kiểm soát cảm xúc, kỹ năng ứng phó với căng thẳng, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy phê phán, kỹ năng kiên định.

- Nhóm kỹ năng tự phục vụ nhằm hướng các em đến khả năng tự lập, tự phục vụ bản thân trong học tập và sinh hoạt hàng ngày. Giáo dục các kỹ năng tự phục vụ cho HSTH bao gồm các KN: Kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tự học, kỹ năng sắp xếp góc học tập, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin.

- Nhóm kỹ năng tự bảo vệ giúp các em có khả năng phòng tránh, biết ứng phó để có thể tự bảo vệ mình an toàn tốt nhất có thể trong các tình huống nguy hiểm khác nhau của cuộc sống. Có rất nhiều KN tự bảo vệ, tuy nhiên, đối với

HSTH, trong tài liệu này, chúng tôi xin trình bày một số KN tự bảo vệ sau: Kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục, kỹ năng phòng tránh hoả hoạn, kỹ năng phòng tránh đuối nước, kỹ năng phòng tránh bạo lực học đường, kỹ năng phòng bệnh truyền nhiễm, kỹ năng phòng tránh nghiện trò chơi điện tử (game) [24, tr. 36-38].

Trong nghiên cứu này, để đánh giá quá trình tổ chức và hiệu quả GDKNS thông qua tiết dạy GDKNS theo các chuyên đề, tức là các tiết dạy KNS độc lập, chúng tôi đã lựa chọn nghiên cứu nội dung giáo dục KNS cho các em học sinh lớp 3 năm học 2023-2024 theo chương trình GDKNS Poki được thực hiện ở Trường TH Tân Thành và Trường TH Ninh Tiến, gồm 02 bài. Cụ thể:

Bài 65: Truy cập Internet an toàn (Chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 33.

Bài 69: Những điều cần biết khi bị chuột rút (Chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 35.

Một số nội dung giáo dục kỹ năng truy cập internet an toàn và kỹ năng phòng tránh, xử trí khi bị chuột rút của chương trình kỹ năng sống Poki dành cho học sinh lớp 3 như sau:

Bài 65: Truy cập Internet an toàn

Trong thời đại công nghệ thông tin, việc truy cập internet an toàn là điều rất quan trọng để giúp chúng ta tránh được rủi ro, tránh được tình huống các em bị gặp người xấu trên mạng, vì vậy các em cần có kỹ năng này.

Một số biện pháp để truy cập internet an toàn:

- Không chia sẻ thông tin cá nhân của mình và gia đình lên mạng xã hội.
- Hạn chế giao tiếp với người lạ trên mạng, nên hỏi ý kiến của người lớn mà em tin tưởng trước.
- Không tiết lộ mật khẩu tài khoản ngân hàng, email hoặc mạng xã hội cho bất cứ ai.
- Không mở email từ địa chỉ lạ, không vào các đường dẫn lạ, dừng truy cập khi thấy hiện tượng bất thường xảy ra, không tham gia bất kì cuộc thi dành giải thưởng trên mạng nào nếu không có sự đồng ý của người lớn mà em tin tưởng.
- Đăng xuất ngay sau khi sử dụng máy tính công cộng.
- Đặt mật khẩu một cách thông minh.

Bài 69: Những điều cần biết khi bị chuột rút

Chuột rút là cảm giác đau gây ra bởi sự co rút, thường ở cơ bắp tay, chân...Chuột rút có thể xảy ra khi chúng ta đang vận động, đang thức hoặc kể cả khi ta đang ngủ. Chuột rút khiến chúng ta cảm thấy rất đau, không vận động được. Chuột rút sẽ rất nguy hiểm nếu chúng ta đang bơi hoặc đang ở dưới nước.

Nguyên nhân gây ra chuột rút: Cơ thể bị thiếu nước, không khởi động trước khi tập thể thao, vận động nặng, do ngồi lâu, không vận động,...

Biện pháp để phòng tránh bị chuột rút: Uống đủ nước trong ngày, tập thể dục thường xuyên, khởi động trước khi bơi, tập thể dục.

Một số biện pháp xử lý khi bị chuột rút:

- Chuột rút ở bàn chân: Cầm đầu ngón chân kéo nhẹ và đứng thẳng người một lúc nhưng không cho gót chân chạm đất.

- Chuột rút ở cẳng chân: Nhẹ nhàng vươn duỗi theo chiều đối ngược, kéo đầu ngón chân và bàn chân lên cao, hướng về đầu gối.

- Chuột rút ở xương sườn: Hít thở sâu để thư giãn cơ, đồng thời xoa bóp nhẹ các bắp thịt xung quanh.

- Khi bị chuột rút ở bất cứ vị trí nào, chúng ta cần dừng ngay vận động và thả lỏng cơ.

- Bị chuột rút trong quá trình bơi: Ngửa người lên, dang 2 chân, các ngón chân ngửa về phía đầu, bơi vào bờ và đồng thời kêu cứu,...

Trên đây là một số nội dung giáo dục về kỹ năng truy cập internet an toàn và cách phòng tránh, xử trí khi bị chuột rút của chương trình kỹ năng sống Poki dành cho học sinh lớp 3.

Trong nghiên cứu này, để đánh giá quá trình tổ chức và hiệu quả GDKNS thông qua giờ dạy tích hợp GDKNS thông qua tiết hoạt động trải nghiệm cho các em học sinh lớp 3 năm học 2023-2024. Năm học 2023-2024, Trường TH Tân Thành và Trường TH Ninh Tiến dạy môn Hoạt động trải nghiệm lớp 3 (bộ sách “Chân trời sáng tạo”). Trong nghiên cứu này, chúng tôi lựa chọn tiết 102: Làm trái tim yêu thương tặng bạn. Khi quan sát tiết học này, chúng tôi lựa chọn đánh giá mức độ hình thành KN giao tiếp của các em học sinh sau giờ học. Sau đây, chúng tôi sẽ đề cập đến một số lí luận cơ bản về kỹ năng giao tiếp:

Kỹ năng giao tiếp là khả năng con người bày tỏ suy nghĩ và thái độ của bản thân một cách phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp.

Người có kỹ năng giao tiếp có khả năng bày tỏ ý kiến của bản thân theo hình thức nói, viết hoặc sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách phù hợp với hoàn cảnh và văn hóa, đồng thời biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của người khác ngay cả khi bất đồng quan điểm. Bày tỏ ý kiến bao gồm cả bày tỏ về suy nghĩ, ý tưởng, nhu cầu, mong muốn, cảm xúc, nhờ sự trợ giúp và tư vấn khi cần thiết.

Ý nghĩa:

- KN giao tiếp giúp con người đánh giá đúng tình huống và đối tượng giao tiếp, xây dựng và giữ gìn các mối quan hệ, đạt được mục đích giao tiếp, là điều kiện cần thiết cho sự thành công và hạnh phúc của mỗi cá nhân.

- Kỹ năng giao tiếp tốt giúp con người có thể dung hòa được các mối quan hệ, giúp họ có thể đạt được mong muốn một cách chính đáng.

- KN giao tiếp cũng giúp con người biết cách kết thúc các mối quan hệ khi cần thiết một cách xây dựng.

Biểu hiện của kỹ năng giao tiếp ở học sinh tiểu học:

- Có hiểu biết về vị trí, vai trò của bản thân và những người xung quanh, hiểu về các mối quan hệ của mình trong gia đình và nhà trường, cũng như đối với những người xung quanh.

- Ý thức được mục đích giao tiếp của mình trong các tình huống thường gặp ở nhà và ở trường tiểu học.

- Biết cách trình bày suy nghĩ, nguyện vọng, tình cảm,... của mình với những người xung quanh, biết cách xây dựng tình cảm của mình với người thân, bạn bè, thầy cô,...; biết cách giao tiếp, ứng xử phù hợp trong các tình huống khác nhau.

- Biết sử dụng các phương tiện giao tiếp (ngôn ngữ, phi ngôn ngữ),... để xây dựng và phát triển các mối quan hệ của bản thân [24].

Trên đây là một số nhóm kỹ năng và các kỹ năng sống cần được giáo dục cho học sinh tiểu học. Việc lựa chọn những kỹ năng sống nào cần được giáo dục cho các em, người giáo viên cần dựa trên đặc điểm phát triển tâm – sinh lý của học sinh tiểu học, khả năng của các em, phù hợp với điều kiện thực tế ở vùng/miền, địa phương và cơ sở vật chất, phương tiện của nhà trường,... để đạt được mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách người học.

1.2.6. Phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

1.2.6.1. Phương pháp thuyết trình

Là phương pháp giáo viên dùng lời nói để trình bày, giải thích nội dung chủ đề bài học giáo dục kỹ năng sống một cách logic và có hệ thống.

Yêu cầu sư phạm khi sử dụng phương pháp:

- Ngôn ngữ biểu đạt và nội dung phải có tính logic, phù hợp, giản dị, tự nhiên, giàu hình ảnh.
- Phát âm rõ ràng, chính xác.
- Tốc độ, cường độ âm thanh vừa phải.
- Nhấn giọng ở những nội dung quan trọng. Ngôn ngữ nói cần thể hiện sự tự nhiên, cuốn hút, phấn khích và truyền cảm.
- Ngôn ngữ nói được phối hợp nhịp nhàng với ngôn ngữ cơ thể như ánh mắt, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ,...

1.2.6.2. Phương pháp vấn đáp

Là phương pháp giáo viên tổ chức thực hiện quá trình hỏi - đáp giữa giáo viên và học sinh nhằm làm sáng tỏ nội dung bài học hoặc rút ra những kết luận cần thiết.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp:

- Cần đặt câu hỏi cho toàn lớp rồi mới chỉ định học sinh trả lời.
- Khi học sinh trả lời, GV cần chú ý lắng nghe, có thể gợi ý bằng các câu hỏi phụ để HS có thể trả lời được câu hỏi chính.
- Bình tĩnh khi học sinh trả lời sai, tránh nôn nóng, vội vàng ngắt lời HS.
- Cần chú ý uốn nắn cách diễn đạt của HS để giúp các em phát triển ngôn ngữ và tư duy logic.
- Cần khéo léo thúc đẩy học sinh nêu thắc mắc, tạo ra tình huống có vấn đề và thu hút cả lớp tranh luận, giải quyết vấn đề đó.

1.2.6.3. Phương pháp thực hành/luyện tập

Là phương pháp trong đó dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh lặp đi lặp lại nhiều lần những hành động cụ thể trong những hoàn cảnh khác nhau, nhằm hình thành và phát triển cho học sinh những kỹ năng sống cần thiết.

Yêu cầu:

- Cần phổ biến quy trình các bước rõ ràng, yêu cầu học sinh nắm vững lí thuyết rồi mới thực hành.

- Có thể tổ chức cho học sinh thực hành trong môi trường thực tế với những phương tiện, thiết bị thật hoặc môi trường giả định với những phương tiện, thiết bị thay thế.

1.2.6.4. Phương pháp nghiên cứu tình huống

Là phương pháp trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh nghiên cứu những tình huống thường xảy ra trong cuộc sống thực tiễn chứa đựng các vấn đề cần giải quyết, qua đó giúp các em tìm ra những kiến thức mới và hình thành những kỹ năng sống cần thiết.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp:

- Cần bám sát vào nội dung vấn đề để lựa chọn tình huống phù hợp.
- Cần kết hợp với các phương pháp đóng vai để rèn luyện kỹ năng sống cần thiết cho học sinh.

1.2.6.5. Phương pháp trò chơi

Là phương pháp tổ chức cho người học tham gia một trò chơi, thông qua đó giúp họ được tìm hiểu vấn đề, được bày tỏ thái độ, hành vi hay việc làm phù hợp trong một tình huống cụ thể.

Yêu cầu khi sử dụng phương pháp:

- Trò chơi phải dễ tổ chức và thực hiện, phải phù hợp với chủ đề giáo dục KNS, với đặc điểm, trình độ người học, với quỹ thời gian, với hoàn cảnh, điều kiện thực tế của lớp học.
- Học sinh cần phải nắm được quy tắc trò chơi và tôn trọng luật chơi.
- Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, tạo điều kiện cho tất cả học sinh đều được tham gia chơi, lưu ý đến những học sinh rụt rè, nhút nhát.

1.2.6.6. Phương pháp đóng vai

Là phương pháp trong đó người học thực hành “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định.

Yêu cầu khi thực hiện phương pháp:

- Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học, phù hợp với lứa tuổi, trình độ học sinh và điều kiện lớp học.
- Tình huống không nên quá dài và phức tạp.
- Tình huống cần để mở để học sinh tự tìm cách giải quyết, ứng xử phù hợp.
- Các vai diễn nên để cho học sinh tự phân công nhau đảm nhận.

- Đảm bảo cho tất cả các học sinh đều được tham gia, đặc biệt là những học sinh nhút nhát.

- Nên chuẩn bị hóa trang và chuẩn bị những đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn.

1.2.6.7. Phương pháp thảo luận nhóm

Là phương pháp chia người học ra thành các nhóm nhỏ để cùng nhau thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm về một chủ đề, một vấn đề để đi đến kết luận, hay tìm ra cách giải quyết vấn đề có liên quan đến chủ đề giáo dục kỹ năng sống.

Yêu cầu khi thực hiện phương pháp:

- Trong thảo luận nhóm, các thành viên đều phải tham gia thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Vai trò nhóm trưởng, thư ký và người đại diện cho nhóm trình bày ý kiến cần được luân phiên nhau thực hiện.

- Trong giáo dục KNS, phương pháp thảo luận nhóm có thể kết hợp với phương pháp tình huống và đóng vai để góp phần làm tăng hiệu quả của việc giáo dục KNS cho học sinh [24, tr. 132-142].

Tóm lại, các phương pháp giáo dục kỹ năng sống rất đa dạng và phong phú. Trong quá trình giáo dục, đòi hỏi người giáo viên phải lựa chọn và sử dụng các phương pháp một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với từng nội dung giáo dục KNS, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện, phương tiện của nhà trường.

1.2.7. Hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

1.2.7.1. Giáo dục kỹ năng sống theo phương pháp tích hợp

- Lồng ghép nội dung giáo dục KNS trong tiết sinh hoạt cuối tuần: Để lồng ghép nội dung giáo dục KNS đạt hiệu quả trong tiết sinh hoạt lớp cần tăng cường các hoạt động tập thể đa dạng như trò chơi, đóng vai, giải quyết tình huống,... Khi tổ chức hoạt động giáo dục KNS trong tiết sinh hoạt lớp cần xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, xây dựng quy trình phù hợp với đặc điểm học sinh, điều kiện của lớp, của trường và thời gian hợp lý.

- Lồng ghép nội dung giáo dục KNS trong tiết chào cờ đầu tuần: Để lồng ghép nội dung giáo dục KNS đạt hiệu quả trong tiết chào cờ đầu tuần cần giảm thiểu việc phê bình, đánh giá học sinh; tăng cường các hoạt động giáo dục tập thể như tổ chức các cuộc thi giữa các lớp theo chủ đề KNS đã xác định, nói chuyện chuyên đề về các vấn đề của xã hội ảnh hưởng đến KNS của học sinh,...

- Lồng ghép nội dung giáo dục KNS trong hoạt động trải nghiệm: Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, hoạt động trải nghiệm được thực hiện bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12 với hai hoạt động chính, đó là hoạt động trải nghiệm trong từng môn học và hoạt động trải nghiệm mang tính tích hợp. Để thực hiện mục tiêu và nội dung của hoạt động trải nghiệm, việc lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống vào các hoạt động trải nghiệm là rất cần thiết. Bởi vì, thông qua hoạt động trải nghiệm, HS có thể hình thành được các KNS cơ bản, thói quen sinh hoạt tích cực trong cuộc sống hàng ngày, biết tuân thủ các nội quy, quy định, biết cách giao tiếp ứng xử có văn hóa và khả năng ứng phó với các tình huống khó khăn trong cuộc sống hàng ngày.

- Lồng ghép nội dung giáo dục KNS trong các môn học: Đây là cách mà nhà giáo dục tích hợp giáo dục KNS vào trong các môn học. Tuy nhiên, việc vận dụng này phải thực hiện sao cho tiết học không nặng nề hơn về kiến thức mà ngược lại khiến cho tiết học trở nên hứng thú hơn

- Giáo dục kỹ năng sống thông qua các hoạt động ngoại khóa được thể hiện dưới các hoạt động như:

+ Tổ chức lồng ghép GDKNS thông qua các chủ đề/chủ điểm cho từng khối/lớp hoặc trong phạm vi toàn trường. Có thể đó là những chủ điểm độc lập, cũng có thể đó là những chủ điểm được thực hiện hàng tháng.

+ Tổ chức lồng ghép GDKNS thông qua các hoạt động như: Hoạt động câu lạc bộ, tổ chức diễn đàn, hội thi/cuộc thi, sân khấu tương tác,...

1.2.7.2. Giáo dục kỹ năng sống theo chương trình dạy học độc lập

Giáo dục kỹ năng sống theo chương trình dạy học độc lập (hay theo các chuyên đề) là hình thức thiết kế chương trình GDKNS cho học sinh một cách bài bản, có hệ thống, để giáo dục cho các em các KNS khác nhau phù hợp với mỗi cấp học, mỗi khối/lớp, mỗi độ tuổi trong chương trình giáo dục phổ thông.

Việc giáo dục kỹ năng sống theo chương trình dạy học độc lập (hay theo các chuyên đề) sẽ giúp học sinh sẽ có nhiều thời gian để thực hành các KNS, giúp các em được hoạt động, được trải nghiệm, được thực hành, được luyện tập nhiều lần, do đó việc giáo dục KNS cho HS sẽ mang tính hệ thống và có hiệu quả hơn.

Như vậy, các hình thức giáo dục kỹ năng sống rất đa dạng và phong phú. Trong quá trình thực hiện đòi hỏi người giáo viên phải lựa chọn và sử dụng

các hình thức giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với từng điều kiện cụ thể [24].

1.2.8. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

1.2.8.1. Những yếu tố khách quan

a. Nhà trường

Trong nhiều yếu tố tác động đến KNS của HSTH, nhà trường giữ vai trò quan trọng. Vai trò của giáo dục nhà trường tác động đến quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học được thể hiện như sau:

- Nhà trường cần nhận thức được tầm quan trọng của việc GDKNS cho HS tiểu học trong giai đoạn hiện nay. Từ đó cần xác định mục đích GDKNS cho HS.

- Chú ý tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học để họ có thể có kiến thức, kỹ năng thực hiện việc GDKNS cho học sinh.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể nhằm giáo dục KNS cho học sinh toàn trường, từng khối, lớp.

- Xác định các hình thức giáo dục KNS cho HSTH cụ thể thông qua: các chuyên đề và tích hợp qua các môn học.

- Trang bị về cơ sở vật chất (phòng học, máy tính, máy chiếu,...), tài liệu hướng dẫn về GDKNS cho HSTH để giáo viên có thể hiện thực hóa các tiết dạy GDKNS cho HS tiểu học sinh động, hấp dẫn, có hiệu quả.

- Phát động các phong trào thi đua, qua đó rèn luyện các KNS, hình thành phẩm chất, năng lực ở HS.

- Để GDKNS cho HS thì các thầy cô giáo mẫu mực từ lời nói, hành vi và cách ứng xử cũng là những tấm gương thực tế nhất để các em HS noi theo.

b. Gia đình

Gia đình có vai trò quan trọng đối với sự hình thành, phát triển nhân cách. Đây là môi trường giáo dục đầu tiên, tác động thường xuyên đến mỗi người, đặt nền móng cho sự hình thành phát triển nhân cách. Ảnh hưởng của gia đình đến sự hình thành, phát triển KNS cho HSTH là một trong những yếu tố quan trọng nhất.

Mỗi gia đình sẽ tạo ra môi trường tâm lý - xã hội của gia đình thể hiện ở thái độ của các thành viên trong gia đình đối với những hành vi mà mỗi cá nhân. Môi trường tâm lý mà gia đình tạo ra, sự quan tâm của bố mẹ đối với

con cái, phương pháp, cách thức giáo dục của người lớn đối với trẻ cũng sẽ tác động đến sự hình KNS của các con. Nếu người lớn là những người dạy cho trẻ biết phân biệt hành vi đúng, hành vi sai, rèn luyện, định hướng, khuyến khích trẻ thực hiện những hành vi đúng thì những phẩm chất, KNS tích cực của trẻ sẽ được hình thành và ngược lại. Gia đình giáo dục các con phải thông qua các hoạt động thực tế. Hành vi của cha mẹ, của người lớn sẽ tác động đến hành vi của trẻ, vì vậy, cha mẹ và những người lớn tuổi phải là những tấm gương cho con cái noi theo. Đây là cách tốt nhất, quan trọng nhất, cũng là cách để cha mẹ tạo nên uy quyền thực sự của mình với con cái.

Đồng thời cha mẹ cần phải luôn bên con để hướng dẫn, điều chỉnh, uốn nắn những quan niệm hành vi, các mối quan hệ của con một cách kịp thời, hợp lý, giúp con nhận ra và biết tự bảo vệ mình trong các mối quan hệ xã hội, tạo ra một hàng rào “miễn dịch tự nhiên” để cho những tác động xấu không thâm nhập vào tâm hồn các em.

c. Các yếu tố khác

Ngoài yếu tố gia đình và nhà trường nêu trên, việc GDKNS cho HS trong giai đoạn hiện nay còn bị tác động bởi các yếu tố sau:

- Các phương tiện truyền thông: Sự phát triển của công nghệ truyền thông đa dạng, phong phú, đặc biệt là sự phát triển của mạng internet khiến học sinh tiếp cận với các thông tin nhanh chóng, dễ dàng. Tuy nhiên, bên cạnh những thông tin bổ ích, cũng có rất nhiều các nguồn thông tin xấu, độc hại, ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ. Nếu người lớn không kiểm soát được nguồn thông tin xấu, độc đến trẻ sẽ ảnh hưởng đến hành vi, nhân cách của trẻ.

- Môi quan hệ bạn bè: Đây là môi quan hệ cũng ảnh hưởng đến trẻ. Ở HSTH, tư duy phản biện còn yếu, hay bắt chước thì hành vi của các bạn cũng rất dễ ảnh hưởng đến các em. Do đó đòi hỏi người giáo viên tiểu học cần chú ý điều chỉnh hành vi, lời nói của học sinh ở trường. Các bậc cha mẹ phải luôn bên con để hướng dẫn, điều chỉnh các mối quan hệ của con kịp thời, hợp lý, giúp con nhận ra và biết tự bảo vệ mình trong các mối quan hệ.

1.2.8.2. Những yếu tố chủ quan

Kĩ năng sống không chỉ chịu ảnh hưởng của gia đình, nhà trường, xã hội mà còn chịu ảnh hưởng của những yếu tố chủ quan khác như: Đặc điểm lứa tuổi, giới tính; trình độ nhận thức; sự phấn đấu, rèn luyện của bản thân; tự ý thức; tự giáo dục của học sinh,...

Đặc điểm lứa tuổi, giới tính: Những đặc điểm lứa tuổi và giới tính có ảnh hưởng nhất định đến sự hình thành và phát triển KNS. Chẳng hạn, trong nhiều tình huống, nữ có mức độ thể hiện tình cảm cao hơn nam. Các em thường tìm chỗ dựa tình cảm, hỏi kinh nghiệm và lời khuyên của người khác.

Trình độ nhận thức của cá nhân: Là một trong những yếu tố quan trọng trong việc hình thành và phát triển KNS cho bản thân. Trình độ nhận thức tốt là điều kiện thuận lợi cho việc rèn KNS và ngược lại.

Sự phấn đấu, rèn luyện của bản thân, ý thức cá nhân: Mọi giáo dục của gia đình, của nhà trường có tốt đến đâu đi chăng nữa những bản thân các em HS không ý thức được, không tự phấn đấu, rèn luyện thì mọi tác động đều không mang lại hiệu quả. Đây là yếu tố chủ quan thuộc về bản thân các em HS. Các em phải ý thức được mỗi hành động, mỗi việc làm của mình phải xuất phát từ mục đích chân chính, có ý nghĩa, nỗ lực rèn luyện mọi lúc, mọi nơi. Yếu tố chủ quan là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến hiệu quả của GDKNS cho học sinh tiểu học [13].

Trên đây là một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS cho HSTH đòi hỏi người giáo viên tiểu học khi tiến hành giáo dục KNS cho HSTH phải đánh giá được mức độ tác động của các yếu tố, biết phối hợp các lực lượng giáo dục để quá trình giáo dục KNS cho các em học sinh đạt hiệu quả.

1.2.9. Các bước xây dựng kế hoạch tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học theo chuyên đề và tích hợp GDKNS thông qua hoạt động trải nghiệm

1.2.9.1. Các bước xây dựng kế hoạch tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học theo chuyên đề

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học theo chuyên đề tuân theo quy trình cụ thể sau:

Bước 1: Xác định đối tượng dạy học: Lớp mấy? Đặc điểm của người học?.

Bước 2: Xác định chủ đề kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh.

Khi xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho HSTH, người giáo viên cần phải căn cứ vào đặc điểm của đối tượng giáo dục, điều kiện cụ thể của trường, lớp, địa phương để lựa chọn các chủ đề giáo dục kỹ năng sống cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Giáo viên cần trả lời tốt những câu hỏi sau:

- Kỹ năng sống nào cần thiết nhất cho cuộc sống và học tập của học sinh trong hiện tại và tương lai?

- Những kỹ năng sống nào của học sinh đang còn hạn chế? Vì sao các em lại gặp khó khăn về các kỹ năng sống đó?

- Ý nghĩa của việc giáo dục một kỹ năng sống cụ thể nào đó đối với học sinh là gì?

Bước 3: Xác định mục tiêu

Trong kế hoạch giáo dục kỹ năng sống, mục tiêu là dự kiến trước kết quả của hoạt động. Các mục tiêu hoạt động cần phải được xác định rõ ràng, cụ thể và phù hợp; phản ánh được các yêu cầu cần đạt về tri thức, kỹ năng, thái độ, hoặc hình thành các phẩm chất và năng lực cho người học.

Bước 4: Xác định thời gian dạy (Khi nào? Trong bao lâu?)

Bước 5: Xác định phương pháp, tài liệu và phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng sống

Phương pháp: Các phương pháp dạy học giáo dục kỹ năng sống cần hướng đến việc tạo ra nhiều cơ hội cho người học được làm việc, thực hành, trao đổi, trải nghiệm. Đồng thời, việc lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp với mỗi chủ đề cần xem xét trên nhiều yếu tố như: mục tiêu, nội dung của chủ đề giáo dục kỹ năng sống, đặc điểm của học sinh ở từng lứa tuổi, từng lớp cụ thể, năng lực sư phạm của giáo viên, thời gian, điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục,... Từ đó, người giáo viên dự kiến các phương pháp được sử dụng trong một giờ dạy cụ thể.

Tài liệu và phương tiện: Các phương tiện được sử dụng trong dạy học giáo dục kỹ năng sống rất phong phú và đa dạng, có thể là: vật thật, vật thay thế, tranh ảnh, sơ đồ, hình vẽ, mô hình, các phương tiện kỹ thuật hiện đại cũng cần được tăng cường sử dụng như: máy tính với các video, các file bài hát, âm thanh, giấy A0, bút màu, thẻ,... Giáo viên cần căn cứ vào nội dung chủ đề, các điều kiện thực tế để lựa chọn và chuẩn bị các phương tiện dạy học phù hợp.

Hình thức: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, hoạt động cả lớp,...

Bước 6: Xác định các bước cơ bản trong tiến trình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống theo chủ đề

Bước 1: Khởi động

Mục tiêu của hoạt động khởi động nhằm tạo ra tâm lý tích cực của học sinh, tạo không khí vui vẻ, thoải mái, thân thiện để học sinh sẵn sàng tham gia hoạt động trước khi vào bài học. Khởi động có thể bằng một trò chơi, một tình huống, một tiết mục văn nghệ, một hoạt động tập thể vui nhộn, các câu hỏi gợi mở, các câu đố vui,...

Bước 2: Giới thiệu chủ đề/bài học

Có 2 cách cơ bản để giáo viên có thể sử dụng để giới thiệu vào bài mới, đó là:

- Giới thiệu trực tiếp vào bài học/chủ đề.
- Giới thiệu gián tiếp vào bài học/chủ đề thông qua các tình huống, câu chuyện, trò chơi, hình ảnh, đoạn video,...có liên quan đến nội dung giáo dục kỹ năng sống.

Bước 3: Tổ chức thực hiện các hoạt động

Đây là bước rất quan trọng của quá trình dạy học để hình thành kỹ năng sống cụ thể cho học sinh. Ở bước này, người giáo viên sẽ tổ chức các hoạt động học tập của HS nhằm cung cấp kiến thức cho người học cho đến việc tổ chức cho HS thực hành, trải nghiệm các KNS đó, thường được tiến hành theo 3 hoạt động chính như sau:

Hoạt động 1: Khám phá kỹ năng sống

Ở hoạt động này, người giáo viên cần hướng vào việc làm cho người học hiểu kỹ năng sống đó là gì? Ý nghĩa của mỗi kỹ năng sống đó đối với mỗi cá nhân.

Giáo viên có thể tổ chức cho học sinh khám phá những kiến thức, kinh nghiệm đã có liên quan đến chủ đề kỹ năng sống, hướng dẫn học sinh phân tích, đánh giá các kiến thức, kinh nghiệm do các em chia sẻ, phản hồi, từ đó rút ra bản chất, ý nghĩa của kỹ năng sống đó đối với các em.

Hoạt động 2: Trang bị cho người học cách thức hình thành kỹ năng sống đó

Giáo viên có thể sử dụng đa dạng các phương pháp hoặc các kỹ thuật dạy học khác nhau như: động não, hoạt động nhóm, thuyết trình, trò chơi,... Qua đó, giáo viên giới thiệu qui trình, các bước hoặc kỹ thuật hình thành một kỹ năng cụ thể.

Hoạt động 3: Trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng sống đó

Đưa ra các tình huống hoặc cơ hội thực tế để người học vận dụng kỹ năng sống đã tiếp thu ở hoạt động 2 vào xử lý các tình huống mới hay thực hiện những hoạt động mới nhằm hình thành và củng cố vững chắc kỹ năng sống đưa ra trong chủ đề. Đây là phần nội dung quan trọng nhằm tăng cường tính thực hành, trải nghiệm của học sinh để rèn luyện kỹ năng sống.

Bước 7: Tổng kết

Đây là phần mà giáo viên có thể gợi ý để người học tự rút ra những thu hoạch về những kỹ năng sống cần được giáo dục trong bài, nhấn mạnh những nội dung, những hoạt động chính đã thực hiện, những kỹ năng đã được rèn luyện và mang đến cho người học những thông điệp ấn tượng.

Cấu trúc của một kế hoạch giáo dục kỹ năng sống theo chủ đề có thể có các phần cơ bản sau:

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG

Tên chủ đề/bài học:

Đối tượng (Lớp):

Thời lượng:

1. Mục tiêu
2. Thông điệp
3. Phương pháp và phương tiện, hình thức tổ chức dạy học
4. Tiến trình thực hiện

Bước 1: Khởi động

Bước 2: Giới thiệu chủ đề/bài học

Bước 3: Tổ chức thực hiện các hoạt động:

Hoạt động 1: Khám phá kỹ năng sống

Hoạt động 2: Cách thức hình thành kỹ năng sống đó

Hoạt động 3: Trải nghiệm và rèn luyện kỹ năng sống đó

Mỗi hoạt động cần xác định rõ: Mục tiêu, cách tiến hành, kết luận

5. Tổng kết [24, tr. 149-158].

Trên đây là một số gợi ý có tính định hướng giúp người giáo viên tiểu học xác định các phần, các hoạt động trong một kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. Tuy nhiên, các phần, các hoạt động trong một kế hoạch có thể thay đổi linh hoạt, hoặc thay đổi cách gọi tên miễn sao đảm bảo sự phù hợp với logic nhận thức của người học.

1.2.9.2. Các bước xây dựng kế hoạch tổ chức giờ hoạt động trải nghiệm

***Bước 1: Đặt tên cho hoạt động**

Đặt tên cho hoạt động là một việc làm cần thiết vì tên của hoạt động tự nó đã nói lên được chủ đề, mục tiêu, nội dung, hình thức của hoạt động. Tên hoạt động cũng tạo ra được sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo ra được trạng thái tâm lý đầy hứng khởi và tích cực của học sinh. Vì vậy, cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để đặt tên hoạt động sao cho phù hợp và hấp dẫn.

***Bước 2: Xác định mục tiêu của hoạt động**

Mỗi hoạt động đều thực hiện mục đích chung của mỗi chủ đề theo từng tháng nhưng cũng có những mục tiêu cụ thể của hoạt động đó. Mục tiêu của hoạt động là dự kiến trước kết quả của hoạt động. Các mục tiêu hoạt động cần phải được xác định rõ ràng, cụ thể và phù hợp, phản ánh được các yêu cầu cần đạt về tri thức, kĩ năng, thái độ, hoặc hình thành các phẩm chất và năng lực cho người học.

***Bước 3: Xác định nội dung và hình thức của hoạt động**

Cần căn cứ vào từng chủ đề, các mục tiêu đã xác định, các điều kiện hoàn cảnh cụ thể của lớp, của nhà trường và khả năng của học sinh để xác định các nội dung phù hợp cho các hoạt động. Cần liệt kê đầy đủ các nội dung hoạt động phải thực hiện, từ đó lựa chọn hình thức hoạt động tương ứng.

***Bước 4: Chuẩn bị hoạt động**

Cả giáo viên và học sinh cùng tham gia công tác chuẩn bị. Để chuẩn bị tốt cho hoạt động, giáo viên cần làm tốt các công việc sau đây:

- Nắm vững các nội dung và hình thức hoạt động đã được xác định và dự kiến tiến trình hoạt động.

- Dự kiến những phương tiện, điều kiện cần thiết để hoạt động có thể được thực hiện một cách có hiệu quả, gồm: Các tài liệu cần thiết liên quan đến các chủ đề, phục vụ cho các hình thức hoạt động, các phương tiện hoạt động như phương tiện âm thanh, nhạc cụ, đạo cụ, video, máy tính, máy chiếu, phòng học, bàn ghế,...

***Bước 5. Lập kế hoạch**

Lập kế hoạch để thực hiện hệ thống mục tiêu tức là tìm các nguồn lực (nhân lực - vật lực - tài liệu) và thời gian, không gian...cần cho việc hoàn thành các mục tiêu. Khi lập kế hoạch cần tính toán đến các khoản chi phí, tìm ra đủ các nguồn lực và điều kiện để đạt được mục tiêu, cần tính đến các phương án tối ưu nhất.

***Bước 6: Thiết kế chi tiết hoạt động**

Trong bước này, cần phải xác định: Có bao nhiêu việc cần phải thực hiện? Nội dung của mỗi việc? Tiến trình và thời gian thực hiện từng công việc? Yêu cầu cần đạt được của mỗi việc,...

***Bước 7: Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình hoạt động**

Rà soát, kiểm tra lại nội dung và trình tự của các việc, thời gian thực hiện cho từng việc, xem xét tính hợp lý, khả năng thực hiện và kết quả cần đạt được. Nếu phát hiện những sai sót hoặc bất hợp lý ở khâu nào, bước nào, nội dung nào hay việc nào thì kịp thời điều chỉnh để hoàn thiện bản thiết kế chương trình hoạt động.

Cấu trúc chung của chủ đề

TÊN CHỦ ĐỀ

I. Mục tiêu

II. Nội dung:

Nội dung 1: Tên hoạt động - diễn đạt ngắn gọn

Nội dung 2: Tên hoạt động - diễn đạt ngắn gọn

Nội dung 3: Tên hoạt động - diễn đạt ngắn gọn

.....

III. Công tác chuẩn bị:

- Những chuẩn bị của GV và HS về tài liệu học tập, dụng cụ học tập
- Thời gian, không gian, địa điểm tổ chức hoạt động học tập
- Phương tiện được sử dụng trong quá trình tổ chức hoạt động học tập

cho các chủ thể hoạt động,...

IV. Tổ chức hoạt động

Thiết kế từ 3 hoạt động trở lên

- Hoạt động khai thác trải nghiệm đã có của HS, phản hồi kinh nghiệm
- Hoạt động trải nghiệm mới nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị mới

- Hoạt động sáng tạo của HS

Hoạt động 1: Khởi động

Hoạt động 2: Nhận diện – Khám phá

Hoạt động 3: Thực hành

Hoạt động 4: Vận dụng

....

(Mỗi hoạt động cần xác định: Mục tiêu, cách tiến hành, kết luận về hoạt động)

V. Tổng kết và hướng dẫn học sinh học tập [25].

1.3. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ LỨA TUỔI HỌC SINH TIỂU HỌC

1.3.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức

- Về nhận thức cảm tính: Cảm giác và tri giác ở HSTH phát triển. Ở giai đoạn đầu tiểu học, tri giác của các em vẫn mang tính không chủ định, tính đại thể, ít đi vào chi tiết, bị chi phối bởi xúc xúc, tình cảm, gắn liền với các hành động và hoạt động thực tiễn là một đặc trưng trong tri giác của học sinh tiểu học. Dần dần tri giác của các em được phát triển dưới ảnh hưởng của hoạt động học tập: càng ngày càng có khả năng quan sát tinh tế (tìm ra dấu hiệu đặc trưng của sự vật, hiện tượng), có mục đích và phương hướng rõ ràng, năng lực quan sát được hình thành.

- Về nhận thức lí tính:

Đặc trưng cơ bản nhất của sự phát triển tư duy trong giai đoạn HSTH là quá trình chuyển dần tư duy tính trực quan, cụ thể sang trừu tượng khái quát. Điều này được biểu hiện trên tất cả các mặt của tư duy: Trong khi tiến hành các thao tác tư duy, trong phán đoán và suy luận, trong lĩnh hội khái niệm. Sự phát triển mạnh mẽ về trình độ tư duy của trẻ trong giai đoạn này sẽ giúp cho các em HSTH dần nắm được bản chất của sự vật, hiện tượng, khái niệm khoa học; hình thành khả năng tư duy dựa trên tài liệu bằng ngôn ngữ, trừu tượng hơn.

- Sự phát triển trí tưởng tượng:

TT tái tạo được hoàn thiện, các hình ảnh của TT dần phản ánh đúng đắn hiện thực hơn và có tính hệ thống hơn. Tưởng tượng sáng tạo của học sinh tiểu học: được xây dựng bằng cách chế tạo, chế biến từ những ấn tượng cũ; hình ảnh tưởng tượng ngày càng hợp lý hơn. Lúc đầu các chi tiết trong hình ảnh tưởng tượng còn nghèo nàn và tản mạn, sau đó tưởng tượng của các em ngày càng phong phú hơn, có tính chủ định hơn, có sự hỗ trợ của tư duy và ngôn ngữ vào quá trình tưởng tượng.

- Về khả năng chú ý:

Ở HSTH chú ý không chủ định phát triển mạnh và chiếm ưu thế, chú ý chưa bền vững nhất là học sinh tiểu học đầu cấp, khối lượng chú ý hẹp, sự phân phối chú ý chưa tốt. Tuy nhiên, khả năng phát triển chú ý có chủ định và chú ý sau chủ định ở học sinh tiểu học trong quá trình học tập có xu hướng vươn lên chiếm ưu thế, điều này sẽ dần hình thành ở trẻ kỹ năng làm việc có mục đích.

- Về trí nhớ:

Trí nhớ trực quan - hình tượng phát triển hơn trí nhớ từ ngữ-logic, ghi nhớ không chủ định chiếm ưu thế, có khả năng ghi nhớ tốt, đặc biệt là ghi nhớ máy móc, tình cảm có ảnh hưởng lớn đến độ bền vững và độ nhanh của ghi nhớ. Trí nhớ của học sinh tiểu học phát triển dưới ảnh hưởng của hoạt động học tập theo hướng càng ngày càng mang tính chủ định, tính ý nghĩa, tính trừu tượng, khái quát.

- Về ngôn ngữ:

Ngôn ngữ của học sinh tiểu học phát triển mạnh cả về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng: Phát âm chuẩn hơn, vốn từ tăng lên một cách đáng kể, khả năng hiểu nghĩa của từ cũng phát triển. Ngôn ngữ viết được hình thành và phát triển mạnh, song còn nghèo nàn hơn so với ngôn ngữ nói. Kỹ năng đọc của trẻ được hoàn thiện: chuyển từ đọc đúng vần sang đọc đúng, đọc to, đọc cho chính mình. Sự phát triển ngôn ngữ khiến các em mở rộng nhận thức và thiết lập các mối quan hệ với thế giới xung quanh tốt hơn.

1.3.2. Đặc điểm nhân cách của học sinh tiểu học

- Nhu cầu của HSTH:

Ở học sinh tiểu học, vẫn tồn tại một loạt các nhu cầu: vui chơi, vận động, nhu cầu về tiếp nhận các tác động từ thế giới bên ngoài,...Ở các em xuất hiện các nhu cầu mới liên quan đến cuộc sống nhà trường và hoạt động học tập, đặc biệt nhu cầu nhận thức phát triển mạnh mẽ, giữ vai trò chủ đạo. Nhu cầu nhận thức của các em sẽ được củng cố thông qua những thành công trong học tập khiến các em tin vào sức lực và trí tuệ của mình. Do đó, giáo dục nhu cầu, đặc biệt là hình thành và phát triển nhu cầu nhận thức có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống và sự phát triển nhân cách của học sinh tiểu học.

- Về tính của học sinh tiểu học:

Đặc điểm đặc trưng trong tính cách của đa số các em HSTH là: lòng vị tha, chân thật, tính ham hiểu biết, chân thực, hồn nhiên, sự cả tin, tính hay bắt chước,...Tuy nhiên, những nét tính cách mới được hình thành, chưa ổn định và có thể thay đổi dưới tác động của gia đình, nhà trường, xã hội.

- Tình cảm của học sinh tiểu học:

Đặc trưng trong đời sống tình cảm của HSTH là tình cảm mang tính cụ thể, trực tiếp, dễ xúc cảm, dễ bộc lộ tình cảm, khả năng kiềm chế tình cảm yếu, thường bộc lộ tình cảm của mình một cách hồn nhiên, chân thật, chưa biết ngụy trang, tình cảm mong manh, chưa bền vững và chưa sâu sắc. Dưới ảnh hưởng của cuộc sống nhà trường và hoạt động học tập, các tình cảm cấp

cao (tình cảm đạo đức, tình cảm trí tuệ, tình cảm thẩm mỹ) được hình thành và phát triển.

Nét chung trong đời sống tình cảm của học sinh tiểu học là yêu đời, sáng khoái, vui vẻ. Tuy vậy những đặc điểm cá nhân trong tình cảm được hình thành khá rõ ở lứa tuổi này.

- Ý chí và hành động ý chí của học sinh tiểu học

Ở học sinh tiểu học, các em chưa có khả năng tự đặt ra mục đích cho mình, chưa biết lập kế hoạch của hành động, nên các em chưa thể tập trung sức lực và theo đuổi mục đích. Tính độc lập, kiểm chế, tự chủ còn thấp nên các em (đặc biệt là ở lớp đầu tiểu học) chưa thể độc lập trong hành động mà còn trông chờ nhiều vào sự giúp đỡ của người khác [9].

Giai đoạn HSTH với hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo. Dưới sự giáo dục của gia đình và nhà trường, các đặc điểm về tâm lí của các em phát triển rất nhanh và ngày càng có tính ổn định, bền vững, sâu sắc hơn, tạo điều kiện cho trẻ thực hiện bước chuyển tiếp theo, giai đoạn tuổi học sinh trung học cơ sở.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Lịch sử nghiên cứu vấn đề GDKNS cho HS nói chung và GDKNS cho HSTH nói riêng đã được nghiên cứu trên phạm vi toàn thế giới và ở Việt Nam. Nhìn chung, các nghiên cứu đã làm sáng tỏ khái niệm, nội dung, cách phân loại KNS, nguyên tắc, phương pháp GDKNS, các hình thức GDKNS. Điều này đã tạo ra cơ sở lý luận phong phú cho việc nghiên cứu về KNS ở nước ta.

Kỹ năng sống là năng lực tâm lý - xã hội để đáp ứng và đối phó với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày.

Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học là quá trình tác động có kế hoạch, có định hướng của nhà giáo dục tới học sinh thông qua việc tổ chức hoạt động nhằm hình thành, rèn luyện hoặc thay đổi hành vi theo hướng tích cực, phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách, dựa trên cơ sở giúp người học có tri thức, thái độ và kỹ năng phù hợp đáp ứng được những yêu cầu của cuộc sống hiện tại.

Mục tiêu của GDKNS hướng tới giáo dục toàn diện nhân cách người học. GDKNS cho HSTH đòi hỏi phải sử dụng phối kết hợp nhiều phương pháp khác nhau. GDKNS ở trường tiểu học được thực hiện với nhiều nội dung và hình thức khác nhau. Hiệu quả của việc GDKNS phụ thuộc vào rất nhiều các yếu tố đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và trường để

trang bị kiến thức, hình thành thái độ, rèn luyện hành vi và hình thành thói quen cho học sinh.

Nội dung giáo dục KNS cho học sinh tiểu học rất đa dạng, phong phú, nhiều KN, bao gồm: Nhóm các KN phát triển bản thân, nhóm KN thiết lập mối quan hệ với người khác, nhóm KN tự bảo vệ, nhóm KN tự phục vụ. Các phương pháp GDKNS đa dạng, phong phú nhằm phát huy tính tích cực của học sinh, giúp các em được thực hành, trải nghiệm các tình huống thực tiễn đòi hỏi cần phải có các KNS cụ thể.

Việc GDKNS được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau: GDKNS cho học sinh theo các chuyên đề; tích hợp trong các môn học, trong các hoạt động trải nghiệm và các hoạt động ngoại khóa khác.

Có các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS ở học sinh tiểu học bao gồm các yếu tố khách quan và chủ quan. Các yếu tố khách quan bao gồm: Gia đình, nhà trường, phương tiện truyền thông, các tổ chức xã hội khác,... Các yếu tố chủ quan bao gồm: đặc điểm lứa tuổi, giới tính, nhận thức, tính cách, sự phấn đấu, rèn luyện của bản thân, sự tự ý thức, tự giáo dục của học sinh,...

Chương 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH, TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH TIẾN, THÀNH PHỐ NINH BÌNH

2.1. VÀI NÉT VỀ ĐỊA BÀN VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

2.1.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

2.1.1.1. Vài nét về trường Tiểu học Tân Thành

Trường Tiểu học Tân Thành có địa chỉ tại số 50 Đường Tô Vĩnh Diện, Phố Nhật Tân, Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình. Trường nằm ở trung tâm Phường Tân Thành, Thành phố Ninh Bình. Trường TH Tân Thành tiền thân là trường Phổ thông cấp I, II Ninh Thành. Năm 1989 trường được tách ra từ trường phổ thông cấp I, II Ninh Thành và có tên là trường phổ thông cấp I Ninh Thành. Từ năm 1997 đến nay, trường có tên là Trường Tiểu học Tân Thành. Tháng 6/2000, trường được Ủy ban nhân dân Tỉnh Ninh Bình công nhận là trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc Gia mức độ I. Tháng 4/2011, trường được công nhận là trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc Gia mức độ II.

* Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2023-2024:

- Về cơ sở vật chất của trường:

Trường Tiểu học Tân Thành có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát với tổng diện tích là 6769 m²; tỷ lệ diện tích/HS: 6,3m². Diện tích sân chơi 3500 m², bãi tập: 120 m².

Năm học 2023-2024, nhà trường có 27 phòng học cho 27 lớp học cố định. Ngoài ra nhà trường còn có phòng họp, các phòng chuyên môn và các phòng ban chức năng, thư viện của nhà trường. Nhà trường cũng có các phòng phục vụ học tập đối với các môn tin học và nghệ thuật, tiếng anh, gồm: 01 phòng học tin học, 01 phòng học dành cho giáo dục nghệ thuật, 01 phòng học Tiếng Anh, 01 phòng truyền thống - hoạt động đội.

- Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Năm học 2023-2024, toàn trường có tổng số 49 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó có 03 cán bộ quản lý; 28 giáo viên tiểu học; 12 giáo viên dạy các môn chuyên biệt (tin học, ngoại ngữ, âm nhạc, thể dục, mỹ thuật); 01 giáo viên tổng phụ trách đội; 05 nhân viên làm công tác văn thư, y tế, thư viện – thiết bị, kế toán.

Về trình độ: Có 2/49 người có trình độ thạc sĩ; 43/49 người có trình độ đại học; 2/49 người có trình độ cao đẳng; 2/49 người có trình độ trung cấp.

Về cơ cấu giới tính: Có 47/49 người là nữ; 02/49 người là nam.

- Về số lượng lớp, số học sinh:

Trong năm học 2023-2024, trường Tiểu học Tân Thành có tổng số 27 lớp với 1050 học sinh từ khối lớp 1 đến khối lớp 5. Cơ cấu các em học sinh ở từng khối/lớp được thể hiện trong bảng 2.1 sau đây:

Bảng 2.1. Thông tin về số học sinh, số lớp, cơ cấu học sinh của trường

TH Tân Thành năm học 2023-2024

Nội dung thông tin	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Cộng
Số lớp	6	5	6	5	5	27
Số học sinh	212	186	242	213	197	1050
Số học sinh lưu ban	0	1	0	0	1	2
Bình quân học sinh /lớp	35,3	37,2	40,3	42,6	39,4	38,8
Số nữ	86	80	117	103	84	470
Số học sinh học 2 buổi/ngày	212	186	242	213	197	1050

- Về việc thực hiện chương trình giáo dục:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn của các cấp quản lý về chương trình, kế hoạch giáo dục, về dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh.

Năm học 2023-2024 trường Tiểu học Tân Thành triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT đối với lớp 1, 2, 3, 4 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tiếp tục thực hiện hiệu quả CTGDPT cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (Chương trình giáo dục phổ thông 2006) lớp 5, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Mô hình trường học mới (VNEN) cho lớp 5.

- Về các hoạt động liên quan đến giáo dục KNS cho HSTH của nhà trường:

Nhà trường phấn đấu, động viên, khuyến khích để 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống, biết cách ứng xử có văn hoá, biết giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh trường lớp; tham gia phong trào kế hoạch nhỏ, nuôi lợn nhựa tiết kiệm, phong trào giúp bạn nghèo vươn lên học tập. Giáo dục học sinh biết đoàn kết, yêu thương; biết giúp đỡ bạn bè, biết bảo vệ và chăm sóc môi trường xanh, sạch đẹp, có các kỹ năng sống. Giáo dục cho các em có kỹ năng

đảm bảo an toàn phòng tránh tai nạn thương tích, phòng tránh đuối nước,...Tổ chức đầy đủ các hoạt động trải nghiệm, huy động học sinh tham gia.

Xây dựng một ngôi trường thân thiện, xanh, sạch, đẹp tạo môi trường hạnh phúc đem lại nhiều niềm vui và những điều tốt đẹp cho học sinh. Đảm bảo môi trường lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Có kế hoạch liên kết với công ty kỹ năng sống để các đơn vị liên kết cung cấp trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học kỹ năng sống tại trường. Trong năm học 2023-2024, trường TH Tân Thành dạy KNS theo phần mềm KNS Poki.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ học chính khóa theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và việc Ban hành Quy định quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa. Cụ thể mỗi tuần 04 buổi (2 buổi GDKN, 01 buổi hoạt động đọc sách và 01 buổi hoạt động giải trí), mỗi buổi có thời lượng 1,5 tiết.

2.1.1.2. Vài nét về trường Tiểu học Ninh Tiến

Trường Tiểu học Ninh Tiến được thành lập năm 1956 có tên gọi là trường phổ thông cấp I, II xã Ninh Tiến, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Tháng 9 năm 1990 trường được tách ra và mang tên là Trường Tiểu học Ninh Tiến. Trường được xây dựng ở vị trí trung tâm xã thuộc thôn Cổ Loan Trung 2, xã Ninh Tiến, thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình.

Trải qua quá trình hình thành và phát triển. Trong những năm qua, nhà trường luôn được các cấp uỷ, chính quyền địa phương, ngành giáo dục đào tạo quan tâm đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học phục vụ có hiệu quả cho hoạt động dạy và học. Nhà trường từng bước có sự phát triển cả về quy mô và chất lượng giáo dục. Đến nay trường Tiểu học Ninh Tiến đã có nhiều khởi sắc: Phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” được phát huy có hiệu quả. Chất lượng giáo dục toàn diện có nhiều chuyển biến tích cực. Đội ngũ giáo viên đoàn kết thống nhất, không ngừng học tập, rèn luyện, tu dưỡng,

hết lòng vì học sinh thân yêu. Ngày 12 tháng 8 năm 2004 nhà trường được Bộ Giáo dục - Đào tạo công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức 1. Tháng 5 năm 2015, trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

- Về cơ sở vật chất của trường:

Trường Tiểu học Ninh Tiến có tổng diện tích là 7425 m². Trong đó diện tích sân chơi là 2970 m², sân tập là 415 m². Từ một ngôi trường khi mới thành lập cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học thiếu thốn, đến nay trường đã có cơ sở vật chất khá khang trang gồm các phòng học và đầy đủ các phòng chức năng đáp ứng điều kiện giảng dạy và học tập cho giáo viên và học sinh. Năm học 2023-2024, ngoài các phòng học cho 18 lớp học, thư viện và các phòng ban chức năng, nhà trường còn có các phòng học riêng đối với các môn tin học và nghệ thuật, gồm: 01 phòng học tin học, 01 phòng học dành cho giáo dục nghệ thuật. Ngoài ra nhà trường có 01 phòng truyền thống - hoạt động đội.

- Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Toàn trường có tổng số 33 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trong đó có 30 giáo viên và cán bộ quản lý, 03 nhân viên.

Về trình độ: Trong số 30 giáo viên và cán bộ quản lý có 02 người có trình độ thạc sỹ chiếm 6.7%, có 27 người có trình độ đại học chiếm 90.0%, có 01 người có trình độ cao đẳng chiếm 3.3%

- Về số lượng lớp, số học sinh: Trong năm học 2023-2024, trường Tiểu học Ninh Tiến có tổng số 18 lớp với 593 học sinh từ khối lớp 1 đến khối lớp 5. Cơ cấu các em học sinh ở từng khối/lớp được thể hiện trong bảng 2.2:

Bảng 2.2. Thông tin về số học sinh, số lớp, cơ cấu học sinh của trường

TH Ninh Tiến năm học 2023-2024

Nội dung	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Toàn trường	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
Tổng số	4	124	3	107	4	121	3	112	4	129	18	593
HS khuyết tật hòa nhập	3	3	1	1			1	1	2	2	7	7
Số HS nữ		54		53		59		58		53		277
HS dân tộc												
HS học VNEN	0	0	0	0	0	0	0	0	4	129	4	129

- Về việc thực hiện chương trình giáo dục:

Trong năm học 2023-2024, nhà trường triển khai thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình giáo dục phổ thông 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4.

Đối với khối lớp 5 thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chương trình giáo dục phổ thông 2006); tiếp tục thực hiện có hiệu quả Mô hình trường học mới (VNEN) cho lớp 5; Trên cơ sở Chương trình giáo dục phổ thông 2006, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để chủ động tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Theo công văn số 4612/BGDĐT-GDTH ngày 03/10/2017 về việc hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh từ năm học 2017-2018)

- Về các hoạt động liên quan đến giáo dục KNS cho HSTH của nhà trường:

Nhà trường tăng cường giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống cho cán bộ giáo viên và học sinh thông qua các môn học và các hoạt động giáo dục, xây dựng quy tắc ứng xử văn hoá. Hưởng ứng phong trào học tập suốt đời. Tuyên truyền cán bộ, GV, nhân viên và học sinh thực hiện tốt công tác an toàn trường học, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ, tai nạn thương tích,...Tổ chức hoạt động tập thể vui tươi, lành mạnh. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả công tác phòng dịch, trường học an toàn, sáng, xanh, sạch, đẹp. Học sinh tích cực tham gia tìm hiểu, chăm sóc và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hoá, cách mạng ở địa phương. Duy trì nề nếp dọn vệ sinh đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại thôn Cổ Loan Trung. Giáo viên phải có thái độ ứng xử tốt với học sinh, không xúc phạm về tinh thần cũng như thân thể học sinh. Điều này cũng góp phần giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Nội dung giáo dục ngoài giờ chính khóa tập trung giáo dục kỹ năng sống, tổ chức đọc sách, tổ chức vui chơi giải trí cho học sinh để học sinh được thoải mái sau mỗi ngày học.

2.1.2. Vài nét về mẫu nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành khảo sát trên mẫu nghiên cứu là 48 giáo viên tại hai trường: TH Tân Thành và TH Ninh Tiến. Sự phân bố khách thể nghiên cứu được trình bày ở bảng 2.3 như sau:

Bảng 2.3: Đặc điểm của mẫu nghiên cứu giáo viên

(Tổng số: 48 người)

Mẫu nghiên cứu được chia theo các biến số		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Mẫu nghiên cứu được chia theo các biến số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nơi công tác	TH Tân Thành	25	52.1	Chức vụ	Hiệu trưởng/ Hiệu phó	2	4.2
	TH Ninh Tiến	23	47.9		Tổng phụ trách đội	2	4.2
Giới tính	Nam	3	6.3		Giáo viên chủ nhiệm	44	91.6
	Nữ	45	93.7	Số năm công tác	1-10 năm	13	27.1
Trình độ học vấn	Đại học	47	97.9		11-20 năm	11	22.9
	Trên Đại học	1	2.1		21-30 năm	12	25.0
					Trên 30 năm	12	25.0

Để đánh giá hiệu quả của GDKNS đối với học sinh, chúng tôi cũng tiến hành khảo sát trên học sinh tại 2 lớp: Lớp 3C của trường TH Ninh Tiến và lớp 3C của trường TH Tân Thành. Chúng tôi đã khảo sát với tổng là 69 em học sinh lớp 3. Trong đó có:

- 29 học sinh lớp 3C của trường TH Ninh Tiến (chiếm 42%), 40 học sinh lớp 3C của trường TH Tân Thành (chiếm 58%).

- 34 học sinh nữ (chiếm 49.3%) và 35 em học sinh nam (chiếm 50.7%).

2.2. TỔ CHỨC KHẢO SÁT

2.2.1. Mục đích khảo sát

Thu thập thông tin về thực trạng GDKNS cho HSTH ở trường tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình, tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng đó, từ đó đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục KNS cho HSTH.

2.2.2. Nội dung khảo sát

Để nghiên cứu thực trạng, chúng tôi tiến hành khảo sát các nội dung sau:

- Nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc GDKNS cho HSTH trong giai đoạn hiện nay.

- Nội dung GDKNS cho HSTH ở trường tiểu học Tân Thành, Trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

- Phương pháp GDKNS cho HSTH ở trường tiểu học Tân Thành, Trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

- Hình thức GDKNS cho HSTH ở trường tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

- Đánh giá quá trình tổ chức và hiệu quả GDKNS thông qua các chuyên đề và GDKNS tích hợp trong hoạt động trải nghiệm.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến việc GDKNS cho HSTH.

2.2.3. Cách thức tiến hành khảo sát

** Bước 1: Thiết kế các phiếu thu thập thông tin*

- Thiết kế bảng hỏi dành cho cán bộ quản lý, giáo viên (xem phụ lục 1) gồm các nội dung:

Nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc GDKNS cho HSTH trong giai đoạn hiện nay (Câu 1, câu 2).

Nội dung GDKNS cho HSTH ở trường tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình (Câu 3).

Phương pháp, quy trình GDKNS cho HSTH ở trường tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình (Câu 4, câu 5).

Hình thức GDKNS cho HSTH ở trường tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình (Câu 6,7,8,9).

Các yếu tố ảnh hưởng đến việc GDKNS cho HSTH (Câu 10, 11, 12,13).

Các thông tin cá nhân người trả lời (cán bộ quản lý, giáo viên).

- Thiết kế phiếu phỏng vấn dành cho cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học, giáo viên tổng phụ trách về hoạt động GDKNS cho HSTH (phụ lục 2).

- Thiết kế bảng hỏi dành cho học sinh nhằm đánh giá quá trình tổ chức và hiệu quả GDKNS thông qua giờ dạy GDKNS cho học sinh tiểu thông qua các chuyên đề:

Để đánh giá quá trình tổ chức và hiệu quả GDKNS thông qua tiết dạy GDKNS theo các chuyên đề (chủ điểm), tức là các tiết dạy KNS độc lập, chúng tôi đã tiến hành dự giờ và quan sát giờ 2 giờ dạy GDKNS của lớp 3

năm học 2023-2024 theo chương trình GDKNS của Poki được thực hiện hiện nay ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến, gồm:

Bài 65: Truy cập Internet an toàn (chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 33.

Bài 69: Những điều cần biết khi bị chuột rút (chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 35.

Sau giờ dạy, chúng tôi đã phát phiếu hỏi dành cho học sinh nhằm đánh giá mức độ hiểu bài, mức độ vận dụng của các em về kiến thức bài đã học. Chúng tôi đã thiết kế bảng hỏi cho học sinh với các nội dung cụ thể như sau:

+ Chúng tôi khảo sát về những kiến thức các em nắm được sau khi học bài 65: “KN truy cập Internet an toàn” bao gồm việc các em hiểu được: Thế nào là KN truy cập Internet an toàn, sự cần thiết phải có KN này, làm thế nào để có thể truy cập Internet an toàn, phần cuối cùng là phần thu thập thông tin cá nhân học sinh (xem phụ lục 3.1: Phiếu trưng cầu ý kiến dành cho học sinh)

+ Chúng tôi cũng tiến hành khảo sát về những kiến thức các em nắm được sau khi học bài 69: “Những điều cần biết khi bị chuột rút” bao gồm việc các em hiểu được: Thế nào là chuột rút, nguyên nhân gây ra chuột rút, cách phòng tránh chuột rút, cách ứng phó khi bị chuột rút. Chúng tôi tìm hiểu về cảm xúc của các em về giờ học GDKNS (có yêu thích và có mong muốn những giờ học GDKNS không?). Phần cuối cùng là phần thu thập thông tin cá nhân học sinh (xem phụ lục 3.2: Phiếu trưng cầu ý kiến dành cho học sinh)

- Phiếu quan sát đánh giá hiệu quả GDKNS cho học sinh lớp 3 năm học 2023-2024 thông qua quan sát giờ dạy tích hợp GDKNS thông qua tiết hoạt động trải nghiệm (phụ lục 8).

* Bước 2: Tiến hành khảo sát

Thông qua điều tra 48 cán bộ quản lý; giáo viên chủ nhiệm đảm nhận việc dạy giáo dục KNS cho học sinh tiểu học, giáo viên tổng phụ trách Đội ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

Đàm thoại, trao đổi trực tiếp với 8 CBQL, GV ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

Quan sát giờ dạy KNS cho HSTH cho học sinh 2 lớp 3: Lớp 3C trường Tiểu học Tân Thành và lớp 3C trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

Tiến hành điều tra lấy ý kiến trả lời của 40 học sinh lớp 3C của trường TH Tân Thành và 29 học sinh lớp 3C trường TH Ninh Tiến nhằm đánh giá hiệu quả của việc GDKNS cho HS thông qua 2 giờ dạy GDKNS theo chương trình GDKNS của Poki.

Thu thập các thông tin về kế hoạch, nội dung GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình.

* Bước 3: Xử lý kết quả khảo sát

Sử dụng phần mềm SPSS trong xử lý số liệu.

Tiến hành phân tích các thông tin định tính thu được từ thực tiễn.

* Bước 4: Phân tích thực trạng, tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng đó và đề xuất giải pháp.

2.2.4. Thời gian khảo sát

Từ tháng 2/2024 đến tháng 5/2024

2.2.5. Tiêu chí và thang đánh giá

a. Tiêu chí và thang đánh giá về thực trạng GDKNS cho HS trong bảng hỏi dành cho giáo viên, cán bộ quản lý

Trong nghiên cứu này, để phân tích thực trạng GDKNS cho HSTH ở trường tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến hiện nay, chúng tôi đã sử dụng các tiêu chí và thang đánh giá như sau:

- Đánh giá của giáo viên về mức độ cần thiết của việc GDKNS cho HSTH trong giai đoạn hiện nay (Câu 1):

- Rất cần thiết: 4 điểm
- Phần lớn là cần thiết: 3 điểm
- Ít cần thiết: 2 điểm
- Không cần thiết: 1 điểm

- Đánh giá ý nghĩa/vai trò của việc GDKNS cho HSTH trong giai đoạn hiện nay (Câu 2):

- Hoàn toàn đúng: 4 điểm
- Phần lớn là đúng: 3 điểm
- Đúng ít: 2 điểm
- Không đúng: 1 điểm

- Đánh giá mức độ thực hiện các nội dung giáo dục KNS cho HS (câu 3); mức độ thực hiện các phương pháp giáo dục KNS cho HS (câu 5); mức độ

thực hiện các hình thức giáo dục KNS cho HS (câu 6); mức độ lồng ghép GDKNS thông qua các chủ điểm (câu 9):

- Rất thường xuyên: 4 điểm
- Thường xuyên: 3 điểm
- thỉnh thoảng: 2 điểm
- Không bao giờ: 1 điểm

- Đánh giá về các điều kiện đáp ứng trong quá trình dạy GDKNS cho HSTH ở hai trường hiện nay (Câu 10):

- Hoàn toàn đáp ứng: 4 điểm
- Phần lớn đáp ứng: 3 điểm
- Ít đáp ứng: 2 điểm
- Không đáp ứng: 1 điểm

Dựa trên thang đo của bảng hỏi thiết kế dành cho phiếu giáo viên và CBQL, chúng tôi chia thang đánh giá trong nghiên cứu thành 05 mức sau:

- Từ 1 điểm đến dưới 1.6 điểm: Mức độ rất thấp, rất yếu, rất ít đáp ứng/ảnh hưởng
- Từ 1.6 điểm đến dưới 2.2 điểm: Mức độ thấp, yếu, ít đáp ứng/ảnh hưởng
- Từ 2.2 điểm đến dưới 2.8 điểm: Mức độ trung bình
- Từ 2.8 điểm đến dưới 3.4 điểm: Mức độ khá cao
- Từ 3.4 điểm đến 4.0 điểm: Mức độ cao

Tất cả những số liệu thu thập được, được xử lý bằng phần mềm SPSS để tính tần số, tỉ lệ phần trăm, mức độ tương quan của các vấn đề nghiên cứu.

b. Tiêu chí và thang đánh giá mức độ hiệu quả GDKNS cho HS thông qua các giờ dạy KNS theo chuyên đề và tích hợp trong giờ hoạt động trải nghiệm.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi đánh giá mức độ đạt được KNS của học sinh trên 2 mức:

Mức đạt: Học sinh có thể trả lời đúng, nhận biết đúng, lựa chọn câu trả lời đúng về khái niệm, ý nghĩa, nguyên nhân, biểu hiện của một KN cụ thể; biết lựa chọn hoặc đưa ra những cách ứng xử đúng, hợp lý trong các tình huống giả định hoặc các tình huống thực tế.

Mức cần cố gắng (chưa đạt): Học sinh trả lời chưa đúng, lựa chọn câu trả lời sai về khái niệm, ý nghĩa, nguyên nhân, biểu hiện của một KN cụ thể; biết lựa chọn hoặc đưa ra những cách ứng xử chưa đúng, chưa hợp lý trong các tình huống giả định hoặc các tình huống thực tế.

Đánh giá mức độ hình thành KN truy cập internet an toàn sau khi học sinh học xong bài 65: Truy cập Internet an toàn (chương trình GDKNS Poki dành cho học sinh lớp 3):

- Mức đạt: Học sinh lựa chọn câu trả lời đúng về khái niệm, sự cần thiết phải có KN truy cập Internet an toàn, lựa chọn đúng các biện pháp truy cập Internet an toàn.

- Mức cần cố gắng (chưa đạt): Học sinh lựa chọn câu trả lời sai về khái niệm, sự cần thiết phải có KN truy cập Internet an toàn, lựa chọn chưa đúng, chưa hợp lí các biện pháp truy cập Internet an toàn.

Đánh giá mức độ hình thành KN phòng tránh chuột rút sau khi học sinh học xong bài 69: Những điều cần biết khi bị chuột rút (chương trình GDKNS Poki dành cho học sinh lớp 3):

- Mức đạt: Học sinh lựa chọn câu trả lời đúng về khái niệm, nguyên nhân, cách phòng tránh bị chuột rút, lựa chọn đúng các hành vi xử trí trong các tình huống bị chuột rút.

- Mức cần cố gắng (chưa đạt): Học sinh lựa chọn sai câu trả lời khái niệm, nguyên nhân, cách phòng tránh bị chuột rút, lựa chọn chưa đúng các hành vi xử trí trong các tình huống bị chuột rút.

Đánh giá mức độ hình thành KN giao tiếp sau khi học sinh học xong tiết hoạt động trải nghiệm lớp 3 (bộ sách “Chân trời sáng tạo”), tiết 102: Làm trái tim yêu thương tặng bạn.

Ở tiết học này, chúng tôi lựa chọn đánh giá mức độ hình thành KN giao tiếp của học sinh:

- Mức đạt: Học sinh biết lắng nghe, phản hồi khi giao tiếp với giáo viên và các bạn, biết viết những lời nói yêu thương phù hợp, biết nói những lời nói yêu thương với bạn với giọng điệu và thái độ phù hợp, biết cảm ơn khi nhận được món quà và những lời nói yêu thương từ bạn.

- Mức cần cố gắng (chưa đạt): Học sinh lắng nghe, phản hồi khi giao tiếp với giáo viên và các bạn chưa thực sự tập trung, chưa biết viết những lời yêu thương, chưa biết nói những lời nói yêu thương, khi nói giọng điệu và thái độ chưa phù hợp, chưa biết cảm ơn khi nhận được món quà và những lời nói yêu thương từ bạn.

2.3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.3.1. Nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình về sự cần thiết của việc GDKNS cho HSTH

Kĩ năng sống giữ vai trò rất quan trọng trong việc phát triển toàn diện con người nói chung và các em học sinh tiểu học nói riêng, vì vậy hoạt động GDKNS có ý nghĩa quan trọng đối với học sinh tiểu học. Việc người giáo viên tiểu học nhận thức được sự cần thiết của việc GDKNS cho HSTH sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện các hoạt động này ở trường Tiểu học. Để tìm hiểu nhận thức của giáo viên về sự cần thiết của giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi đã tiến hành khảo sát giáo viên, tổng phụ trách đội và cán bộ quản lý ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.4. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ cần thiết của giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học

Rất cần thiết		Phần lớn là cần thiết		Ít cần thiết		Không cần thiết	
SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
45	93.7	3	6.3	0	0	0	0

Bảng 2.1 cho thấy: Tất cả giáo viên, cán bộ quản lý, tổng phụ trách đội tham gia khảo sát đều nhận thấy sự cần thiết của việc GDKNS cho HSTH trong giai đoạn hiện nay. Có tới 93.7% số người trả lời cho rằng việc GDKNS cho HS là “rất cần thiết”, 6.3% số người trả lời cho rằng việc GDKNS cho HS phần lớn là cần thiết. Điều này cho thấy GV ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình đã thấy được sự cần thiết, tầm quan trọng của việc GDKNS cho các em học sinh trong giai đoạn hiện nay ngay từ nhỏ để chuẩn bị hành trang cho các em có thể thích nghi với cuộc sống hiện đại.

Khi tiến hành phỏng vấn CBQL, giáo viên trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến về sự cần thiết của việc giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học, chúng tôi cũng nhận được các ý kiến cho rằng giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học là rất quan trọng, cần thiết trong giai đoạn hiện nay khi xã hội đang thay đổi nhanh chóng trong thế giới số.

Có ý kiến cho rằng: GDKNS cho HSTH là rất cần thiết bởi nhằm giúp học sinh trang bị những kiến thức, kỹ năng giúp các em có thể thích nghi được với xã hội hiện đại:

“Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học rất cần thiết, bởi GDKNS giúp học sinh phát triển những kỹ năng, trang bị kiến thức, thái độ phù hợp để hình thành những thói quen, hành vi lành mạnh, tích cực để thích nghi trong cuộc sống hiện nay” (Ý kiến của cô giáo T.T.N - CBQL).

“Theo tôi, việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học rất cần thiết hiện nay. Giáo dục kỹ năng sống giúp trẻ sớm có nhận thức về bản thân, gia đình và xã hội, giúp trẻ có thái độ sống tích cực và lành mạnh hơn rất nhiều” (Ý kiến của cô giáo P.V.A).

“Theo tôi, việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học là rất cần thiết. Bởi vì xã hội hiện đại luôn đòi hỏi con người có những kỹ năng ứng phó trước những tình huống xảy ra trong cuộc sống nên việc rèn luyện cho học sinh các kỹ năng mềm là nhiệm vụ quan trọng của công tác giáo dục kỹ năng sống. Điều này giúp trang bị cho các em những kiến thức giá trị, thái độ và kỹ năng phù hợp; từ đó hình thành cho học sinh những hành vi, thói quen lành mạnh, tích cực; loại bỏ những hành vi, thói quen tiêu cực trong cuộc sống; tạo cơ hội cho các em có khả năng xử lý mọi vấn đề xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày” (Ý kiến của cô giáo N.T.M)

Một số ý kiến cho rằng: GDKNS cho HSTH là rất cần thiết giúp các em có thể tự tin về bản thân, thiết lập được mối quan hệ với bạn bè, với mọi người xung quanh, thích nghi được với cuộc sống xung quanh trẻ:

“Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học là rất cần thiết, bởi thông qua dạy KNS giúp trẻ chủ động trở thành người biết quan tâm đến mọi người xung quanh, kết nối với bạn bè, rèn được các kỹ năng, thích nghi với hoàn cảnh trong cuộc sống hiện nay khi xã hội có sự thay đổi từng ngày, từng giờ” (Ý kiến của cô giáo P.T.T.N)

Như vậy, cán bộ quản lý và giáo viên ở 02 trường: Trường TH Tân Thành và Trường TH Ninh Tiến đã thấy được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc GDKNS cho các em học sinh ngay từ cấp tiểu học để chuẩn bị hành trang cho các em có thể thích nghi với cuộc sống, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi xã hội có sự thay đổi từng ngày, từng giờ.

Chúng tôi tiếp tục tìm hiểu nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình về ý nghĩa của việc GDKNS cho học sinh tiểu học trong giai đoạn hiện nay và kết quả thu được như sau:

Bảng 2.5. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về ý nghĩa của việc GDKNS cho học sinh tiểu học

STT	Ý nghĩa của giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học	Mức độ đánh giá								Điểm TB	Thứ bậc
		Hoàn toàn đúng		Phần lớn đúng		Đúng ít		Không đúng			
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)		
1	Giáo dục kĩ năng sống thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và xã hội.	40	83.3	8	16.7	0	0.0	0	0.0	3.83	3
2	Giáo dục kĩ năng sống giúp con người thành công và nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực.	37	77.1	11	22.9	0	0.0	0	0.0	3.77	5
3	Giúp các em rèn luyện những hành vi có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng.	41	85.4	7	14.6	0	0.0	0	0.0	3.85	2
4	Giúp các em xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bạn bè và mọi	41	85.4	7	14.6	0	0.0	0	0.0	3.85	2

	người.										
5	GDKNS giúp các em có khả năng tự lập, thích ứng và ứng xử tích cực trước các tình huống trong cuộc sống.	41	85.4	7	14.6	0	0.0	0	0.0	3.85	2
6	GDKNS giúp học sinh tự chủ trong cuộc sống, tự nhận thức bản thân, phát huy thế mạnh cá nhân.	41	85.4	7	14.6	0	0.0	0	0.0	3.85	2
7	Giúp các em có khả năng xử lý các tình huống trong cuộc sống, có ý thức bảo vệ sức khỏe, phòng tránh tai nạn, phòng ngừa bạo lực và tệ nạn xã hội	42	87.5	6	12.5	0	0.0	0	0.0	3.88	1
8	Giúp hình thành và phát triển cho HS những thói quen, nề nếp tốt, loại bỏ những hành vi, thói quen chưa tích cực trong học tập và sinh hoạt hàng ngày	39	81.3	9	18.7	0	0.0	0	0.0	3.81	4
9	GDKNS cho HSTH giúp các	39	81.3	9	18.7	0	0.0	0	0.0	3.81	4

em rèn luyện những phẩm chất đạo đức, phát triển toàn diện											
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

(Ghi chú: Hoàn toàn đúng: 4 điểm; Phần lớn đúng: 3 điểm, Đúng ít: 2 điểm; Không đúng: 1 điểm)

Kết quả cho thấy cán bộ quản lý và giáo viên ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình đã đánh giá cao ý nghĩa của hoạt động GDKNS cho học sinh tiểu học.

Phương án lựa chọn "*Giúp các em có khả năng xử lý các tình huống trong cuộc sống, có ý thức bảo vệ sức khỏe, phòng tránh tai nạn, phòng ngừa bạo lực và tệ nạn xã hội*" có ĐTB cao nhất = 3.88 (xếp thứ 1). Nhiều thầy cô đã nhận thấy xã hội hiện đại có sự thay đổi toàn diện về nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa và lối sống với tốc độ nhanh đã làm nảy sinh những vấn đề mà trước đây con người chưa gặp, chưa trải nghiệm, chưa phải ứng phó, đương đầu. Hoặc có những vấn đề đã xuất hiện trước đây, nhưng nó chưa phức tạp, khó khăn và đầy thách thức trong xã hội hiện đại, nên con người dễ hành động theo cảm tính và không tránh khỏi rủi ro, nguy cơ, thách thức trong cuộc sống. Khi đó, kỹ năng sống chính là hành trang giúp con người chuyển những điều đã biết đến để thay đổi hành vi, nhờ đó mà đạt được lối sống lành mạnh, đảm bảo chất lượng cuộc sống, kỹ năng sống là một phần quan trọng trong nhân cách con người trong xã hội hiện đại. Học sinh tiểu học là thế hệ tương lai của đất nước, do đó, giáo dục cho các em các KNS để các em có khả năng xử lý các tình huống khác nhau trong cuộc sống và bảo vệ chính bản thân là việc làm cần thiết.

Các phương án "*Giúp các em rèn luyện những hành vi có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng*" và "*Giúp các em xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bạn bè và mọi người*", "*GDKNS giúp các em có khả năng tự lập, thích ứng và ứng xử tích cực trước các tình huống trong cuộc sống*", "*GDKNS giúp học sinh tự chủ trong cuộc sống, tự nhận thức bản thân, phát huy thế mạnh cá nhân*" đều có ĐTB= 3.85 (xếp thứ 2). Như vậy, xếp ở vị trí thứ 2 là những đánh giá cao của người giáo viên tiểu học ở trường TH Ninh Tiến và TH Tân Thành về vai trò của GDKNS đối với chính sự phát triển bản thân mỗi học sinh, giúp các em tự nhận thức bản thân, tự chủ, có khả năng tự

lập, thích ứng và ứng xử tích cực trước các tình huống trong cuộc sống, có trách nhiệm với bản thân và người khác, giúp các em hướng đến xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bạn bè và mọi người xung quanh. Mục đích của GDKNS cho HS chính là việc hình thành được năng lực trí tuệ, hành vi tạo nên sức mạnh bên trong bản thân của chính mỗi em học sinh mà các thầy cô giáo ở cả hai trường đã nhận thức rất rõ được vai trò quan trọng này.

Ngoài ra, "Giáo dục kỹ năng sống thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và xã hội" (ĐTB= 3.83; xếp thứ 3); "Giúp hình thành và phát triển cho HS những thói quen, nề nếp tốt, loại bỏ những hành vi, thói quen chưa tích cực trong học tập và sinh hoạt hàng ngày"(ĐTB= 3.81, xếp thứ 4); "GDKNS cho HSTH giúp các em rèn luyện những phẩm chất đạo đức, phát triển toàn diện" (ĐTB= 3.81, xếp thứ 4). Mục tiêu của giáo dục tiểu học là *"hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở"* và GDKNS cho học sinh tiểu học sẽ giúp thực hiện mục tiêu giáo dục của bậc Giáo dục tiểu học.

"Giáo dục kỹ năng sống giúp con người thành công và nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực" có ĐTB là 3.77 (xếp thứ 5). Bản chất của việc GDKNS cho con người là giáo dục và hình thành cho họ năng lực trí tuệ, đạo đức, cảm xúc và hành vi mang tính xã hội tích cực. Vì vậy, một cá nhân có KNS thường có thể giới quan đúng đắn và từ đó các em sẽ thực hiện những hành vi tốt đẹp mang lại lợi ích cho mình và người khác. Con người thiếu kỹ năng sống là một nguyên nhân làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội. Người có kỹ năng sống sẽ thực hiện những hành vi mang tính xã hội tích cực, góp phần xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp và do vậy giảm bớt tệ nạn xã hội làm cho xã hội lành mạnh. Do đó, việc giáo dục các em học sinh tiểu học có những hiểu biết về KNS sẽ ngăn ngừa các vấn đề xã hội, làm xã hội phát triển hơn.

Trong tất cả các phương án về ý nghĩa của việc GDKNS cho học sinh, không có cán bộ quản lý và giáo viên nào chọn mức độ "Đúng ít" hoặc "Không đúng", điều này cho thấy cán bộ quản lý và giáo viên các trường đã thấy được tầm quan trọng của hoạt động GDKNS cho học sinh tiểu học.

Như vậy, cán bộ, giáo viên của hai trường đã nhận thức được ý nghĩa của việc GDKNS cho học sinh tiểu học là rất cần thiết để giúp các em hoàn thiện nhân cách và thực hiện tốt các mối quan hệ với mọi người xung quanh.

Đây là những nhận thức đúng đắn, phù hợp với chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với xu thế phát triển giáo dục trong xã hội hiện đại.

2.3.2. Nội dung GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình

Để tìm hiểu về nội dung GDKNS và mức độ thực hiện giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh tiểu học của trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.6: Mức độ tiến hành giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

STT	Các kĩ năng	Mức độ thực hiện								Điểm TB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ			
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)		
1	Kĩ năng tự nhận thức	28	58.3	20	41.7	0	0.0	0	0.0	3.58	4
2	Kĩ năng kiểm soát cảm xúc	24	50.0	23	47.9	1	2.1	0	0.0	3.48	7
3	Kĩ năng đặt mục tiêu	19	39.6	27	56.3	2	4.2	0	0.0	3.35	11
4	Kĩ năng tư duy phê phán	15	31.3	29	60.4	3	6.3	1	2.1	3.21	12
5	Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ	18	37.5	29	60.4	1	2.1	0	0.0	3.35	11
6	Kĩ năng giao tiếp	33	68.8	15	31.2	0	0.0	0	0.0	3.69	1
7	Kĩ năng hợp tác	30	62.5	17	35.4	1	2.1	0	0.0	3.60	3
8	Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực	23	47.9	24	50	1	2.1	0	0.0	3.46	8
9	Kĩ năng phòng chống tai nạn thương tích	28	58.3	18	37.5	2	4.2	0	0.0	3.54	6

10	Kĩ năng phòng chống đuối nước	23	47.9	24	50	1	2.1	0	0.0	3.46	8
11	Kĩ năng phòng chống xâm hại	24	50	22	45.8	2	4.2	0	0.0	3.45	9
12	Kĩ năng phòng chống hỏa hoạn	22	45.8	24	50	2	4.2	0	0.0	3.42	10
13	Kĩ năng phòng chống bạo lực học đường	27	56.3	21	43.8	0	0.0	0	0.0	3.56	5
14	Kĩ năng phòng tránh nghiện trò chơi điện tử	21	43.8	26	54.2	1	2.1	0	0.0	3.42	10
15	Kĩ năng tự học	30	62.5	18	37.5	0	0.0	0	0.0	3.63	2
16	Kĩ năng quản lí thời gian	22	45.8	24	50	2	4.2	0	0.0	3.42	10
17	Kĩ năng tự phục vụ trong học tập và sinh hoạt hàng ngày	29	60.4	18	37.5	1	2.1	0	0.0	3.58	4
Điểm TBC										3.48	

(Ghi chú: Rất thường xuyên: 4 điểm; Thường xuyên: 3 điểm, thỉnh thoảng 2 điểm; Không bao giờ: 1 điểm)

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy:

- Trên toàn bộ thang đo, với mức điểm TBC của tất cả các KN là 3.48, trung vị là 3.58, độ lệch chuẩn $SD = 0.43$ cho thấy mức độ phân tán về ý kiến của những người trả lời trong mẫu thấp. Mặt khác, với khoảng điểm TBC của các KNS dao động từ 3.21 đến 3.69 cho thấy các kĩ năng sống được giáo viên ở cả hai trường tiến hành giảng dạy và rèn luyện cho học sinh được thực hiện thường xuyên.

- Những KNS đứng ở những thứ bậc đầu tiên trên thang đo được giáo viên giáo dục và rèn luyện cho học sinh thường xuyên nhất đó là: “Kĩ năng

giao tiếp” với ĐTB= 3.69 (xếp thứ 1); tiếp theo là “Kĩ năng tự học” với ĐTB= 3.63 (xếp thứ 2), “Kĩ năng hợp tác” với ĐTB= 3.60 (xếp thứ 3); “Kĩ năng tự phục vụ trong học tập và sinh hoạt hàng ngày” và “Kĩ năng tự nhận thức” với cùng mức ĐTB= 3.58, xếp thứ 4. Đây là những KN thuộc nhóm KN thiết lập mối quan hệ với người khác và KN tự phục vụ. Những kĩ năng này được CBQL, GV thường xuyên quan tâm vì nó là những kĩ năng cơ bản, là những kĩ năng mà học sinh sử dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày để các em có thể học tập ở trường, biết giao tiếp với những người xung quanh, biết ứng xử với những người xung quanh một cách tôn trọng, chân thành, tế nhị, thông minh, biết hợp tác với bạn bè, biết tự nhận thức bản thân, biết cách tự học để có thể chủ động, tự giác trong việc học tập của chính bản thân các em. Vì thế giáo viên ở cả hai trường thực hiện giáo dục ở mức độ thường xuyên nhất. Khi tiến hành phỏng vấn giáo viên, chúng tôi cũng nhận được ý kiến trả lời cho rằng: *“KN giao tiếp, KN hợp tác giúp các em xây dựng mối quan hệ tốt với thầy cô, bạn bè ở trường; biết cư xử với ông bà, cha mẹ. KN tự phục vụ giúp các em có thể tự phục vụ bản thân trong học tập và sinh hoạt hàng ngày ở trường học cũng như ở nhà. Vì thế, các KN này thường được giáo dục rất thường xuyên cho các em học sinh”* (Ý kiến của cô giáo N.T.X)

Cô giáo P.V.A chia sẻ: *“Kĩ năng giao tiếp, Kĩ năng tự phục vụ bản thân, kĩ năng làm việc nhóm là những kĩ năng được tôi thực hiện nhiều. Tôi thấy rằng việc giáo dục và rèn luyện những kĩ năng sống này sẽ giúp học sinh tiểu học có được một nền tảng vững chắc để phát triển và hình thành nhân cách trong tương lai”*.

- Đứng ở những thứ bậc tiếp theo trên thang đo là các KN: “Kĩ năng phòng chống bạo lực học đường” (ĐTB= 3.56, xếp thứ 5); “Kĩ năng phòng chống tai nạn thương tích (ĐTB= 3.54, xếp thứ 6); kĩ năng kiểm soát cảm xúc (ĐTB= 3.48, xếp thứ 7); kĩ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực, kĩ năng phòng chống đuối nước (ĐTB= 3.46, xếp thứ 8); kĩ năng phòng chống xâm hại ĐTB= 3.45, xếp thứ 9; “Kĩ năng phòng chống hỏa hoạn”, “Kĩ năng phòng tránh nghiện trò chơi điện tử ”, “Kĩ năng quản lí thời gian” với cùng mức ĐTB là 3.42, xếp thứ 10. Đây là những KN thuộc nhóm KN tự bảo vệ và nhóm KN phát triển bản thân, những KN này được xếp từ vị trí số 5 đến vị trí số 10 trên thang thứ bậc các KN nghiên cứu mà đề tài đưa ra. Với mức

điểm dao động từ 3.42 đến 3.56 cũng nói lên rằng những KN này cũng được trường TH Ninh Tiến và TH Tân Thành thực hiện giáo dục rất thường xuyên cho các em học sinh. Đây là các KN rất quan trọng cần giáo dục cho các em học sinh hiện nay nhằm giúp các em có thêm những hiểu biết để bảo vệ cho sự an toàn của bản thân để phòng tránh được những tai nạn, thương tích, đuối nước, hỏa hoạn, phòng tránh được các nạn bạo lực học đường, xâm hại, phòng tránh nghiện trò chơi điện tử,...

- Những KN được giáo viên thực hiện giáo dục thường xuyên ở mức thấp hơn một chút so với các KN khác đó là: "Kĩ năng đặt mục tiêu" ĐTB= 3.35; "Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ" ĐTB= 3.35 (xếp thứ 11) và "Kĩ năng tư duy phê phán" ĐTB= 3.21 (xếp thứ 12).

- Chúng tôi đã tiến hành so sánh dữ liệu về mức độ tiến hành giáo dục các kĩ năng sống cho học sinh tiểu học ở trường TH Tân Thành và TH Ninh Tiến, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.7: Mức độ tiến hành giáo dục các kĩ năng sống cho học sinh

ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến

STT	Các kĩ năng	Mức độ thực hiện			
		TH TÂN THÀNH		TH NINH TIẾN	
		Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
1	Kĩ năng tự nhận thức	3.52	3	3.65	3
2	Kĩ năng kiểm soát cảm xúc	3.44	4	3.52	5
3	Kĩ năng đặt mục tiêu	3.28	8	3.43	7
4	Kĩ năng tư duy phê phán	3.12	9	3.30	9
5	Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ	3.32	7	3.39	8
6	Kĩ năng giao tiếp	3.60	1	3.78	1
7	Kĩ năng hợp tác	3.56	2	3.65	3
8	Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực	3.52	3	3.39	8
9	Kĩ năng phòng chống tai nạn thương tích	3.56	2	3.52	5
10	Kĩ năng phòng chống đuối nước	3.44	4	3.48	6
11	Kĩ năng phòng chống xâm hại	3.52	3	3.39	8
12	Kĩ năng phòng chống hỏa hoạn	3.40	5	3.43	7
13	Kĩ năng phòng chống bạo lực học đường	3.52	3	3.61	4

14	Kỹ năng phòng tránh nghiện trò chơi điện tử	3.40	5	3.43	7
15	Kỹ năng tự học	3.56	1	3.70	2
16	Kỹ năng quản lý thời gian	3.36	6	3.48	6
17	Kỹ năng tự phục vụ trong học tập và sinh hoạt hàng ngày	3.56	1	3.61	4
Điểm TBC		3.45		3.52	

(Ghi chú: Rất thường xuyên: 4 điểm; Thường xuyên: 3 điểm, thỉnh thoảng 2 điểm; Không bao giờ: 1 điểm)

Kết quả nghiên cứu chỉ ra: Với mức ĐTB về mức độ tiến hành giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh ở trường TH Tân Thành là 3.45, của TH Ninh Tiến là 3.52 cho thấy việc GD các KNS ở trường TH Ninh Tiến được thực hiện ở mức thường xuyên hơn so với trường TH Tân Thành. Song, sự khác biệt này là không đáng kể, bởi kết quả xử lý dữ liệu thống kê thu được cho thấy: với mức ý nghĩa p của phép T – Test là 0.457 (> 0.05), nghĩa là không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê về mức độ thường xuyên trong nội dung giáo dục các KNS cho HS giữa trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến.

Ở cả hai trường các KNS được giáo dục thường xuyên ở mức cao hơn đều là các KN: “Kỹ năng giao tiếp”, “Kỹ năng tự học”, “Kỹ năng hợp tác”, “Kỹ năng tự phục vụ trong học tập và sinh hoạt hàng ngày”, “Kỹ năng tự nhận thức”. Các KN được giáo dục thường xuyên ở mức thấp hơn một chút là các KN: “Kỹ năng đặt mục tiêu”, “Kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ”, “Kỹ năng tư duy phê phán”.

Như vậy, qua tìm hiểu thực trạng nội dung thực hiện GDKNS cho học sinh, chúng tôi thấy rằng GV ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến đã giáo dục rất nhiều các KNS cho các em một cách thường xuyên ở mức cao. Trong đó các KN: KN giao tiếp, kỹ năng tự học, kỹ năng hợp tác, kỹ năng tự phục vụ trong học tập và sinh hoạt hàng ngày, kỹ năng tự nhận thức là những KN được các thầy cô dạy và rèn luyện nhiều nhất. Việc rèn luyện cho các em học sinh nhiều KNS một cách toàn diện sẽ dần hình thành ở các em năng lực tự nhận thức bản thân, biết làm chủ bản thân, tự tin trong giao tiếp, giúp các em biết ứng xử tích cực với bạn bè và mọi người xung quanh, biết các kỹ năng để tránh được các tình huống nguy hiểm trong cuộc sống, tự phục vụ bản thân.

2.3.3. Phương pháp GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình

Chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu thực trạng những phương pháp giáo viên sử dụng trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình. Kết quả nghiên cứu thu được như sau:

Bảng 2.8. Mức độ thực hiện các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

ST T	Các phương pháp	Mức độ sử dụng								ĐTB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ			
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)		
1	Thuyết trình	16	33.4	28	58.3	4	8.3	0	0.0	3.25	5
2	Thực hành/ luyện tập	24	50.0	22	45.8	2	4.2	0	0.0	3.46	2
3	Trò chơi	26	54.1	21	43.8	1	2.1	0	0.0	3.52	1
4	Đóng vai	16	33.4	25	52.1	7	14.6	0	0.0	3.19	6
5	Vấn đáp	22	45.8	24	50.0	2	4.2	0	0.0	3.42	3
6	Thảo luận nhóm	25	52.1	20	41.7	3	6.3	0	0.0	3.46	2
7	Nghiên cứu tình huống	21	43.8	24	50.0	3	6.3	0	0.0	3.38	4
Điểm TBC										3.38	

(Ghi chú: Rất thường xuyên: 4 điểm; Thường xuyên: 3 điểm, Thỉnh thoảng 2 điểm; Không bao giờ: 1 điểm)

Từ kết quả khảo sát ở bảng 2.5 cho thấy:

- Trên toàn bộ thang đo, với mức điểm TBC của các phương pháp được sử dụng trong quá trình GDKNS của GV là 3.38, trung vị (Median) là 3.42, tần xuất giá trị các câu trả lời được lặp lại nhiều nhất (Mode) là 3.0, độ lệch chuẩn SD = 0.50 đã cho thấy: Sự phân phối của mẫu nghiên cứu tuân theo phân phối chuẩn, phần lớn các ý kiến trả lời trong mẫu nghiên cứu đang tập trung ở khoảng Mean $\pm$ 1SD nghĩa là khoảng từ 2.88 đến 3.88. Điều này cho thấy các phương pháp GDKNS mà giáo viên ở trường Tiểu học Tân Thành,

trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình sử dụng thường xuyên trong quá trình thực hiện hoạt động GDKNS cho HSTH.

- Đứng ở những thứ bậc đầu tiên trên thang đo của bảng hỏi đưa ra là: Phương pháp trò chơi có ĐTB = 3.52, xếp thứ nhất, có 47/48 giáo viên tham gia trả lời sử dụng phương pháp này một cách thường xuyên và rất thường xuyên. Đây là những phương pháp được giáo viên sử dụng thường xuyên ở mức rất cao trong quá trình GDKNS cho HSTH. Phương pháp trò chơi được sử dụng nhiều nhất trong quá trình dạy KNS cho các em vì phương pháp này phù hợp với đặc điểm tâm lí của các em học sinh tiểu học, nhất là học sinh đầu cấp, việc học được tổ chức dưới dạng vừa học, vừa chơi, khiến cho việc học trở nên nhẹ nhàng. Ý kiến của cô giáo N.T.M, trường TH Tân Thành như sau: *“PP trò chơi thường được sử dụng ở phần khởi động khi bắt đầu tiết học. Ví dụ, ở Bài 54: Một số điều cần biết về bệnh dại (ở Tuần số 27 của chương trình GDKNS Poki dành cho lớp 3) thì việc bắt đầu tiết học được khởi động bằng trò chơi: “Đoán bóng con vật”. PP trò chơi cũng thường được sử dụng ở phần cuối tiết học khi tổng kết những phần kiến thức cơ bản trong tiết học mà các em đã được học. Việc sử dụng phương pháp trò chơi được sự hưởng ứng tích cực của các em học sinh trong lớp, khiến giờ dạy trở nên sôi nổi”*.

- Đứng ở thứ bậc thứ 2 và thứ 3 trong bảng hỏi là: Phương pháp thực hành/ luyện tập; phương pháp thảo luận nhóm có cùng mức ĐTB là 3.46, xếp thứ hai; phương pháp vấn đáp với mức ĐTB là 3.42, xếp thứ 3. Phương pháp vấn đáp vốn là một phương pháp cần thiết được tiến hành rất thường xuyên trong rất nhiều môn học, môn GDKNS cũng không phải là một ngoại lệ. Phương pháp thực hành/ luyện tập; phương pháp thảo luận nhóm là những phương pháp giúp cho học sinh lắng nghe, chia sẻ những ý kiến của nhau, áp dụng những kiến thức đã học vào trong các tình huống đa dạng giúp các em hình thành được các hành vi phù hợp với điều kiện thực tế, từ đó hình thành các kĩ năng sống cho các em. Ý kiến của cô giáo Đ.T.T.H, trường TH Ninh Tiến cho rằng: *“Trong quá trình GDKNS, tôi hay sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để học sinh có cơ hội chia sẻ ý kiến, học hỏi từ nhau, phát triển kĩ năng giao tiếp, kĩ năng hợp tác để các em làm việc nhóm hiệu quả. Phương pháp thực hành tạo ra các cơ hội để học sinh áp dụng các KNS vào cuộc sống hàng ngày”*.

- Các phương pháp cũng được sử dụng thường xuyên nhưng ở mức thấp hơn một chút trong quá trình GDKNS cho HSTH là các phương pháp:

Nghiên cứu tình huống (ĐTB là 3.38, xếp thứ 4), thuyết trình (ĐTB là 3.25, xếp thứ 5), đóng vai (ĐTB là 3.19, xếp thứ 6).

Phương pháp nghiên cứu tình huống và phương pháp đóng vai là những phương pháp giúp học sinh được thực hành trải nghiệm, học sinh được đặt vào trong các tình huống thực của cuộc sống chứa đựng các vấn đề phải giải quyết, sau đó yêu cầu học sinh vận dụng những kiến thức về kỹ năng sống đã học để giải quyết tình huống đó. Trong GDKNS, việc giải quyết các tình huống được tiếp tục thực hiện bằng phương pháp đóng vai giải quyết tình huống đặt ra sẽ giúp cho học sinh được trải nghiệm ứng xử, xử lý tình huống giúp cho việc giáo dục KNS có hiệu quả. Đồng thời đây cũng là những phương pháp tạo hứng thú cho HS, giúp các em vui học, phát huy tính tự giác và tính tích cực cho các em. Tuy nhiên, trong thực tiễn GDKNS thì phương pháp đóng vai ít được giáo viên triển khai thực hiện ở trường hơn, mà chủ yếu việc giải quyết các tình huống thực tiễn chủ yếu sử dụng bằng phương pháp thảo luận nhóm hoặc phương pháp vấn đáp, học sinh trả lời cá nhân.

“Trong các tiết dạy GDKNS, phần vận dụng thực hành cũng thường được tiến hành bằng việc đưa ra các tình huống thực tiễn để giải quyết. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp cũng khá linh hoạt, có những tình huống khó thì sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, có những tình huống dễ hơn thì học sinh trả lời cá nhân. Phương pháp đóng vai cần nhiều thời gian để thực hiện nên ít được sử dụng hơn” (Ý kiến của cô giáo P.T.V).

Chúng tôi đã tiến hành so sánh mức độ thường xuyên thực hiện các phương pháp GDKNS cho học sinh ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.9: Mức độ tiến hành các phương pháp GDKNS cho học sinh

ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến

STT	Các phương pháp	Mức độ thực hiện			
		TH TÂN THÀNH		TH NINH TIẾN	
		Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
1	Thuyết trình	3.20	6	3.30	6
2	Thực hành/ luyện tập	3.44	2	3.48	3
3	Trò chơi	3.48	1	3.57	1
4	Đóng vai	3.04	7	3.35	5

5	Vấn đáp	3.36	4	3.48	3
6	Thảo luận nhóm	3.40	3	3.52	2
7	Nghiên cứu tình huống	3.32	5	3.43	4
Điểm TBC		3.32		3.44	

Với mức ĐTB về mức độ thực hiện các phương pháp GDKNS cho học sinh ở trường TH Tân Thành là 3.32, của trường TH Ninh Tiến là 3.44. Song, sự khác biệt này là không có ý nghĩa về mặt thống kê, bởi kết quả xử lý dữ liệu thống kê thu được cho thấy: với mức ý nghĩa p của phép $T - \text{Test}$ là 0.991 (> 0.05), nghĩa là không có sự khác biệt về mức độ thực hiện các phương pháp GDKNS giữa trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến.

Ở cả hai trường các phương pháp GDKNS được thực hiện thường xuyên ở mức cao hơn đó là: Phương pháp trò chơi, phương pháp thực hành/ luyện tập, phương pháp thảo luận nhóm; các phương pháp thuyết trình, đóng vai vẫn là những phương pháp ít được thực hiện hơn.

Khi tìm hiểu về sự tương quan giữa các yếu tố trong nghiên cứu nhằm xem xét xem việc sử dụng phương pháp trong GDKNS có tương quan với các yếu tố khác trong nghiên cứu không? Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra ở bảng 2.10 như sau:

Bảng 2.10: Bảng tương quan giữa việc sử dụng các các phương pháp và điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS

		Các điều kiện đáp ứng	Các phương pháp GDKNS
Các điều kiện đáp ứng	Pearson Correlation	1	.644**
	Sig. (2-tailed)		.000
	N	48	48
Các phương pháp GDKNS	Pearson Correlation	.644**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	
	N	48	48
**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).			

Kết quả phân tích tương quan cho ta thấy: Với mức ý nghĩa $p = 0.000$, $r = 0.644$ chứng tỏ có mối tương quan thuận chiều, có ý nghĩa về mặt thống kê giữa việc sử dụng các các phương pháp trong quá trình GDKNS với điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS ở trường tiểu học hiện nay. Xét trên thang đo bảng hỏi giữa các yếu tố này, mối tương quan thuận chiều này theo hướng:

Nếu điều kiện đáp ứng GDKNS ở trường càng tốt thì việc thực hiện các phương pháp GDKNS của giáo viên sẽ càng thuận lợi.

Chúng tôi cũng đã tiến hành nghiên cứu nhằm tìm hiểu xem có sự khác nhau về mức độ sử dụng các phương pháp GDKNS giữa những giáo viên có số năm công tác khác nhau qua phép so sánh đa biến (Multiple Comparisons) bằng phương pháp Oneway Anova (Xem phụ lục 9). Kết quả cho thấy rằng: Với mức ý nghĩa $p = 0.6840 > 0.05$, không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa các nhóm giáo viên có số năm công tác khác nhau về mức độ sử dụng các phương pháp trong GDKNS cho HSTH.

Như vậy, qua tìm hiểu thực trạng các phương pháp GDKNS cho học sinh ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến, chúng tôi nhận thấy rằng: Đại đa các phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được giáo viên sử dụng thường xuyên, phối kết hợp nhiều phương pháp nhằm phát huy tính tích cực học tập của học sinh, nâng cao hiệu quả GDKNS. Không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa các nhóm giáo viên có số năm công tác khác nhau về mức độ sử dụng các phương pháp trong GDKNS cho HSTH. Có mối tương quan thuận chiều giữa việc sử dụng các phương pháp với điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS ở trường tiểu học hiện nay: Nếu điều kiện đáp ứng GDKNS ở trường càng tốt thì việc thực hiện các phương pháp GDKNS của giáo viên sẽ càng phát huy được tính tích cực học tập của học sinh.

2.3.4. Quy trình GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình

Để thực hiện tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học hiệu quả, quá trình tổ chức phải đảm bảo được trình tự logic tổ chức. Đánh giá quy trình tổ chức hoạt động GDKNS cho HSTH, tôi đã tiến hành khảo sát cán bộ quản lý và giáo viên ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình về việc thực hiện quy trình này. Kết quả thu được ở bảng dưới đây:

**Bảng 2.11. Mức độ thực hiện các hoạt động trong quy trình
tổ chức** giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học

STT	Các bước	Mức độ thực hiện								Điểm TB
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ		
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	
1	Đặt tên cho hoạt động và xác định yêu cầu giáo dục	26	54.2	21	43.7	1	2.1	0	0.0	3.52
2	Xây dựng nội dung và xác định hình thức tổ chức hoạt động	26	54.2	21	43.7	1	2.1	0	0.0	3.52
3	Chuẩn bị cho hoạt động	25	52.1	22	45.8	1	2.1	0	0.0	3.50
4	Tiến hành hoạt động	25	52.1	22	45.8	1	2.1	0	0.0	3.50
5	Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động	24	50	12	25.0	12	25.0	0	0.0	3.25

(Ghi chú: Rất thường xuyên: 4 điểm; Thường xuyên: 3 điểm, Thỉnh thoảng 2 điểm; Không bao giờ: 1 điểm)

Kết quả trên cho thấy, giáo viên đã tự đánh giá về việc thực hiện đầy đủ các bước tổ chức quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học một cách đều đặn, thường xuyên chiếm tỉ lệ cao. Cụ thể: Quy trình được đánh giá thực hiện ở mức độ “thường xuyên” với tỉ lệ cao, đó là: “*Đặt tên cho hoạt động và xác định yêu cầu giáo dục*”, “*Xây dựng nội dung và xác định hình thức tổ chức hoạt động*”; “*Chuẩn bị cho hoạt động*”; “*Tiến hành hoạt động*”, “*Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động*”. Kết quả này cũng cho thấy cán bộ quản lý, giáo viên của trường đã thường xuyên thực hiện đầy đủ các bước trong một quy trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Ở bước đầu tiên: “Đặt tên cho hoạt động và xác định yêu cầu giáo dục” và ở bước thứ hai: “Xây dựng nội dung và xác định hình thức tổ chức hoạt động” có cùng một mức điểm trung bình là 3.52, với 47/48 giáo viên thường xuyên và rất thường xuyên thực hiện. Việc đặt tên cho hoạt động là một việc làm cần thiết vì tên của hoạt động tự nó đã nói lên được chủ đề, mục tiêu, nội dung, hình thức của hoạt động. Tên hoạt động cũng tạo ra được sự hấp dẫn, lôi cuốn, tạo ra được trạng thái tâm lý đầy hứng khởi và tích cực của học sinh. Vì vậy, cần có sự tìm tòi, suy nghĩ để đặt tên hoạt động sao cho phù hợp và

hấp dẫn. Xác định các yêu cầu giáo dục cũng là bước rất cần thiết để thiết kế và tổ chức giáo dục kỹ năng sống hiệu quả, bởi vì khi xác định đúng yêu cầu giáo dục sẽ là cơ sở để lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức hoạt động. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Giáo viên ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình đã thường xuyên thực hiện bước: Đặt tên cho hoạt động và xác định yêu cầu giáo dục, xây dựng nội dung và xác định hình thức tổ chức hoạt động trong một quy trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

Tiếp theo là các bước: Chuẩn bị cho hoạt động và tiến hành hoạt động với mức điểm trung bình là 3.50. Bước: Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động, với ĐTB là 3.25. Có 25% số giáo viên trả lời là việc thực hiện bước: “Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động” ở mức thỉnh thoảng. Việc đánh giá và rút kinh nghiệm cũng là một trong những bước quan trọng để mỗi giáo viên nhìn nhận lại quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục của mình để nâng cao hiệu quả giáo dục ở những giai đoạn hoạt động tiếp theo. Tuy vậy, một bộ phận giáo viên vẫn còn chưa thực hiện bước này thường xuyên trong quá trình GDKNS cho HSTH. Ý kiến của cô giáo P.T.V cho rằng: *“Hầu hết các bước trong quy trình khi GDKNS cho HSTH đều được giáo viên thực hiện đủ. Song vì hoạt động GDKNS cho HSTH hiện nay vẫn là một hoạt động ngoài giờ chính khóa, không phải đánh giá mức độ, điểm như các môn học văn hóa khác, vì vậy, nó khiến cho việc đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động GDKNS chưa được thực hiện thường xuyên so với các hoạt động khác”*

Khi tiến hành khảo sát thông tin về cách sắp xếp trình tự các bước đưa ra trong một quy trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, kết quả thu được cho thấy: Hầu hết giáo viên tiểu học đều sắp xếp các bước theo đúng trình tự:

- Bước 1: Đặt tên cho hoạt động và xác định yêu cầu giáo dục
- Bước 2: Xây dựng nội dung và xác định hình thức tổ chức hoạt động
- Bước 3: Chuẩn bị cho hoạt động
- Bước 4: Tiến hành hoạt động
- Bước 5: Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động

Như vậy, đại đa số giáo viên trường ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình đều thực hiện thường xuyên, đầy đủ, đúng quy trình các bước tổ chức quá trình GDKNS cho

HSTH. Tuy nhiên, ở bước cuối cùng là bước: Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động GDKNS thì ít được thực hiện hơn.

2.3.5. Các hình thức GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình

Để tìm hiểu thực trạng về các hình thức GDKNS cho HSTH, mức độ sử dụng các hình thức GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thu được kết quả sau:

Bảng 2.12. Mức độ sử dụng các hình thức giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học

STT	Hình thức	Mức độ thực hiện								Điểm TB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ			
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)		
1	Tổ chức hội thi/cuộc thi	13	27.1	17	35.4	18	37.5	0	0.0	2.9	6
2	Thành lập các câu lạc bộ	11	22.9	19	39.6	15	31.3	3	6.3	2.79	7
3	Tổ chức chào cờ đầu tuần	22	45.8	24	50.0	2	4.2	0	0.0	3.42	3
4	Tổ chức sinh hoạt lớp	28	58.3	20	41.7	0	0.0	0	0.0	3.58	1
5	Tổ chức giáo dục kĩ năng sống theo các chuyên đề	21	43.8	21	43.8	6	12.4	0	0.0	3.31	4
6	Dạy học tích hợp các môn học	26	54.1	21	43.8	1	2.1	0	0.0	3.52	2
7	Tổ chức các hoạt động tập thể (trò chơi, hội chợ,...)	16	33.3	23	47.9	9	18.8	0	0.0	3.15	5
8	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm (tham quan, dã ngoại...)	11	22.9	15	31.3	22	45.8	0	0.0	2.77	8
Điểm TBC										3.17	

(Ghi chú: Rất thường xuyên: 4 điểm; Thường xuyên: 3 điểm, Thỉnh thoảng 2 điểm; Không bao giờ: 1 điểm)

Từ kết quả thu được, có thể thấy các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học rất đa dạng và các hình thức này được sử dụng thường xuyên (ĐTB = 3.17).

Hình thức giáo dục kỹ năng sống học sinh tiểu học được sử dụng thường xuyên nhất là tổ chức sinh hoạt lớp (ĐTB= 3.69, xếp thứ 1). Tiết sinh hoạt lớp là hình thức hoạt động tập thể theo phạm vi lớp, được xác định rõ trong thời khóa biểu, tiết sinh hoạt lớp không chỉ đánh giá các công việc, các hoạt động của lớp đã và đang diễn ra một cách toàn diện còn tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh theo các chủ đề, chủ điểm do vậy đây là hình thức được giáo viên hai trường lựa chọn nhiều nhất để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

Tiếp theo là hình thức giáo dục kỹ năng sống tích hợp trong các môn học (ĐTB= 3.52) được giáo viên sử dụng rất thường xuyên. Đồng thời qua kết quả khảo sát chúng tôi nhận thấy giáo viên hai trường đều cho rằng: Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Tiểu học được tích hợp ở tất cả các môn học, thông qua môn Đạo đức, Tiếng Việt, Toán, Hoạt động trải nghiệm, Lịch sử, Địa lí, Công nghệ, Khoa học, Tự nhiên và xã hội, Âm nhạc, Mỹ Thuật,... tích hợp chủ yếu nhất là thông qua môn đạo đức, Tiếng Việt và Hoạt động trải nghiệm. Thông qua các môn học khác nhau giáo viên không những tích hợp giáo dục kỹ năng sống giúp học sinh phát triển về nhận thức, tình cảm mà còn giúp các em phát triển các kỹ năng cần thiết cho hoạt động học cũng như cuộc sống hàng ngày của học sinh như: kỹ năng tự học, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tự phục vụ trong học tập và sinh hoạt hàng ngày, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng kiểm soát cảm xúc, kỹ năng đặt mục tiêu...giúp các em có khả năng tự lập, thích ứng và ứng xử tích cực trước các tình huống trong cuộc sống góp phần phát triển nhân cách toàn diện cho người học.

Đứng thứ 3 trên thang đo về các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học được giáo viên sử dụng ở mức độ thường xuyên đó là việc GDKNS cho HSTH thông qua hoạt động chào cờ đầu tuần, với ĐTB= 3.42. Cũng như giờ sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần cũng là một hoạt động được quy định trong thời khóa biểu, dưới dạng sinh hoạt tập thể toàn trường. Tiết chào cờ cũng được tổ chức lồng ghép giáo dục KNS cho học sinh theo các chủ điểm khác nhau. Ý kiến của cô giáo N.T.T.H, TH Tân Thành cho rằng: *“Tiết chào cờ đầu tuần là một hình thức sinh hoạt tập thể chung của học sinh*

theo quy mô toàn trường được quy định trong thời khóa biểu vào sáng thứ 2 hàng tuần. Thông qua tiết chào cờ, cũng hướng tới tổ chức lồng ghép giáo dục các KNS cho học sinh theo các chủ điểm khác nhau, ví dụ: Tiết chào cờ đầu tuần vào đầu tháng 5 (tuần số 34) thì cần lồng ghép hoạt động giáo dục Tham gia kỉ niệm sinh nhật Bác Hồ để giáo dục lòng biết ơn đối với Bác. Tiết chào cờ đầu tuần vào tuần thứ 2 của tháng 5 (tuần số 35) thì cần lồng ghép hoạt động giáo dục: Cam kết mùa hè ý nghĩa và an toàn”

Một hình thức giáo dục KNS cho HSTH nữa được thực hiện cũng rất thường xuyên ở trường tiểu học Tân Thành và tiểu học Ninh Tiến hiện nay đó là: Tổ chức giáo dục kĩ năng sống theo các chuyên đề (ĐTB= 3.31). Hiện nay ở cả hai trường, việc thực hiện giảng dạy KNS đang thực hiện theo phần mềm giảng dạy điện tử của chương trình GDKNS Poki của tổ chức Giáo dục và Đào tạo Poki Châu Á (Poki Learning Asia). Đây là một trong những đơn vị tiên phong tại Việt Nam về phát triển các chương trình giáo dục kỹ năng công dân thế kỷ XXI, kỹ năng sống và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong việc dạy và học. Năm học 2023-2024, tại trường TH Tân Thành và TH Ninh Tiến, chương trình GDKNS Poki được thực hiện dạy 2 buổi/tuần (mỗi buổi là 1.5 tiết) cho tất cả các khối/lớp, có chương trình và các bài học cụ thể từ lớp 1 đến lớp 5. Theo ý kiến của cô giáo P.T.N, TH Tân Thành: *“Để thực hiện được chương trình GDKNS theo chương trình của Poki thì họ sẽ tổ chức tập huấn, dạy thử cho giáo viên, sau đó họ sẽ cung cấp tài khoản trực tuyến cho giáo viên để hàng tuần giáo viên có thể mở bài để dạy. Trong quá trình dạy KNS theo chương trình Poki thì giáo viên vẫn tổ chức các hoạt động, sử dụng các phương pháp khác nhau để GDKNS cho các em học sinh”*

Hình thức: Tổ chức các hoạt động tập thể (trò chơi, hội chợ,...) với ĐTB= 3.15, xếp thứ 5 là hình thức tổ chức GDKNS cho học sinh được sử dụng ở mức độ thấp hơn. Trò chơi hay hình thức hội chợ là các hình thức tổ chức GDKNS cho học sinh nhân dịp ngày lễ, ngày hội lớn của trường. Đây các hoạt động tập thể đòi hỏi các hoạt động này cần đầu tư kinh phí và có tính kế hoạch cao, vì vậy mức độ thực hiện sẽ thấp hơn.

Các hình thức khác như: tổ chức hội thi/cuộc thi (ĐTB= 2.9), thành lập các câu lạc bộ (ĐTB= 2.79), tổ chức hoạt động trải nghiệm tham quan, dã ngoại...(ĐTB= 2.79) được sử dụng thấp hơn. Đây là các hình thức GDKNS cho HS thông qua các hình thức tổ chức hoạt động tập thể, tuy nhiên các hình thức hoạt động này còn hạn chế. Có từ 31.3% đến 45.8% số người trả lời cho

rằng thỉnh thoảng mới sử dụng các hình thức giáo dục tập thể này để GDKNS cho HS. Khi trao đổi với CBQL, GV chúng tôi nhận thấy do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau như: Nguồn kinh phí để tổ chức, điều kiện tổ chức, năng lực tổ chức các hoạt động GDKNS của đội ngũ CBQL, GV...nên các hình thức trên ít được sử dụng hơn.

Hình thức tổ chức hội thi/ cuộc thi hướng đến việc GDKNS cho các em học sinh cũng được tổ chức, song hình thức này ít thường xuyên hơn. Theo ý kiến của cô giáo P.V.A, trường TH Ninh Tiến cho rằng: *“Hình thức tổ chức hội thi/ cuộc thi thường là hoạt động tập thể của toàn trường, thường gắn liền với các ngày lễ lớn trong năm nên cần có kế hoạch cụ thể trước đó, cần có kinh phí và chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất chu đáo. Ở trường TH Ninh Tiến, trong năm học 2023-2024, tháng 11/2023, với chủ điểm “Kính yêu Thầy giáo, Cô giáo”, nhà trường đã tổ chức hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, nhà trường không chỉ tổ chức mít tinh, mà còn tổ chức các hoạt động tập thể, trò chơi tập thể thi đấu giữa các lớp như: Trò chơi chuyển bóng bằng thìa, trò chơi nhảy bao bố, cuộc thi ảnh trên page trường Tiểu học Ninh Tiến giữa các lớp. Thông qua các cuộc thi này tạo ra một không khí vui tươi, sôi nổi trong toàn trường nhằm giáo dục tinh thần hợp tác, đoàn kết của các em, giáo dục các KNS cho các em học sinh, giúp cho việc học tập và rèn luyện của các em có hiệu quả hơn”*.

Còn đối với hình thức GDKNS cho HS thông qua việc tổ chức hoạt động trải nghiệm tham quan, dã ngoại cũng đòi hỏi cần có thời gian và kinh phí tổ chức, do đó, một số gia đình điều kiện còn khó khăn nên chưa cho con tham gia được. Ý kiến của cô giáo P.T.T.N, Trường TH Tân Thành cho rằng: *“Việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm tham quan, dã ngoại cần xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và cũng cần có nhiều thời gian mới tổ chức được. Để thực hiện được hình thức trên cần có sự hỗ trợ của các ban ngành đoàn thể, sự đóng góp kinh phí của cha mẹ học sinh, do đó có những gia đình điều kiện còn khó khăn nên chưa thể cho con tham gia các buổi tham quan, trải nghiệm được”*

Việc GDKNS cho HS được lồng ghép thông qua hình thức các câu lạc bộ ở các trường hiện nay ít thường xuyên hơn. Cũng có các câu lạc bộ cờ vua, cầu lông,...song số lượng các em học sinh tiểu học tham gia vào các câu lạc bộ này chưa nhiều, bởi việc học ở các câu lạc bộ hiện nay các em phải đóng góp kinh phí, do vậy chỉ có những em học sinh có điều kiện mới tham gia câu lạc bộ được.

Khi phân tích kết quả thể hiện mức độ sử dụng các hình thức giáo dục kỹ năng sống của trường trường TH Ninh Tiến và trường TH Tân Thành, chúng tôi thu được kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.13. Mức độ sử dụng các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở trường TH Ninh Tiến và trường TH Tân Thành

STT	Các hình thức	MỨC ĐỘ THỰC HIỆN			
		TH Tân Thành		TH Ninh Tiến	
		Điểm TB	Thứ bậc	Điểm TB	Thứ bậc
1	Tổ chức hội thi/ cuộc thi	2.68	5	3.13	6
2	Thành lập các câu lạc bộ	2.60	6	3.00	7
3	Tổ chức chào cờ đầu tuần	3.32	2	3.52	3
4	Tổ chức sinh hoạt lớp	3.48	1	3.7	1
5	Tổ chức giáo dục kỹ năng sống theo các chuyên đề	3.24	3	3.39	4
6	Dạy học tích hợp các môn học	3.48	1	3.57	2
7	Tổ chức các hoạt động tập thể (trò chơi, hội chợ,...)	2.96	4	3.35	5
8	Tổ chức tham quan, dã ngoại	2.68	5	2.87	8
Điểm TBC		3.05		3.31	

(Ghi chú: Rất thường xuyên: 4 điểm; Thường xuyên: 3 điểm, thỉnh thoảng 2 điểm; Không bao giờ: 1 điểm)

Có sự khác biệt về mức độ sử dụng các hình thức GDKNS cho HSTH ở 2 trường nghiên cứu. Với ĐTB của trường TH Tân Thành là 3.05, của trường TH Ninh Tiến là 3.31. Song, sự khác biệt này là không có ý nghĩa về mặt thống kê, bởi kết quả xử lý dữ liệu thống kê thu được cho thấy: với mức ý nghĩa p của phép T – Test là 0.346 (> 0.05), nghĩa là không có sự khác biệt về mức độ thực hiện các hình thức GDKNS giữa trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến.

Ở cả hai trường, các hình thức được thực hiện thường xuyên hơn đó là: Tổ chức sinh hoạt lớp, GDKNS tích hợp trong các môn học, tổ chức chào cờ đầu tuần, tổ chức giáo dục kỹ năng sống theo các chuyên đề. Ở cả hai trường, các hình thức cùng được thực hiện ở mức độ thường xuyên thấp hơn đó là: tổ chức hội thi/cuộc thi, thành lập các câu lạc bộ, tổ chức hoạt động trải nghiệm tham quan, dã ngoại.

Như vậy, qua tìm hiểu về thực trạng các hình thức, mức độ thực hiện các hình thức GDKNS cho HSTH ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến chúng tôi thấy rằng: Nhìn chung, các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học được tiến hành hiện nay rất đa dạng, phong phú, và được giáo viên ở cả hai trường sử dụng thường xuyên trong quá trình GDKNS cho học sinh tiểu học. Một số các hình thức được thực hiện ít thường xuyên hơn như: tổ chức hội thi/ cuộc thi, thành lập các câu lạc bộ, tổ chức hoạt động trải nghiệm tham quan, dã ngoại. Đây là các hoạt động tập thể đòi hỏi quy mô tổ chức phải lớn và phải có nguồn kinh phí mới tổ chức được, do vậy các hoạt động thường ít được thực hiện hơn ở các trường hiện nay.

Để tìm hiểu về hơn về các hình thức GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến hiện nay, chúng tôi tiếp tục tìm hiểu thực trạng về mức độ lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua các chủ điểm. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.14. Mức độ lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học qua các chủ điểm

STT	Hình thức	Mức độ thực hiện								Điểm TB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ			
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)		
1	Mái trường thân yêu	23	47.9	22	45.8	3	6.3	0	0.0	3.42	5
2	Vòng tay bạn bè	24	50.0	22	45.8	2	4.2	0	0.0	3.46	3
3	Kính yêu Thầy giáo, Cô giáo	26	54.2	19	39.6	3	6.3	0	0.0	3.48	2
4	Uống nước nhớ nguồn	23	47.9	21	43.8	4	8.3	0	0.0	3.4	6
5	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc	22	45.8	23	47.9	3	6.3	0	0.0	3.4	6
6	Yêu đất nước Việt Nam	23	47.9	21	43.8	4	8.3	0	0.0	3.4	6
7	Yêu quý mẹ và Cô giáo	27	56.3	18	37.5	3	6.3	0	0.0	3.5	1
8	Hòa bình và hữu nghị	19	39.6	24	50.0	5	10.4	0	0.0	3.29	7

9	Bác Hồ kính yêu	24	50.0	21	43.8	3	6.3	0	0.0	3.44	4
Điểm TBC										3.41	

(Ghi chú: Rất thường xuyên: 4 điểm; Thường xuyên: 3 điểm, Thỉnh thoảng 2 điểm; Không bao giờ: 1 điểm)

Từ kết quả thu được, với điểm TBC là 3.41, SD = 0.58 có thể thấy việc lồng ghép giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học qua các chủ điểm được thực hiện ở mức rất thường xuyên, không có chủ điểm nào là không thực hiện trong năm học.

Khi nghiên cứu các kế hoạch giáo dục KNS cho học sinh tiểu học ở trường TH Ninh Tiến và trường TH Tân Thành và phỏng vấn CBQL, GV tiểu học cho thấy ở tất cả các chủ điểm trong năm học giáo viên đều xây dựng kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, tuy nhiên có những chủ điểm mức độ lồng ghép nội dung GDKNS nhiều nội dung hơn, mức độ thực hiện thường xuyên hơn như: Yêu quý mẹ và cô giáo (ĐTB= 3.5); Kính yêu Thầy giáo, cô giáo (ĐTB= 3.48); Vòng tay bạn bè (ĐTB= 3.46)...nhưng cũng có những chủ điểm mức độ lồng ghép không cao bằng như hòa bình và hữu nghị (ĐTB= 3.29). Thông qua các chủ điểm các nội dung giáo dục KNS không chỉ tích hợp trong các hoạt động chào cờ, sinh hoạt lớp hay trong các môn học. Việc GDKNS cho học sinh thông qua các chủ điểm nhằm hướng tới rèn các KNS cho các em học sinh. Theo ý kiến của cô giáo N.T.X thì: “*Thông qua việc GDKNS cho học sinh qua các chủ điểm sẽ giáo dục cho các em lòng biết ơn thầy cô, lễ phép với người lớn, giúp đỡ và yêu quý bạn bè, thương người như thể thương thân, chia sẻ giúp đỡ cộng đồng, chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn hơn, uống nước nhớ nguồn, biết cách thể hiện tình yêu quê hương đất nước,...từ đó giúp các em trưởng thành hơn*”

Về quy mô tổ chức: Việc GDKNS cho học sinh thông qua các chủ điểm có thể tổ chức hoạt động toàn trường hay từng khối, hoặc từng lớp khác nhau phù hợp với chủ điểm của tháng đó. Khi nghiên cứu các kế hoạch giáo dục trong đó có kế hoạch GDKNS năm học 2023-2024, trường TH Ninh Tiến và trường TH Tân Thành đều lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tổ chức GDKNS cho học sinh thông qua các chủ điểm theo từng tháng. Cụ thể:

Tháng 9/2023, với chủ điểm “Mái trường thân yêu”, cả hai trường đều xây dựng kế hoạch trường học an toàn phòng, chống bạo lực học đường năm học 2023-2024 nhằm xây dựng môi trường giáo dục bảo đảm an toàn, công bằng đối với mọi học sinh, xây dựng phương án bảo đảm an ninh trật tự.

Tháng 10/2023, cả hai đều trường tổ chức chuyên đề trên quy mô toàn trường về an toàn giao thông để dạy các em học sinh kỹ năng về an toàn giao thông.

Tháng 11/2023, với chủ đề “Kính yêu thầy giáo, cô giáo”, trường TH Ninh Tiến đã tổ chức hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, tổ chức các hoạt động tập thể, trò chơi tập thể thi đấu giữa các lớp để giáo dục tinh thần hợp tác, đoàn kết, giáo dục các KNS cho các em. Ở trường TH Tân Thành tổ chức các cuộc thi liên hoan văn nghệ giữa các lớp.

Tháng 12/2023: Với chủ đề “Uống nước nhớ nguồn”, trường TH Ninh Tiến thực hiện hoạt động cho các em học sinh làm lễ báo công các anh hùng liệt sĩ tại đài tưởng niệm Liệt sĩ thôn Cổ Loan, xã Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình. Kết hợp cùng câu lạc bộ cựu chiến binh xã Ninh Tiến tổ chức giao lưu văn nghệ và chơi một số trò chơi dân gian.

Tháng 1/2024: Ở cả hai trường đều thực hiện chương trình “Xuân yêu thương - Tết sẻ chia” nhằm kêu gọi cán bộ giáo viên, nhân viên học sinh trong toàn nhà trường ủng hộ học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong nhà trường. Thông qua hoạt động này giáo dục cho học sinh sự yêu thương, sẻ chia, tinh thần “lá lành đùm lá rách”

Tháng 2/2024: Trường TH Ninh Tiến tổ chức hoạt động trồng cây cho các em học sinh nhằm hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ "Mùa xuân là Tết trồng cây, làm cho đất nước càng ngày càng xuân", rèn luyện và nâng cao ý thức của học sinh trong nhà trường về công tác bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan thiên nhiên. Nhà trường tiến hành cho học sinh học sinh khối lớp 4, khối lớp 5 trồng bổ sung cây tại khi vực các bồn cây trong sân trường.

Tháng 3/2024, với chủ đề “Yêu quý mẹ và Cô giáo”, ở cả hai trường đều tổ chức hoạt động kỷ niệm 114 năm ngày quốc tế Phụ nữ 8/3, tổ chức chuyên đề GDKNS cho học sinh toàn trường về “Lòng biết ơn” do cô Phạm Thị Kiều Hoa - chuyên gia giáo dục kỹ năng sống để giáo dục các em lòng biết ơn, biết trân trọng cha mẹ để nuôi dưỡng tâm hồn các em trong quá trình trưởng thành.

Tháng 4/2024, trường TH Ninh Tiến chào mừng chiến thắng 30.4.1975, kỉ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ đã tổ chức sinh hoạt chủ đề: “ Chiến thắng Điện Biên Phủ - sức mạnh Việt Nam, tầm vóc thời đại”. Liên đội tổ chức cho đội viên, học sinh tìm hiểu tác phẩm Lịch sử nước ta, 5 điều Bác Hồ dạy và các câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh liên quan đến

thiếu nhi. Thông qua các đoạn phim ngắn, phim hoạt hình trong các giờ tự học và đọc sách tại thư viện thân thiện, tìm hiểu về các anh hùng liệt sĩ, tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa.

Tháng 5/2024, ở trường TH Ninh Tiên, với chủ đề “Bác Hồ kính yêu”, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện phong trào “Thiếu nhi Ninh Bình thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy”.

Để chuẩn bị cho học sinh toàn trường bước vào những ngày hè an toàn, vui khỏe, cả trường TH Ninh Tiên và Trường TH Tân Thành đều tổ chức buổi GDKNS theo chuyên đề về kỹ năng phòng chống đuối nước cho các em học sinh nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức về trách nhiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh học sinh về phòng chống đuối nước cho học sinh. Đồng thời cũng tuyên truyền đến các bậc phụ huynh thông qua cuộc họp phụ huynh học sinh cuối năm học. Nâng cao vai trò quan trọng và trách nhiệm của cha mẹ trong việc dạy con biết bơi; tăng cường quản lý con, em, kiên quyết không cho con, em tắm biển, sông, hồ, ao khi không có người lớn kèm, không tắm tại nơi có cảnh báo nguy hiểm. Cùng với việc dạy cho trẻ kỹ năng bơi, giáo viên đã cung cấp cho các kỹ năng cứu hộ và kiến thức về an toàn dưới nước.

(Các hoạt động này được chúng tôi minh họa bằng một số hình ảnh ở phụ lục 10)

Như vậy, hiện nay, việc GDKNS cho HSTH được lồng ghép thông qua rất nhiều hình thức: nó không chỉ là các tiết dạy từng kỹ năng cụ thể với từng khối/lớp theo chương trình KNS Poki, tích hợp trong rất nhiều môn học, mà còn thông qua các chủ đề hàng tháng, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức với nhiều quy mô khác nhau theo từng lớp, theo các khối, theo các chuyên đề GDKNS được tổ chức với quy mô toàn trường. Điều này đã tạo ra nhiều hoạt động đa dạng, phong phú, sôi động để nuôi dưỡng tâm hồn các em, giúp các em trưởng thành.

2.3.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành, trường Tiểu học Ninh Tiên, Thành phố Ninh Bình

Hiệu quả của quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, bao gồm: Nhà trường, gia đình, các mối quan hệ bạn bè, sự ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông và yếu tố chủ quan là quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi

học sinh. Để xem xét sự tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS cho HS trên thực tiễn của người giáo viên tiểu học ở 02 trường: Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình, chúng tôi đã tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi kết hợp với việc phỏng vấn sâu để tìm hiểu những nội dung sau:

- Thực trạng mức độ đáp ứng của các điều kiện phục vụ cho quá trình GDKNS cho HSTH hiện nay ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến (bao gồm: Những điều kiện về công tác chỉ đạo của Nhà trường, công tác bồi dưỡng chuyên môn, về cơ sở vật chất, kinh phí, sự phối hợp giữa gia đình - nhà trường trong việc GDKNS cho học sinh,...).

- Những điều kiện thuận lợi và khó khăn trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho HSTH của GV ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến.

Kết quả nghiên cứu thu được như sau:

2.3.6.1. Mức độ đáp ứng của các điều kiện phục vụ cho quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình

Để tìm hiểu về những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình, đề tài tiếp tục tìm hiểu những điều kiện đáp ứng quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở hai trường. Kết quả thu được ở bảng sau:

Bảng 2.15. Điều kiện đáp ứng quá trình GDKNS cho học sinh

TT	Các điều kiện	Mức độ đáp ứng								Điểm TB	Thứ bậc
		Hoàn toàn đáp ứng		Phần lớn đáp ứng		Ít đáp ứng		Không đáp ứng			
		SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)		
1	Cán bộ quản lý coi trọng việc GDKNS cho HS	28	58.3	19	39.6	1	2.1	0	0.0	3.56	1
2	Cán bộ quản lí, giáo viên được	24	50.0	23	47.9	1	2.1	0	0.0	3.48	3

	bồi dưỡng chuyên môn về GDKNS cho HSTH										
3	Giáo viên được tham gia các lớp tập huấn về GDKNS cho HSTH	24	50.0	23	47.9	1	2.1	0	0.0	3.48	3
4	Nhà trường đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để GDKNS cho HS toàn trường và từng khối lớp	27	56.3	21	43.7	0	0.0	0	0.0	3.56	1
5	Các điều kiện cơ sở vật chất dành cho hoạt động GDKNS cho HS của nhà trường (phòng học, tivi, máy chiếu,...)	22	45.8	25	52.1	1	2.1	0	0.0	3.44	4
6	Sự phối hợp giữa gia đình-nhà trường trong quá trình GDKNS cho HS	26	54.2	21	43.7	1	2.1	0	0.0	3.52	2
7	Sự hỗ trợ từ các ban ngành đoàn thể, các tổ chức (xã hội, giáo dục,...) để nâng cao hiệu quả GDKNS cho	20	41.7	26	54.2	2	4.2	0	0.0	3.38	5

	HS										
Điểm TBC = 3.48; Median =3.42; Mode =4.0; SD = 0.47											

(Ghi chú: Hoàn toàn đáp ứng: 4 điểm; Phần lớn đáp ứng: 3 điểm; Ít đáp ứng khi: 2 điểm; Không đáp ứng: 1 điểm)

Kết quả khảo sát ở bảng 2: Với mức ĐTB chung là 3.48, median =3.42; mode =4.0. Xét trên toàn thang đo cho thấy, mặc dù các điều kiện chưa hoàn toàn đáp ứng được để tạo điều kiện hoàn toàn thuận lợi trong quá trình tiến hành GDKNS cho học sinh của người giáo viên tiểu học, nhưng nhìn chung các điều kiện là phần lớn đáp ứng được để giúp người giáo viên tiến hành hoạt động GDKNS cho các em học sinh.

Đứng ở vị trí thứ 1 là các điều kiện thuộc về sự chỉ đạo của Nhà trường, sự quan tâm của các cán bộ quản lý đến việc GDKNS cho học sinh: “*Cán bộ quản lý coi trọng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh*”, “*nhà trường đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh toàn trường và từng khối lớp*” với cùng một mức ĐTB là 3.56, xếp thứ 1. Có hơn 50% số người trả lời cho rằng: “*Cán bộ quản lý coi trọng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh*”; “*nhà trường đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh toàn trường và từng khối lớp*” ở mức hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu trong quá trình GDKNS cho HSTH. Để quá trình GDKNS cho HS đạt hiệu quả thì việc quan tâm, coi trọng của người cán bộ quản lý đối với việc GDKNS cho thế hệ tương lai sẽ tạo ra những định hướng, hướng đi cho quá trình GDKNS cho các em. Kết quả điều tra đã cho thấy: Ở cả hai trường Tiểu học Tân Thành và Tiểu học Ninh Tiến, những người làm công tác quản lý đã coi trọng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, nhà trường đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh toàn trường và từng khối lớp. Khi nghiên cứu “*Kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa năm học 2023-2024*” của các trường TH Ninh Tiến và TH Tân Thành cho thấy: Trong toàn bộ năm học 2023-2024, cả hai trường đều lựa chọn và thực hiện chương trình giáo dục KNS cho HS theo chương trình GDKNS Poki, được tiến hành 2 buổi/tuần cho các khối/lớp từ lớp 1 đến lớp 5 và được quy định trong thời khóa biểu.

Trường TH Ninh Tiến có kế hoạch cụ thể GDKNS cho HSTH, với các KN cụ thể cho từng khối/lớp, với các hình thức khác nhau dưới hình thức là các buổi sinh hoạt

tập thể cuối tuần hoặc tích hợp vào giờ chào cờ đầu tuần, tất cả các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 đều được thực hiện từ đầu năm học. Ngoài ra Trường TH Ninh Tiến còn tiến hành lồng ghép GDKNS cho HSTH thông qua các hoạt động khác như: Tổ chức các buổi liên hoan văn nghệ chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, tổ chức các trò chơi dân gian chào mừng ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, hoạt động nhân đạo quyên góp ủng hộ bạn nghèo vui tết Nguyên đán, hoạt động trải nghiệm để rèn luyện cho học sinh kỹ năng hoạt động tập thể, kỹ năng hợp tác, chia sẻ,...

Trong năm học 2023-2024, kế hoạch GDKNS cho HS của trường TH Tân Thành chú trọng đến việc rèn luyện tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho HS, tăng cường giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, giáo dục văn hóa giao thông, duy trì việc thực hiện an toàn giao thông khu vực công trường; phát động phong trào học bơi và phòng chống đuối nước cho HS, tham gia giải bơi do Phòng giáo dục tổ chức; tuyên truyền, hướng dẫn HS phòng, chống dịch bệnh, ý thức giữ gìn vệ sinh, tiếp tục duy trì phong trào *“Trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn - hạnh phúc”*; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong nhà trường, tập cho HS toàn trường bài dân vũ; quản lý, triển khai cho học sinh tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo,...

Như vậy, cả 2 trường TH Ninh Tiến và TH Tân Thành, cán bộ quản lý, nhà trường đã xây dựng kế hoạch GDKNS cho HS ngay từ đầu năm học để đáp ứng hoạt động GDKNS cho HS theo hướng đổi mới. Đây là căn cứ để tổ chức thực hiện nhiệm vụ hoạt động giáo dục kỹ năng sống của nhà trường đảm bảo khoa học, chủ động, đạt kết quả cao.

Đứng ở vị trí số 2 trong những điều kiện đáp ứng quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được đưa ra là: “Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh” với ĐTB là 3.52. Khi tiến hành phỏng vấn sâu chúng tôi nhận được ý kiến trả lời của hầu hết các thầy/cô là: *“Hầu hết phụ huynh rất ủng hộ việc rèn KNS, đã tích cực hợp tác, đồng hành cùng giáo viên trong các hoạt động giáo dục KNS”* (Ý kiến của cô giáo N.T.T.H, trường TH Tân Thành)

Mức độ đáp ứng được xếp ở thứ bậc thứ ba là điều kiện về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về GDKNS cho HSTH của cán bộ quản lý, giáo viên: “Cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học”, “giáo viên được tham gia các lớp tập huấn về giáo dục kỹ

năng sống cho học sinh tiểu học” với cùng mức ĐTB là 3.48. Có 50% số người trả lời phương án hoàn toàn đáp ứng, còn 50% số người trả lời phương án phần lớn đáp ứng và ít đáp ứng.

Xếp ở những thứ bậc thứ 4 cuối cùng trên thang đo là những điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ cho điều kiện GDKNS cho học sinh: “Các điều kiện cơ sở vật chất dành cho hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh của nhà trường (phòng học, tivi, máy chiếu,...)” với ĐTB là 3.44, với 45.8% số người trả lời cho rằng hoàn toàn đáp ứng, 54.2% cho rằng phần lớn đáp ứng và ít đáp ứng.

Xếp ở những thứ bậc cuối cùng trên thang đo là những điều kiện về sự hỗ trợ từ các ban ngành đoàn thể, các tổ chức xã hội trong quá trình GDKNS cho học sinh: “Sự hỗ trợ từ các ban ngành đoàn thể, các tổ chức (xã hội, giáo dục,...) để nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh” với ĐTB là 3.38, xếp thứ 5. Có 41.6% số người trả lời cho rằng hoàn toàn đáp ứng, 58.4% cho rằng phần lớn đáp ứng và ít đáp ứng.

Khi xem xét sự tương quan giữa yếu tố điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS ở trường tiểu học với các yếu tố khác, chúng tôi nhận thấy như sau (xem bảng 2, phụ lục 9):

Có mối tương quan có ý nghĩa về mặt thống kê giữa các điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS ở trường tiểu học hiện nay với các nội dung GDKNS với $p = 0.000$, $r = 0.65$; có sự tương quan giữa các điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS ở trường tiểu học hiện nay với các hình thức GDKNS với $p = 0.000$, $r = 0.743$. Đây là các mối tương quan thuận chiều, rất mạnh. Xét trên thang đo bảng hỏi giữa các yếu tố này, mối tương quan thuận chiều này theo hướng: Nếu điều kiện đáp ứng GDKNS ở trường càng tốt thì việc tiến hành các nội dung GDKNS, các hình thức GDKNS càng phong phú, đa dạng và thường xuyên. Điều này cho thấy rõ rằng: Những điều kiện đáp ứng là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến toàn bộ quá trình GDKNS cho HSTH hiện nay.

Như vậy, mặc dù tất cả các điều kiện không phải là hoàn toàn đáp ứng được, nhưng nhìn chung các điều kiện là phần lớn đáp ứng được để giúp người giáo viên tiến hành hoạt động GDKNS cho các em học sinh. Điều này cho thấy rõ sự quan tâm của ngành giáo dục, CBQL nhà trường và toàn thể giáo viên tiểu học, phụ huynh học sinh và các lực lượng xã hội khác đến quá trình GDKNS cho các

em HSTH. Mặc dù vậy, trong điều kiện hiện tại, không phải không xuất hiện những khó khăn, hạn chế trong quá trình GDKNS cho HS. Những phân tích sau đây của chúng tôi sẽ làm rõ hơn điều này.

2.3.6.2. Những thuận lợi và khó khăn của giáo viên trong quá trình tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình

Để điều tra về những điều kiện thuận lợi và khó khăn của giáo viên trong quá trình tổ chức GDKNS cho HSTH ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, Thành phố Ninh Bình, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp điều tra bằng câu hỏi đóng, câu hỏi mở và phỏng vấn sâu. Với 48 người tham gia trả lời phiếu hỏi, thì có 45/48 người có câu trả lời về những điều kiện thuận lợi và khó khăn, có 3/48 người không có câu trả lời. Dữ liệu định tính thu được đã được chúng tôi tập hợp, phân tích để đưa các yếu tố ảnh hưởng thuận lợi và khó khăn. Kết quả thu được như bảng thống kê sau:

Bảng 2.16: Những điều kiện thuận lợi và khó khăn của người giáo viên
trong quá trình GDKNS cho HSTH

STT	Những điều kiện	Thuận lợi	Khó khăn
1	Về định hướng, kế hoạch của các cấp (Phòng, Sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo)	Sở Giáo dục và Đào tạo có tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về giáo dục KNS cho học sinh	Số lượng GV, đặc biệt là GV chủ nhiệm là những người trực tiếp dạy KNS cho học sinh các lớp được cử đi tập huấn trực tiếp còn ít, số lượng còn hạn chế
2	Về định hướng, kế hoạch của Nhà trường	Ban Giám hiệu chú trọng đến việc GDKNS cho học sinh: lập kế hoạch cụ thể theo từng tháng, theo từng chủ điểm tháng; triển khai chương trình dạy KNS theo từng tuần, từng lớp, tổ chức các chuyên đề	Có những việc đột xuất nên có thể không thực hiện được theo đúng kế hoạch
3	Về nội dung, chương trình GDKNS		- Chưa có một chương trình chính thống của Bộ. - Hiện các trường dạy theo các chương trình GDKNS khác nhau.
4	Về tài liệu học tập, giáo án dạy	- Có sẵn phần mềm theo các chủ đề của chương trình giáo	Khi thực hiện giáo dục KNS, giáo viên còn gặp nhiều khó

	học	đục KNS Poki - Có sẵn giáo án điện tử	khăn, lúng túng (về tài liệu, về tiêu chí đánh giá KNS của học sinh còn chưa cụ thể,...).
5	Về đạo tạo, bồi dưỡng	- GV cũng đã được tham gia tập huấn - Giáo viên được hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục KNS Poki vào đầu năm học	Tuy nhiên, việc tập huấn vẫn chưa được thường xuyên. Công tác tập huấn chưa nhiều
6	Về cơ sở vật chất máy móc, trang thiết bị...	- Cơ sở vật chất tương đối đảm bảo, máy tính, tivi được trang bị đầy đủ.	- Ở một số chủ đề, một số bài GDKNS, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được để học sinh trải nghiệm, thực hành, vì vậy mất cân bằng giữa thực hành và lý thuyết. - Trang thiết bị cơ sở vật chất chưa đầy đủ, đồ dùng phục vụ cho việc học thực hành còn thiếu vì vậy trong các tiết học GDKNS còn thiếu đồ dùng, không gian để học sinh được thực hành nhiều. - Cơ sở vật chất của trường còn hạn nên việc ứng dụng thực tiễn cho các con chưa đảm bảo. - Các tiết học GDKNS chưa có nhiều thực hành
7	Về phía học sinh	Học sinh hợp tác, hứng thú học tập	Đối tượng học sinh không đồng đều
8	Về kinh phí tổ chức các hoạt động GDKNS	100% phụ huynh đồng ý cho con học chương trình GDKNS Poki ở trường có trả phí	Kinh phí dành cho hoạt động ngoại khóa, kinh phí tổ chức các hoạt động còn hạn chế
9	Về sự phối hợp giữa Gia đình – Nhà trường	Phần lớn phụ huynh đã tích cực hợp tác, đồng hành cùng giáo viên trong các hoạt động giáo dục KNS cho các con	- Một số ít phụ huynh chưa coi trọng việc giáo dục kỹ năng sống - Có những em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, việc rèn luyện KNS cho các em đôi lúc thiếu sự quan tâm, phối hợp từ phía phụ huynh

10	Về sự phối hợp, giúp đỡ của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội	- Địa phương, Phòng Giáo dục ủng hộ nhất trí các hoạt động của nhà trường - Được hỗ trợ về CNTT, được sự quan tâm phối hợp của lãnh đạo và các ban ngành liên quan như Đoàn Thanh niên, Công an, Cảnh sát giao thông	
----	---	---	--

Từ dữ liệu thu được, chúng tôi đã nhận thấy rằng: Hiện nay việc giáo dục KNS cho học sinh ở hai trường: Trường TH Ninh Tiến và Trường TH Tân Thành có một số thuận lợi và khó khăn sau:

Thứ nhất: Việc giáo dục KNS cho học sinh có những điều kiện thuận lợi là: CBQL, Ban Giám hiệu rất chú trọng đến việc GDKNS cho học sinh: lập kế hoạch, triển khai chương trình; GV cũng đã được tham gia tập huấn giáo dục KNS cho HSTH; phần lớn phụ huynh phối hợp quan tâm đến việc GDKNS cho con em họ; giáo viên có sẵn giáo án điện tử; học sinh hợp tác, hứng thú học tập; cơ sở vật chất đã bước đầu đảm bảo cho việc GDKNS (phòng học đều có tivi có kết nối internet); được hỗ trợ về công nghệ thông tin, được sự quan tâm phối hợp của các ban ngành liên quan như đoàn thanh niên, công an, cảnh sát giao thông, các lực lượng xã hội cùng hưởng ứng và chung tay giáo dục KNS cho thế hệ tương lai.

Thứ hai: Việc GDKNS cũng có những khó khăn, cụ thể:

Về nội dung, chương trình GDKNS: Theo kết quả nghiên cứu mà chúng tôi thu được từ việc phỏng vấn giáo viên thấy rằng: Mặc dù chủ trương của Đảng từ Nghị quyết 29 Hội nghị TW 8 khóa XI là đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo: Chuyển từ giáo dục truyền thụ nội dung sang giáo dục phát triển năng lực người học, trong đó việc trang bị những kỹ năng sống cho học sinh để giúp các em thích ứng được trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên đến hiện nay, chưa có một chương trình GDKNS mang tính chính thống, mang tính ổn định của Bộ để làm cơ sở để cho giáo viên tiểu học dựa vào về nội dung, phương pháp giảng dạy KNS cho các em học sinh tiểu học một cách chính thống, có hệ thống, bài bản. Vì vậy hiện nay các trường tiểu học đang dạy theo các chương trình GDKNS khác nhau, các chương trình này có thể thay đổi theo từng năm học. Những điều này cũng có thể gây ra những khó

khẩn cho giáo viên khi phải thích nghi để thực hiện chương trình. Những điều này cũng có thể ảnh hưởng đến hiệu quả GDKNS cho các em HSTH:

Ý kiến của cô giáo P.T.T.N, TH Tân Thành cho rằng: *“Cho đến nay, chưa có chương trình GDKNS cho HSTH một cách chính thống, bài bản, hệ thống của Bộ. Hiện nay ở tất cả các trường tiểu học đều thực hiện việc GDKNS cho học sinh nhưng mỗi trường có thể lại dạy theo phần mềm chương trình GDKNS khác nhau như: Poki, Bigben, Suzuki...vì vậy, sự lựa chọn chương trình GDKNS có thể thay đổi theo năm học. Ví dụ: Ở trường TH Tân Thành năm học 2023-2024 thì học GDKNS theo chương trình Poki, những sang năm học 2024-2025 thì lại thực hiện chương trình GDKNS khác....”*

Về việc tập huấn cho CBQL, giáo viên về GDKNS cho HSTH:

Khi trao đổi với cán bộ quản lý và giáo viên ở trường Tiểu học Tân Thành và trường Tiểu học Ninh Tiến, chúng tôi thấy rằng, đúng là giáo viên đã được tham gia các lớp tập huấn về GDKNS cho học sinh, nhưng vẫn còn một số điểm còn chưa phù hợp như sau:

- Thứ nhất: Theo ý kiến của một số giáo viên ở cả hai trường thì tất cả giáo viên giáo dục KNS được tập huấn 100% quân số thường là trước khi triển khai một chương trình giáo dục kỹ năng sống của một công ty GDKNS nào đó họ về tập huấn cho cả trường để giáo viên thực hiện chương trình GDKNS đó, ví dụ, trước khi triển khai chương trình dạy KNS Poki thì công ty đó sẽ về tập huấn cho giáo viên để thực hiện chương trình GDKNS Poki (Ý kiến của các cô giáo P.T.T.N, L.T.H.H, P.T.V)

Theo chỉ đạo của Bộ, hiện nay hàng năm Sở Giáo dục và Đào tạo đều có tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về giáo dục KNS cho học sinh, tuy nhiên, mỗi trường số lượng giáo viên được cử đi tập huấn thường là rất ít so với nhu cầu, số lượng giáo viên phải giảng dạy KNS. Thường chỉ có CBQL chuyên môn và một số GV cốt cán được cử đi tập huấn. Còn số lượng GV, đặc biệt là GV chủ nhiệm là những người trực tiếp dạy KNS cho học sinh các lớp được cử đi tập huấn do Phòng, Sở tổ chức thì rất hạn chế. Theo ý kiến của cô giáo L.T.H.H thì: *“Phải là những trường rất có điều kiện thì họ mới có thể mời chuyên gia GDKNS nào đó về trường mình để tập huấn cho giáo viên toàn trường. Tuy nhiên số trường làm được như vậy thì rất ít”*. Đây cũng là một trong những khó khăn khiến cho một số giáo viên

họ thấy rằng khi họ thực hiện giáo dục KNS, họ thấy còn gặp những khó khăn, lúng túng (Ý kiến của cô giáo N.T.X, TH Ninh Tiến).

- Thứ hai: Về tài liệu học tập, giáo án dạy học. Mặc dù khi dạy học theo các chương trình KNS của Poki, giáo viên có sẵn phần mềm giáo án điện tử theo các chủ đề của chương trình Poki, không phải soạn giáo án, song dạy theo phần mềm có sẵn cũng có một vài nhược điểm:

+ Có những giáo viên chưa thực sự tích cực trong các giờ dạy KNS theo phần mềm có sẵn này (Ý kiến của cô giáo L.T.H.H).

+ Dạy GDKNS theo phần mềm Poki có sẵn, học sinh chưa được thực hành nhiều. Nguyên nhân của việc học sinh chưa được thực hành nhiều có thể là do: GV chưa thực hiện hết khả năng của mình trong giờ dạy, còn phụ thuộc vào bài giảng điện tử có sẵn, thiếu đồ dùng học tập (ví dụ: khi học về sơ cứu phải có nhiều vật dụng y tế, khi thảo luận nhóm cần có giấy A0 hoặc A3, nhưng nhà trường không có sẵn đồ dùng học tập đó; khi học kỹ năng phòng tránh hỏa hoạn, học sinh học trong lớp học vuông bàn ghế thì các em không thể có không gian đủ rộng để thực hành,...) (Ý kiến của các cô giáo L.T.H.H, P.T.T.N).

Dạy KNS cần phải cho học sinh thực hành, luyện tập, vận dụng những kiến thức đã học vào các tình huống thực của cuộc sống mới giúp các em hình thành, rèn luyện những hành vi tích cực. Vì vậy, việc ít thực hành cũng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của việc GDKNS cho các em học sinh:

Về cơ sở vật chất: Mặc dù ý kiến của khá nhiều thầy/cô ở hai trường đều cho rằng: Cơ sở vật chất tương đối đảm bảo, máy tính, tivi được trang bị đầy đủ. Tuy nhiên, việc tổ chức các giờ dạy KNS mới được tiến hành trên lớp, không gian hẹp, đồ dùng phục vụ cho việc học thực hành còn thiếu, vì vậy ở một số bài GDKNS, học sinh chưa được trải nghiệm, thực hành, do đó, việc ứng dụng thực tiễn cho các con chưa đảm bảo.

Về sự phối hợp giữa gia đình – nhà trường: Phần lớn phụ huynh đã tích cực hợp tác, đồng hành cùng giáo viên trong các hoạt động giáo dục KNS cho các con. Tuy nhiên, việc rèn luyện và hình thành KNS đòi hỏi bố mẹ, gia đình cũng cần phải gần gũi, chú ý rèn luyện con ở nhà mới hình thành được thói quen hành vi tốt ở các con. Song trong một số hoàn cảnh gia đình khó khăn, một số ít phụ huynh cũng vẫn chưa coi trọng việc giáo dục kỹ năng sống cho các con. Ý kiến của cô giáo P.T.N cho rằng: “*Có những em học sinh có hoàn*

cảnh khó khăn, việc rèn luyện KNS cho các em đôi lúc thiếu đi sự quan tâm, thiếu vắng sự kèm cặp của bố mẹ nên ở một số em học sinh trong hoàn cảnh này các em còn hành động, nói năng một cách tự do”

Về kinh phí tổ chức các hoạt động GDKNS: Chương trình GDKNS hiện nay ở trường TH Tân Thành và TH Ninh Tiến theo chương trình KNS Poki nên 100% phụ huynh đồng ý cho con học chương trình này ở trường có trả phí. Tuy nhiên, để thực hiện việc GDKNS cho các em thông qua các hoạt động tập thể, các hoạt động tham quan, dã ngoại, đòi hỏi phải có nguồn kinh phí mới tổ chức được, vì vậy, nguồn kinh phí ít cũng sẽ hạn chế hoạt động GDKNS cho các em học sinh. Ý kiến của cô giáo N.T.X, TH Ninh Tiến cho rằng: *“Tổ chức giáo dục KNS có những đặc thù riêng khác với các hoạt động giáo dục khác, nội dung giáo dục không chỉ diễn ra trong môn học mà còn thông qua một số hoạt động khác (hoạt động ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ,...) cho nên phải tính đến cơ sở vật chất, kinh phí để thực hiện”*.

Như vậy, hiện nay việc GDKNS cho HSTH có một số điều kiện rất thuận lợi như: CBQL và GV chú trọng đến việc GDKNS cho học sinh, GV cũng đã được tham gia tập huấn GDKNS, phần lớn phụ huynh phối hợp quan tâm, học sinh hợp tác, hứng thú học tập, cơ sở vật chất đã bước đầu đảm bảo cho việc GDKNS, được sự quan tâm phối hợp của các ban ngành, các lực lượng xã hội cùng chung tay giáo dục KNS cho các em học sinh. Nhưng bên cạnh đó cũng xuất hiện những khó khăn về: Chương trình GDKNS (hiện nay các trường tiểu học đang dạy theo các chương trình GDKNS khác nhau), và các chương trình này có thể thay đổi theo từng năm học, những điều này cũng có thể gây khó khăn cho giáo viên thường xuyên phải thay đổi, thích nghi để thực hiện chương trình. Cơ sở vật chất, kinh phí, số lượng giáo viên được tham gia một số hoạt động tập huấn, đào tạo GDKNS do Phòng Giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức còn chưa nhiều. Bên cạnh đó cũng có những hạn chế đến từ chính bản thân giáo viên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả của việc GDKNS cho HSTH.

2.3.7. Đánh giá quá trình tổ chức và hiệu quả GDKNS thông qua các chuyên đề và GDKNS tích hợp trong tiết dạy hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3

2.3.7.1. Đánh giá quá trình tổ chức GDKNS thông qua các chuyên đề và GDKNS tích hợp trong tiết dạy hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3

Để đánh giá quá trình tổ chức và hiệu quả GDKNS thông qua tiết dạy GDKNS theo các chuyên đề, chúng tôi đã tiến hành quan sát giờ 2 giờ dạy GDKNS của lớp 3 năm học 2023-2024 theo chương trình GDKNS của Poki được thực hiện hiện nay ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến, gồm:

Bài 65: Truy cập Internet an toàn (Chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 33.

Bài 69: Những điều cần biết khi bị chuột rút (Chủ đề: Mùa hè sôi động), ở tuần số 35.

(Xem phụ lục 4)

Ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến, môn hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3 cùng được thực hiện theo bộ sách “Chân trời sáng tạo”. Để đánh giá quá trình tổ chức và hiệu quả GDKNS tích hợp thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3, chúng tôi đã tiến hành quan sát ở tiết 102: Làm trái tim yêu thương tặng bạn, chủ đề 9: Những người sống quanh em và nghề em yêu thích (Xem phụ lục 5).

Kết quả nghiên cứu thu được như sau:

Đối với việc thực hiện quá trình GDKNS thông qua các chuyên đề ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến được thực hiện theo chương trình giáo dục kỹ năng sống Poki. Qua quá trình tổ chức GDKNS thông qua các chuyên đề đã thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Lập kế hoạch bài dạy GDKNS

Ở bước này, bao gồm việc đặt tên cho bài dạy, xác định các mục tiêu giáo dục; xây dựng nội dung và xác định hình thức tổ chức hoạt động.

Vì ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến đều dạy theo chương trình giáo dục kỹ năng sống Poki có trả phí, nên giáo viên có sẵn giáo án điện tử, có sẵn bài giảng powerpoint (trình chiếu) online. Vì vậy, giáo viên không cần soạn giáo án, mà chỉ cần in giáo án bản PDF từ tài khoản cá nhân của giáo viên trên phần mềm Poki trước khi dạy để đọc và nghiên cứu giáo án trước giờ dạy.

- Bước 2: Chuẩn bị cho tiết dạy

Ở cả hai bài dạy: Bài 65 và bài 69 các video đều có sẵn trên giáo án điện tử.

- Bước 3: Tiến hành hoạt động dạy – học

GV đã thực hiện tổ chức các bước cơ bản trong tiến trình tổ chức các hoạt động GDKNS như trong giáo án điện tử bao gồm:

Hoạt động 1: Khởi động, giới thiệu bài học (thông qua trò chơi, câu đố, hoặc thông qua việc đặt câu hỏi cho học sinh trả lời, từ đó giới thiệu vào bài học)

Hoạt động 2: Giáo viên tổ chức các hoạt động học cho học sinh:

Đối với bài 65: Truy cập Internet an toàn. Việc tổ chức các hoạt động giúp học sinh hiểu được những nguy hiểm có thể gặp phải khi truy cập internet không an toàn, các biện pháp để truy cập internet an toàn, hoạt động làm áp phích tuyên truyền về các biện pháp để truy cập internet an toàn.

Đối với bài 69: Những điều cần biết khi bị chuột rút. Giáo viên tổ chức các hoạt động học nhằm giúp học sinh hiểu được thế nào là chuột rút, nguyên nhân của chuột rút, những việc cần làm khi bị chuột rút, cách xử trí trong những tình huống bị chuột rút.

Hoạt động 3: Giáo viên tiến hành đặt câu hỏi giúp học sinh ôn lại bài và kết thúc tiết học.

- Bước 4: Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động.

Đối với việc thực hiện GDKNS tích hợp trong tiết dạy hoạt động trải nghiệm. Qua quá trình tổ chức các tiết dạy hoạt động trải nghiệm lồng ghép GDKNS, tôi thấy giáo viên đã thực hiện đầy đủ các bước: GV đã xác định yêu cầu cần đạt, đã chuẩn bị những thiết bị dạy học và học liệu, GV đã thực hiện dạy học theo các hoạt động cụ thể:

Hoạt động 1: Khởi động

Hoạt động 2: Nhận diện – Khám phá

Hoạt động 3: Thực hành

Hoạt động 4: Vận dụng

Sau tiết dạy, GV tổng kết bài học và nhấn mạnh những điểm cần ghi nhớ về nội dung bài học.

Trong các giờ dạy mà chúng tôi quan sát, GV đã sử dụng một số các phương pháp khác nhau để tạo hứng thú cho HS như: PP trò chơi, thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, thực hành/ luyện tập. Các phương pháp mà GV sử dụng đã kích thích tính tích cực học tập của HS. Các em học sinh hăng hái phát biểu xây dựng bài, tích cực làm việc nhóm.

Như vậy, qua quan sát, chúng tôi nhận thấy rằng: Giáo viên đã thực hiện quy trình tổ chức các tiết dạy đầy đủ, từ việc lập kế hoạch, chuẩn bị, đến việc tổ chức cho học sinh thực hiện hoạt động trong giờ GDKNS cho HSTH thông qua các chuyên đề và GDKNS tích hợp thông qua môn Hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3. Tuy nhiên, đối với giờ GDKNS theo chương trình Poki, bước lập kế hoạch (gồm: đặt tên cho hoạt động và xác định yêu cầu giáo dục, xây dựng nội dung và xác định các hình thức tổ chức hoạt động), giáo viên không cần phải chuẩn bị vì đã có sẵn giáo án điện tử. Giáo viên chỉ cần thực hiện các bước: chuẩn bị cho hoạt động (giờ dạy), tiến hành hoạt động, đánh giá rút kinh nghiệm sau khi tiến hành giờ dạy. Tuy nhiên, ở các giờ dạy, bước đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động vẫn còn ít thực hiện. Việc đánh giá và rút kinh nghiệm là bước quan trọng để GV nhìn nhận lại quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục của mình để nâng cao hiệu quả giáo dục ở những tiết dạy tiếp theo. Do đó, GV nên thực hiện việc đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động một cách thường xuyên hơn trong quá trình GDKNS cho HSTH.

2.3.7.2. Đánh giá hiệu quả GDKNS cho học sinh thông qua các chuyên đề và GDKNS tích hợp trong tiết dạy hoạt động trải nghiệm lớp 3

* Đánh giá hiệu quả GDKNS sau khi học sinh học xong bài 65: “*Truy cập Internet an toàn*” (Kĩ năng sống Poki):

Với 69/69 câu trả lời đúng chiếm tỷ lệ 100% số học sinh nhận thức đúng cho rằng: Khi giao tiếp với mọi người trên mạng, chúng ta cần cẩn thận. Các em cũng nhận thức đúng được rằng: Nếu người mà em giao tiếp trên mạng là những người xấu thì các em có thể gặp nguy hiểm như: bị bắt cóc, bị lừa đảo, bị đe dọa, bị mất tiền,...Đây là nhận thức đúng của các em bởi nếu người mà các em giao tiếp trên mạng, các em không gặp họ, không thể biết được thực tế họ là ai, ở đâu một cách chính xác. Nếu các em gặp phải những người xấu thì các em có thể gặp nguy hiểm. Tất cả các em đã ý thức được điều này và đều trả lời rằng cần thận trọng khi giao tiếp với mọi người trên mạng.

Khi hỏi các em về các biện pháp để truy cập Internet an toàn, chúng tôi nhận được câu trả lời như sau:

Bảng 2.17: Ý kiến trả lời của học sinh về biện pháp để truy cập Internet an toàn

STT	Các hành động	Đúng		Sai	
		SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	Không chia sẻ thông tin cá nhân của mình và gia đình lên mạng xã hội.	65	94.2	4	5.8
2	Hạn chế giao tiếp với người lạ trên mạng, nên hỏi ý kiến của người lớn mà em tin tưởng trước	65	94.2	4	5.8
3	Không mở email từ địa chỉ lạ	61	88.4	8	11.6
4	Không tiết lộ mật khẩu tài khoản ngân hàng, email hoặc mạng xã hội cho bất cứ ai	66	95.7	3	4.3
5	Dừng truy cập khi thấy hiện tượng bất thường xảy ra (ví dụ: Khi thấy hình ảnh không lành mạnh,...)	69	100	0	0.0
6	Không vào các đường dẫn lạ	69	100	0	0.0
7	Không tham gia bất kì cuộc thi dành giải thưởng trên mạng nào nếu không có sự đồng ý của người lớn mà em tin tưởng	68	98.6	1	1.4
8	Đăng xuất ngay sau khi sử dụng máy tính công cộng	67	97.1	2	2.9
9	Đặt mật khẩu một cách thông minh	68	98.6	1	1.4

Với câu trả lời thu được của học sinh, chúng tôi nhận thấy rằng: Đại đa số các em đều biết được các hành động đúng để các em an toàn khi truy cập vào mạng trong giai đoạn hiện nay với tỷ lệ trả lời đúng rất cao, từ 88.4% đến 100%. Trong đó có từ 97.1% đến 100% các em trả lời sẽ: Dừng truy cập khi thấy hiện tượng bất thường xảy ra (ví dụ: khi thấy hình ảnh không lành mạnh,...), không vào các đường dẫn lạ, không tham gia bất kì cuộc thi dành giải thưởng trên mạng nào nếu không có sự đồng ý của người lớn mà em tin tưởng, đăng xuất ngay sau khi sử dụng máy tính công cộng, đặt mật khẩu một cách thông minh.

Chỉ có một tỷ lệ nhỏ số học sinh từ 4.3% đến 5.8% chưa chọn đáp án đúng về các biện pháp truy cập Internet an toàn như: Chưa biết giữ bí mật thông tin cá nhân và gia đình lên mạng xã hội, chưa hạn chế việc giao tiếp với người lạ trên không gian mạng. Đặc biệt có tới 8/69 em trả lời sai chiếm 11.6% với biện pháp: “Không mở email từ địa chỉ lạ”

Với câu hỏi mà chúng tôi đưa ra: Em mới quen một người bạn qua mạng xã hội, người bạn này hỏi rất nhiều về thông tin cá nhân của em. Em có nên chia

sẽ thông tin của mình với người bạn mới không? Có 97.1% số học sinh lựa chọn câu trả lời đúng, chỉ có 2.9% số học sinh lựa chọn câu trả lời sai.

Như vậy, đại đa số học sinh đều biết được sự quan trọng của việc cần thiết phải có KN truy cập Internet an toàn và các biện pháp truy cập Internet an toàn.

* Đánh giá hiệu quả GDKNS sau khi học sinh học xong bài 69: *“Những điều cần biết khi bị chuột rút”* (Kĩ năng sống Poki):

Với tỷ lệ 100% số học sinh hiểu đúng về hiện tượng chuột rút: Là cảm giác đau gây ra bởi sự co rút cơ, thường ở cơ bắp tay, chân; chuột rút có thể xảy ra khi em đang vận động, đang thức hoặc kể cả khi em đang ngủ; chuột rút khiến chúng ta cảm thấy rất đau, không vận động được; chuột rút sẽ rất nguy hiểm nếu chúng ta đang bơi hoặc đang ở dưới nước.

Khi hỏi về các nguyên nhân gây ra chuột rút và các cách phòng tránh chuột rút, cũng chỉ có từ 1 đến 2 em trên tổng số 69 học sinh lớp 3 ở cả hai trường chưa lựa chọn đáp án chính xác, còn lại hầu hết các em đều lựa chọn các đáp án chính xác cho mình (xem kết quả ở bảng 2.16 và 2.17):

Bảng 2.18: Ý kiến trả lời của học sinh về những nguyên nhân gây ra chuột rút

STT	Các nguyên nhân	Đồng ý		Không đồng ý	
		SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	Cơ thể bị thiếu nước	68	98.6	1	1.4
2	Không khởi động trước khi tập thể thao, vận động nặng	67	97.1	2	2.9
3	Do ngồi lâu, không vận động	67	97.1	2	2.9

Bảng 2.19: Ý kiến trả lời của học sinh về các biện pháp để phòng tránh chuột rút

STT	Các biện pháp	Đồng ý		Không đồng ý	
		SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	Uống đủ nước trong ngày	69	100	0	0.0
2	Tập thể dục thường xuyên	67	97.1	2	2.9
3	Khởi động trước khi bơi, tập thể dục	69	100	0	0.0
4	Không chạy nhảy	19	27.5	50	72.5

Kết quả ở bảng 2.17 cho thấy: Không chạy nhảy không phải là một trong các biện pháp để phòng tránh chuột rút. Tuy nhiên, có tới 19/69 em học sinh chiếm 27.5% số học sinh trả lời chưa đúng.

Khi hỏi về các cách xử trí khi bị chuột rút thì phần lớn các em học sinh đều lựa chọn câu trả lời đúng, chỉ có một tỉ lệ rất nhỏ các em chọn câu trả lời chưa đúng.

Bảng 2.20: Ý kiến trả lời của học sinh về các cách xử lý khi bị chuột rút

STT	Các hành động	Đồng ý		Không đồng ý	
		SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
1	Chuột rút ở bàn chân: Cầm đầu ngón chân kéo nhẹ và đứng thẳng người một lúc nhưng không cho gót chân chạm đất	68	98.6	1	1.4
2	Chuột rút ở cẳng chân: Nhẹ nhàng vươn duỗi theo chiều đối ngược, kéo đầu ngón chân và bàn chân lên cao, hướng về đầu gối	68	98.6	1	1.4
3	Chuột rút ở xương sườn: Hít thở sâu để thư giãn cơ, đồng thời xoa bóp nhẹ các bắp thịt xung quanh	69	100	0	0.0
4	Khi bị chuột rút ở bất cứ vị trí nào, chúng ta cần dừng ngay vận động và thả lỏng cơ	67	97.1	2	2.9
5	Bị chuột rút trong quá trình bơi: Ngửa người lên, dang 2 chân, các ngón chân ngửa về phía đầu, bơi vào bờ và đồng thời kêu cứu	66	95.7	3	4.3
6	Chạy nhảy nhiều để khỏi bị chuột rút	4	5.8	65	94.2
7	Khi bị chuột rút khóc thật to để mọi người giúp	3	4.3	66	95.7

Hầu hết các em học sinh đều lựa chọn được những cách xử trí đúng khi bị chuột rút trong các trường hợp: Chuột rút ở bàn chân thì phải cầm đầu ngón chân kéo nhẹ và đứng thẳng người một lúc nhưng không cho gót chân chạm đất; chuột rút ở cẳng chân: nhẹ nhàng vươn duỗi theo chiều đối ngược, kéo đầu ngón chân và bàn chân lên cao, hướng về đầu gối; chuột rút ở xương sườn: Hít thở sâu để thư giãn cơ, đồng thời xoa bóp nhẹ các bắp thịt xung quanh; khi bị chuột rút ở bất cứ vị trí nào trên cơ thể cần dừng ngay vận động và thả lỏng cơ; bị chuột rút trong quá trình bơi: Ngửa người lên, dang 2 chân, các ngón chân ngửa về phía đầu, bơi vào bờ và đồng thời kêu cứu. Tỷ lệ rất

cao số các em học sinh trả lời đúng các câu hỏi dao động từ 95.7%- 100%. Chỉ có một tỷ lệ rất nhỏ 4.3% và 5.8% số em học sinh chọn đáp án sai khi xử trí tình huống, cho rằng: Khi bị chuột rút phải khóc thật to để mọi người giúp, chạy nhảy nhiều để khỏi bị chuột rút.

Như vậy, đại đa số học sinh đều hiểu được thế nào là chuột rút, những nguyên nhân gây ra chuột rút, các biện pháp để phòng tránh chuột rút, các cách xử lý khi bị chuột rút. Điều này chứng tỏ rằng việc ở mặt nhận thức học sinh tiếp thu bài học số 69: *“Những điều cần biết khi bị chuột rút”* (kỹ năng sống Poki, dành cho lớp 3) là rất tốt.

* Đánh giá hiệu quả GDKNS sau khi học sinh học xong tiết hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3 (tiết 102: Làm trái tim yêu thương tặng bạn):

Trong tiết học này, chúng tôi tiến hành tập trung đánh giá kỹ năng giao tiếp của các em trong mối quan hệ với cô giáo và các bạn trong nhóm/lớp bằng các cử chỉ phi ngôn ngữ (ánh mắt, và bằng ngôn ngữ nói và viết).

Qua quan sát, chúng tôi nhận thấy hầu hết các em trong lớp đều hào hứng tham gia tiết học tích cực, đã thực hiện được kỹ năng giao tiếp: Biết chăm chú lắng nghe khi giáo viên hướng dẫn nhiệm vụ, vui vẻ, hợp tác với các bạn khi làm việc nhóm, lắng nghe ý kiến của các bạn trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ, biết viết những lời nói yêu thương phù hợp, biết nói những lời nói yêu thương với bạn với giọng điệu và thái độ phù hợp, biết cảm ơn khi nhận được món quà và những lời nói yêu thương từ bạn. Một số ít học sinh khi nói lời yêu thương còn ngại, e dè, nhưng lại thể hiện bằng các hành vi phi ngôn ngữ (nụ cười, ánh mắt,...) phù hợp.

Chúng tôi cũng đã đặt câu hỏi để điều tra về cảm xúc của các em nhằm xem xét xem học sinh có thích và có mong đợi tiết học giáo dục kỹ năng sống không? Kết quả thu được cho thấy: Có 65/69 (chiếm 94.2%) các em học sinh đều trả lời là rất thích học tiết học giáo dục kỹ năng sống và rất mong đợi những tiết học này. Chỉ có 4/69 (chiếm 5.8%) các em học sinh có cảm xúc bình thường đối với những tiết học giáo dục kỹ năng sống và cũng mong đợi những tiết học này ở mức bình thường. Không có học sinh nào không thích hoặc không mong đợi những tiết học giáo dục kỹ năng sống. Điều này phần nào phản ánh được thái độ và cảm xúc tích cực của các em đối với hoạt động GDKNS.

Như vậy, thông qua quan sát, nghiên cứu các tiết dạy GDKNS theo chuyên đề và GDKNS tích hợp trong hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3, chúng tôi thấy: Giáo viên đã thực hiện quy trình tổ chức tiết dạy đầy đủ, từ việc lập kế hoạch, chuẩn bị, đến việc tổ chức cho học sinh thực hiện hoạt động. Những tiết dạy đó, về cơ bản đã cung cấp kiến thức, rèn luyện cho các em học sinh các KNS cụ thể, đạt được các mục tiêu đặt ra. Tuy nhiên, mặc dù giáo viên đã sử dụng nhiều phương pháp tích cực, song chúng tôi vẫn nhận thấy rằng phương pháp đóng vai là một trong những phương pháp giúp học sinh được thực hành, trải nghiệm tốt nhất vẫn còn ít được sử dụng trong giờ học GDKNS.

2.4. ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TIỂU HỌC Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH, TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH TIẾN, THÀNH PHỐ NINH BÌNH

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tôi xin đề xuất một số biện pháp để nâng cao hiệu quả, chất lượng giáo dục KNS cho HSTH ở trường TH Ninh Tiến và trường TH Tân Thành như sau:

- Kiến nghị tới Bộ Giáo dục và Đào tạo để hướng tới việc xây dựng một chương trình GDKNS cho HSTH mang tính bài bản, có hệ thống để làm cơ sở đào tạo, tập huấn cho giáo viên tiểu học về nội dung, phương pháp giảng dạy KNS cho các em học sinh tiểu học.

- Kiến nghị với Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình, Phòng Giáo dục Thành phố Ninh Bình tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên. Việc tập huấn GDKNS cho giáo viên không chỉ giới hạn đối với những CBQL chuyên môn và một số giáo viên cốt cán, mà cần hướng tới đội ngũ giáo viên giảng dạy trực tiếp GDKNS cho học sinh được tham gia tập huấn hàng năm (giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách,...).

- Nhà trường tiểu học cần cố gắng có nguồn kinh phí nhằm đáp ứng thêm cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học GDKNS nhằm giúp cho các em học sinh được thực hành, luyện tập, trải nghiệm nhiều hơn. Nhà trường cần chú ý tới việc tăng cường đồ dùng, học liệu phục vụ cho việc học thực hành GDKNS. Đồng thời nhà trường cũng có thể bố trí một phòng học có các trang thiết bị và không gian rộng hơn so với lớp học để các em học sinh có thể được thực hành trong một không gian rộng hơn đáp ứng được những tiết dạy KNS

(Ví dụ: KN phòng tránh hỏa hoạn thì học sinh phải được bò, được lăn,...để thực hành các kỹ năng).

- Về phía giáo viên, những người dạy GDKNS: Khi thực hiện chương trình GDKNS trên giáo án điện tử cần cố gắng dạy đúng, đầy đủ chương trình. Chủ động đề xuất với Nhà trường và phụ huynh học sinh khắc phục khó khăn để có thể có đồ dùng, học liệu học tập đầy đủ hơn, giúp học sinh được thực hành, trải nghiệm nhiều hơn trong giờ học GDKNS. Bên cạnh đó, mỗi giáo viên cũng cần chú trọng đến việc GDKNS cho các em tích hợp trong các môn học và thông qua các hình thức giáo dục khác.

Mỗi giáo viên cần cố gắng tiếp tục tự học, tự đào tạo để nâng cao trình độ, nâng cao hiểu biết về KNS nhằm nâng cao hiệu quả GDKNS cho học sinh.

- Tiếp tục phát huy các thế mạnh của cả hai nhà trường trong việc tổ chức GDKNS lồng ghép thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú, các hoạt động tập thể theo các chủ đề, chủ điểm (trò chơi, văn nghệ, các hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội, các chuyên đề GDKNS được tổ chức trên quy mô toàn trường,...).

- Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trong việc giáo dục kỹ năng sống cho các em, đặc biệt quan tâm, chú ý hơn đến những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt. Tuyên truyền đến các bậc cha mẹ học sinh về sự cần thiết phải dạy và rèn luyện cho các con những KNS để các con có thể thích nghi và sống hạnh phúc trong xã hội hiện đại. Tăng cường phổ biến tri thức GDKNS cho phụ huynh để họ có thể tham gia một cách tích cực, chủ động hơn nữa trong việc GDKNS cho các con để tạo ra hiệu quả trong việc GDKNS cho các em học sinh.

- Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các đoàn thể như: Các trung tâm giáo dục kỹ năng, Đoàn Thanh niên, công an xã/phường, hội phụ nữ,...để phát huy sức mạnh của các lực lượng này trong quá trình GDKNS cho thế hệ tương lai.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Kết quả nghiên cứu ở chương 2 của đề tài đã chỉ ra:

- Cán bộ quản lý và giáo viên trường TH Ninh Tiến và trường TH Tân Thành đã nhận thức được ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của việc giáo dục KNS cho học sinh để có thể giúp các em hoàn thiện nhân cách, thiết lập tốt

các mối quan hệ với mọi người xung quanh và có thể thích nghi trong cuộc sống xã hội hiện đại.

- Nội dung GDKNS cho học sinh ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến khá phong phú và được thực hiện thường xuyên. Việc rèn luyện cho các em học sinh nhiều KNS giúp các em có thể phát triển bản thân, thiết lập mối quan hệ với mọi người xung quanh, biết tự phục vụ, biết phòng tránh và ứng phó tích cực trong các tình huống của cuộc sống, giúp các em phát triển toàn diện.

- Trong quá trình GDKNS, giáo viên ở trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến cũng đã sử dụng thường xuyên, phối kết hợp nhiều phương pháp khác nhau nhằm phát huy tính tích cực học tập của học sinh. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng: Nếu các điều kiện đáp ứng (đặc biệt là về cơ sở vật chất) càng tốt thì việc thực hiện các phương pháp GDKNS sẽ càng phát huy được tính tích cực học tập của học sinh, nâng cao hiệu quả GDKNS.

- Về các hình thức GDKNS hiện nay ở cả hai trường được lồng ghép thông qua rất nhiều hình thức: GDKNS theo chuyên đề, tích hợp trong rất nhiều môn học, mà còn thông qua các chủ điểm hàng tháng, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức với nhiều quy mô khác nhau theo từng lớp, theo các khối hoặc với quy mô toàn trường. Điều này đã tạo ra nhiều hoạt động đa dạng, phong phú, sôi động cho các em học sinh, giúp các em trưởng thành.

- Thông qua quan sát, nghiên cứu các tiết dạy GDKNS theo chuyên đề và GDKNS tích hợp ở tiết hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3, chúng tôi thấy: Giáo viên đã thực hiện quy trình tổ chức tiết dạy đầy đủ. Những tiết dạy đó, về cơ bản đã cung cấp kiến thức, rèn luyện cho các em học sinh các KNS cụ thể, đạt được các mục tiêu đặt ra. Tuy nhiên, mặc dù giáo viên đã sử dụng nhiều phương pháp tích cực, song chúng tôi vẫn nhận thấy rằng phương pháp đóng vai là một trong những phương pháp giúp học sinh được thực hành, trải nghiệm tốt nhất vẫn còn ít được sử dụng trong giờ học GDKNS.

- Có những điều kiện thuận lợi để giáo viên thực hiện việc GDKNS cho học sinh như: CBQL quan tâm đến việc GDKNS, GV cũng đã được tham gia tập huấn GDKNS, phần lớn phụ huynh phối hợp quan tâm, học sinh hợp tác trong học tập, cơ sở vật chất đã bước đầu đảm bảo cho việc GDKNS. Nhưng bên cạnh đó cũng xuất hiện những khó khăn: Chưa có một chương trình GDKNS thống nhất, một số điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu, kinh phí còn

hạn chế, số lượng giáo viên, đặc biệt là những giáo viên chủ nhiệm là người trực tiếp dạy KNS cho học sinh được tham gia hoạt động tập huấn, đào tạo GDKNS do Phòng, Sở tổ chức còn chưa nhiều.

- Có mối tương quan có ý nghĩa về mặt thống kê, tương quan rất mạnh và thuận chiều giữa yếu tố điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS với mức độ thực hiện nội dung, phương pháp và các hình thức GDKNS ở trường TH Ninh Tiến và trường TH Tân Thành hiện nay. Mối tương quan này theo hướng: Nếu điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS cho học sinh càng tốt thì việc thực hiện các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDKNS cho các em học sinh sẽ phong phú, thường xuyên, thuận lợi hơn trong quá trình GDKNS cho HSTH.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về mặt lý luận

Kĩ năng sống là năng lực tâm lý - xã hội để đáp ứng và đối phó với những yêu cầu và thách thức của cuộc sống hàng ngày.

Giáo dục KNS cho HSTH là quá trình tác động có kế hoạch, có định hướng của nhà giáo dục tới học sinh nhằm hình thành, rèn luyện hoặc thay đổi hành vi của các em theo hướng tích cực, phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện nhân cách, trên cơ sở giúp các em có tri thức, thái độ và kĩ năng phù hợp đáp ứng được những yêu cầu của cuộc sống hiện tại.

Mục tiêu của GDKNS hướng tới giáo dục toàn diện nhân cách người học. Trong việc GDKNS cho HSTH đòi hỏi phải sử dụng phối kết hợp nhiều phương pháp khác nhau. GDKNS ở trường tiểu học được thực hiện với nhiều nội dung và hình thức khác nhau. Hiệu quả của việc GDKNS phụ thuộc vào rất nhiều các yếu tố đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và trường để trang bị kiến thức, hình thành thái độ, rèn luyện hành vi và hình thành thói quen hành vi thích nghi một cách tích cực cho người học.

Nội dung giáo dục KNS cho học sinh tiểu học rất đa dạng, phong phú, bao gồm nhiều các KN khác nhau. Các phương pháp GDKNS đa dạng, phong phú nhằm phát huy tính tích cực của học sinh, giúp các em được thực hành, trải nghiệm các tình huống thực tiễn. Quá trình GDKNS được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau: GDKNS cho học sinh theo các chuyên đề; tích hợp trong các môn học, trong các hoạt động trải nghiệm và các hoạt động ngoại khóa khác.

Có các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDKNS ở học sinh tiểu học bao gồm các yếu tố khách quan và chủ quan. Các yếu tố khách quan bao gồm: Gia đình, nhà trường, phương tiện truyền thông, các tổ chức xã hội khác,... Các yếu tố chủ quan bao gồm: đặc điểm lứa tuổi, giới tính, nhận thức, tính cách, sự phấn đấu, rèn luyện của bản thân, sự tự ý thức, tự giáo dục của học sinh,...

1.2. Về mặt thực tiễn

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra:

- Cán bộ quản lý và giáo viên trường TH Ninh Tiến và trường TH Tân Thành đã nhận thức được ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của việc giáo dục

KNS cho học sinh để có thể giúp các em giúp các em hoàn thiện nhân cách, thích nghi trong cuộc sống xã hội hiện đại.

- GV của trường TH Tân Thành và trường TH Ninh Tiến đã tiến hành những nội dung GDKNS cho học sinh khá phong phú, đa dạng, được thực hiện thường xuyên hướng đến phát triển toàn diện nhân cách các em. Việc thực hiện các phương pháp rất phong phú và đa dạng nhằm tăng hiệu quả giáo dục KNS cho các em.

- Ở cả hai trường, các hình thức GDKNS được lồng ghép thông qua rất nhiều hình thức: GDKNS theo chuyên đề, tích hợp trong rất nhiều môn học, thông qua các chủ điểm hàng tháng, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức với nhiều quy mô khác nhau. Điều này đã tạo ra nhiều hoạt động đa dạng, phong phú, sôi động cho các em học sinh, giúp các em trưởng thành.

- Thông qua quan sát, nghiên cứu các tiết dạy GDKNS theo chuyên đề và GDKNS tích hợp ở tiết hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 3, chúng tôi thấy: Giáo viên đã thực hiện quy trình tổ chức tiết dạy đầy đủ. Về cơ bản, các tiết học đã đạt được các mục tiêu. Mặc dù giáo viên đã sử dụng nhiều phương pháp tích cực, song chúng tôi vẫn nhận thấy rằng trong các tiết dạy học sinh vẫn còn ít được thực hành, trải nghiệm.

- Có những điều kiện thuận lợi để giáo viên thực hiện việc GDKNS cho học sinh như: CBQL quan tâm đến việc GDKNS, GV cũng đã được tham gia tập huấn GDKNS, phần lớn phụ huynh phối hợp quan tâm, học sinh hợp tác trong học tập, cơ sở vật chất đã bước đầu đảm bảo cho việc GDKNS. Nhưng bên cạnh đó cũng xuất hiện những khó khăn: Chưa có một chương trình GDKNS thống nhất, một số điều kiện cơ sở vật chất còn thiếu, kinh phí còn hạn chế, số lượng giáo viên, đặc biệt là những giáo viên chủ nhiệm là người trực tiếp dạy KNS cho học sinh được tham gia hoạt động tập huấn, đào tạo GDKNS do Phòng, Sở tổ chức còn chưa nhiều.

- Có mối tương quan có ý nghĩa về mặt thống kê, tương quan rất mạnh và thuận chiều giữa yếu tố điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS với mức độ thực hiện nội dung, phương pháp và các hình thức GDKNS ở hai trường tiểu học hiện nay. Mối tương quan này theo hướng: Nếu điều kiện đáp ứng hoạt động GDKNS cho học sinh càng tốt thì việc thực hiện các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDKNS cho các em học sinh sẽ phong phú, thường xuyên, thuận lợi hơn trong quá trình GDKNS cho HSTH.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Nhà trường

- Cần đưa ra những kiến nghị tới Bộ GD và Đào tạo để Bộ GD và Đào tạo hướng tới việc xây dựng một chương trình GDKNS cho HSTH mang tính bài bản, có hệ thống để làm cơ sở đào tạo, tập huấn cho giáo viên tiểu học về nội dung và phương pháp giảng dạy KNS cho các em học sinh tiểu học.

- Cần kiến nghị với Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình, Phòng Giáo dục Thành phố Ninh Bình tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên. Việc tập huấn GDKNS cho giáo viên không chỉ giới hạn đối với những CBQL chuyên môn và một số giáo viên cốt cán, mà cần hướng tới đội ngũ giáo viên giảng dạy trực tiếp GDKNS cho học sinh được tham gia tập huấn hàng năm (giáo viên chủ nhiệm, tổng phụ trách,...).

- Nhà trường tiểu học cần cố gắng có nguồn kinh phí nhằm đáp ứng thêm cơ sở vật chất phục vụ việc dạy và học GDKNS nhằm giúp cho các em học sinh được thực hành, luyện tập, trải nghiệm nhiều hơn. Nhà trường cần chú ý tới việc tăng cường đồ dùng, học liệu phục vụ cho việc học thực hành GDKNS. Đồng thời nhà trường cũng có thể bố trí một phòng học có các trang thiết bị và không gian rộng hơn so với lớp học để các em học sinh có thể được thực hành trong một không gian rộng hơn đáp ứng được những tiết dạy KNS (Ví dụ: KN phòng tránh hỏa hoạn thì học sinh phải được bò, được lăn,...để thực hành các kỹ năng).

- Tiếp tục phát huy các thế mạnh trong việc tổ chức GDKNS lồng ghép thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú, các hoạt động tập thể theo các chủ đề, chủ điểm (trò chơi, văn nghệ, các hoạt động từ thiện, các hoạt động xã hội, các chuyên đề GDKNS được tổ chức trên quy mô toàn trường,...).

- Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các đoàn thể như: Các trung tâm giáo dục kỹ năng, đoàn thanh niên, công an xã/phường, hội phụ nữ,...để phát huy sức mạnh của các lực lượng này trong quá trình GDKNS cho thế hệ tương lai.

2.2. Đối với giáo viên

Về phía giáo viên, những người dạy GDKNS: Khi thực hiện chương trình GDKNS trên giáo án điện tử cần cố gắng dạy đúng, đầy đủ chương trình. Chủ động đưa ra yêu cầu cho học sinh về chuẩn bị đồ dùng học tập, đề

xuất với nhà trường và phụ huynh học sinh khắc phục khó khăn để có thể có đồ dùng, học liệu học tập đầy đủ hơn, giúp học sinh được thực hành, trải nghiệm nhiều hơn trong giờ học GDKNS. Bên cạnh đó, mỗi giáo viên cũng cần chú trọng đến việc GDKNS cho các em tích hợp trong các môn học và thông qua các hình thức giáo dục khác.

Mỗi giáo viên cần cố gắng tiếp tục tự học, tự đào tạo để nâng cao trình độ, nâng cao hiểu biết về KNS nhằm nâng cao hiệu quả GDKNS cho học sinh.

Tiếp tục làm tốt công tác phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trong việc giáo dục kỹ năng sống cho các em, đặc biệt quan tâm, chú ý hơn đến những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt. Tuyên truyền đến các bậc cha mẹ học sinh về sự cần thiết phải dạy và rèn luyện cho các con những KNS để các con có thể thích nghi và sống hạnh phúc trong xã hội hiện đại. Tăng cường phổ biến tri thức GDKNS cho phụ huynh để họ có thể tham gia một cách tích cực, chủ động hơn nữa trong việc GDKNS cho các con để tạo ra hiệu quả trong việc GDKNS cho các em học sinh.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

1. Nguyễn Thị Thịnh (2024), “Nguyên tắc, hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, số 159 (220), tr.281-285, 301.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Bình (2011), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Nguyễn Thanh Bình, Hoàng Văn Chi (2016), *Tích hợp giáo dục kỹ năng sống theo tiếp cận phương pháp góp phần giáo dục toàn diện*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, NXB ĐHSP TP. HCM, Quyết định số 298/QĐ-NXBĐHSP ngày 08/06/2016, tr. 148-158.
3. Hoàng Hòa Bình (2015), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học* (Tài liệu dành cho giáo viên), lớp 3, Nxb. Giáo dục.
4. Huỳnh Lâm Anh Chương (2015), “Quản lý sự phối hợp giữa giáo viên và cha mẹ học sinh trong hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở TP Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Khoa học – Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*, số 11, tr.102 – 111.
5. Nguyễn Khánh Hà (2018), *Rèn kỹ năng sống cho học sinh (Kỹ năng đặt mục tiêu)*, Nxb. Đại học Sư phạm.
6. Nguyễn Khánh Hà (2018), *Rèn kỹ năng sống cho học sinh (Kỹ năng giải quyết vấn đề)*, Nxb. Đại học Sư phạm.
7. Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng chủ biên), *Hoạt động trải nghiệm lớp 3 (Bộ Chân trời sáng tạo)*, NXB GDVN, 2024.
8. Lê Văn Hồng (chủ biên), Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành (2012), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NxbThế giới.
9. Bùi Văn Huệ, Phan Thị Hạnh Mai, Nguyễn Xuân Thúc (2021), *Giáo trình tâm lý học tiểu học*, Nxb ĐHSP.
10. Vũ Thị Hồng (Chủ biên), Vũ Thị Huệ, Đoàn Thị Hoa (2017), *Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường*, Ninh Bình.
11. Lê Thị Hương, Nguyễn Xuân Hiếu, Phạm Thế Kiên (2019), “Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tại tỉnh Quảng Trị đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, số 463, tr 4 – 9.
12. Quang Lâm (2018), *Những kỹ năng sống dành cho học sinh tiểu học*, Nxb. Dân trí.

13. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Bùi Thị Thúy Hằng (2010), *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh tiểu học*, Nxb. Đại học Quốc Gia Hà Nội.
14. Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương (2018), *Rèn kỹ năng sống cho học sinh (Kỹ năng làm chủ bản thân)*, Nxb. Đại học Sư phạm.
15. Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương (2018), *Rèn kỹ năng sống cho học sinh (Kỹ năng giao tiếp)*, Nxb. Đại học Sư phạm.
16. Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương (2018), *Rèn kỹ năng sống cho học sinh (Kỹ năng tự nhận thức)*, Nxb. Đại học Sư phạm.
17. Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương (2018), *Rèn kỹ năng sống cho học sinh (Kỹ năng kiểm soát cảm xúc)*, Nxb. Đại học Sư phạm.
18. Đỗ Khánh Năm (2011), “Tổ chức các trò chơi dân gian nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học”, *Tạp chí Giáo dục*, số 261, kì 1 – tháng 5/2011, tr. 24-26.
19. Nguyễn Thanh Ngân (2017), *Các biện pháp ứng phó với tình huống nguy hiểm*, NXB Thông tin và truyền thông.
20. Nguyễn Thị Phương Nhung (2015), “Một số biện pháp tích hợp kỹ năng sống cho học sinh thông qua việc tổ chức các hoạt động dạy và học Toán ở tiểu học”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, tr 107 – 109.
21. Bùi Việt Phú, Nguyễn Thị Thùy Duyên (2015), “Thực trạng và giải pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, tr.5 -7.
22. Nguyễn Khánh Phương (2018), *Rèn kỹ năng sống cho học sinh (Kỹ năng ra quyết định)*, Nxb. Đại học Sư phạm.
23. Nguyễn Khánh Phương (2018), *Rèn kỹ năng sống cho học sinh (Kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy tích cực)*, Nxb. Đại học Sư phạm.
24. Nguyễn Thị Thịnh, Nguyễn Đắc Tuấn (Đồng chủ biên), Phạm Thị Trúc, Nguyễn Thị Hải Thanh (2022), *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học* (sách chuyên khảo), NXB Thế giới.
25. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2021), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học Sư phạm.
26. Lưu Thu Thủy (2019), *Bài tập rèn luyện kỹ năng sống dành cho học sinh lớp 1,2,3,4,5*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

27. UNICEF (2002), Myanmar's School - Based Healthy Living and HIV/AIDS Prevention Education Programme.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BỘ MÔN GDTC-TL

PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên)

Kính thưa Thầy/Cô!

Để nghiên cứu Thực trạng giáo dục kỹ năng sống ở một số trường tiểu học trên địa bàn Thành phố Ninh Bình, xin Thầy/Cô dành chút thời gian cho ý kiến về những vấn đề dưới đây. Đối với câu hỏi đã có sẵn phương án trả lời, xin Thầy/Cô đánh dấu X vào phương án lựa chọn; với những câu chưa có phương án trả lời mong Thầy/Cô ghi ý kiến vào khoảng trống.

Tôi xin cam đoan những ý kiến trả lời của Thầy/Cô chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.

Xin trân trọng cảm ơn Thầy/Cô!

Câu 1: Theo Thầy (Cô), giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học cần thiết ở mức độ nào sau đây?

- a. Rất cần thiết
- b. Phần lớn là cần thiết
- c. Ít cần thiết
- d. Không cần thiết

Câu 2: Thầy/Cô hãy đánh giá về ý nghĩa của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học trong giai đoạn hiện nay:

STT	Ý nghĩa của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học	Mức độ đánh giá			
		Hoàn toàn đúng	Phần lớn đúng	Đúng ít	Không đúng
1	Giáo dục kỹ năng sống thúc đẩy sự phát triển của cá nhân và xã hội.				
2	Giáo dục kỹ năng sống giúp con người thành công và nâng cao chất lượng cuộc sống, thúc đẩy những hành vi mang tính xã hội tích cực.				
3	Giúp các em rèn luyện những hành vi có trách nhiệm với bản thân, gia				

	đình, cộng đồng.				
4	Giúp các em xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bạn bè và mọi người.				
5	GDKNS giúp các em có khả năng tự lập, thích ứng và ứng xử tích cực trước các tình huống trong cuộc sống.				
6	GDKNS giúp học sinh tự chủ trong cuộc sống, tự nhận thức bản thân, phát huy thế mạnh cá nhân.				
7	Giúp các em có khả năng xử lý các tình huống trong cuộc sống, có ý thức bảo vệ sức khỏe, phòng tránh tai nạn, phòng ngừa bạo lực và tệ nạn xã hội				
8	Giúp hình thành và phát triển cho HS những thói quen, nề nếp tốt, loại bỏ những hành vi, thói quen chưa tích cực trong học tập và sinh hoạt hàng ngày				
9	GDKNS cho HSTH giúp các em rèn luyện những phẩm chất đạo đức, phát triển toàn diện				

Ý kiến khác của Thầy (Cô):.....

Câu 3: Khi giáo dục kỹ năng sống, Thầy (Cô) đã tiến hành dạy và rèn luyện cho học sinh những kỹ năng sau ở mức độ nào?

STT	Các kỹ năng	Mức độ thực hiện			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Kỹ năng tự nhận thức				
2	Kỹ năng kiểm soát cảm xúc				
3	Kỹ năng đặt mục tiêu				
4	Kỹ năng tư duy phê phán				

5	Kĩ năng tìm kiếm sự hỗ trợ				
6	Kĩ năng giao tiếp				
7	Kĩ năng hợp tác				
8	Kĩ năng giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực				
9	Kĩ năng phòng chống tai nạn thương tích				
10	Kĩ năng phòng chống đuối nước				
11	Kĩ năng phòng chống xâm hại				
12	Kĩ năng phòng chống hỏa hoạn				
13	Kĩ năng phòng chống bạo lực học đường				
14	Kĩ năng phòng tránh nghiện trò chơi điện tử				
15	Kĩ năng tự học				
16	Kĩ năng quản lí thời gian				
17	Kĩ năng tự phục vụ trong học tập và sinh hoạt hàng ngày				

Các kĩ năng khác:.....

Câu 4: Thầy (Cô) hãy đánh giá việc thực hiện các bước trong quy trình tổ chức giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học ở mức độ nào sau đây?

STT	Các bước	Mức độ thực hiện			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Đặt tên cho hoạt động và xác định yêu cầu giáo dục				
2	Xây dựng nội dung và xác định hình thức tổ chức hoạt động				
3	Chuẩn bị cho hoạt động				
4	Tiến hành hoạt động				
5	Đánh giá, rút kinh nghiệm sau khi tiến hành hoạt động				

Thầy (Cô) hãy sắp xếp trình tự các bước trên trong một quy trình tổ chức giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học? (từ bước 1 đến bước 5)?

Câu 5: Trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, Thầy (Cô) thường sử dụng các phương pháp ở mức độ nào sau đây?

STT	Các phương pháp	Mức độ sử dụng			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Thuyết trình				
2	Thực hành/ luyện tập				
3	Trò chơi				
4	Đóng vai				
5	Vấn đáp				
6	Thảo luận nhóm				
7	Nghiên cứu tình huống				

Các phương pháp khác:

Câu 6: Trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học, Thầy/Cô thường sử dụng các hình thức sau ở mức độ nào?

STT	Hình thức	Mức độ thực hiện			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Tổ chức hội thi/ cuộc thi				
2	Thành lập các câu lạc bộ				
3	Tổ chức chào cờ đầu tuần				
4	Tổ chức sinh hoạt lớp				
5	Tổ chức giáo dục kỹ năng sống theo các chuyên đề				
6	Dạy học tích hợp các môn học				
7	Tổ chức các hoạt động tập thể (trò chơi, hội chợ,...)				
8	Tổ chức tham quan, dã ngoại				

Các hình thức khác được thực hiện ở trường của Thầy/Cô:.....

Câu 7: Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Tiểu học được Thầy/Cô tích hợp thông qua những môn học nào? Số tiết/tuần/tháng?

.....

.....

Câu 8: Việc tổ chức các tiết dạy chuyên đề giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học hiện nay được Nhà trường nơi Thầy/Cô đang công tác thực hiện ở mức độ nào? (Số tiết/tuần/tháng)

.....

.....

Câu 9: Khi tổ chức giáo dục kỹ năng sống, các Thầy/Cô đã lồng ghép ở mức độ nào qua các chủ điểm sau?

STT	Chủ điểm	Mức độ thực hiện			
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Mái trường thân yêu				
2	Vòng tay bạn bè				
3	Kính yêu Thầy giáo, Cô giáo				
4	Uống nước nhớ nguồn				
5	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc				
6	Yêu đất nước Việt Nam				
7	Yêu quý mẹ và Cô giáo				
8	Hòa bình và hữu nghị				
9	Bác Hồ kính yêu				

Các chủ điểm khác:

.....

Câu 10: Ở trường Tiểu học nơi Thầy/Cô đang công tác, trong quá trình dạy giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, những điều kiện sau đã được đáp ứng ở mức độ nào?

STT	Các điều kiện	Mức độ đáp ứng			
		Hoàn toàn đáp ứng	Phần lớn đáp ứng	ít đáp ứng	Không đáp ứng
1	Cán bộ quản lý coi trọng việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh				
2	Cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Tiểu học				
3	Giáo viên được tham gia các lớp tập huấn về giáo dục kỹ năng sống				

	cho học sinh tiểu học				
4	Nhà trường đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh toàn trường và từng khối lớp				
5	Các điều kiện cơ sở vật chất dành cho hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh của nhà trường (phòng học, tivi, máy chiếu,...)				
6	Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh				
7	Sự hỗ trợ từ các ban ngành đoàn thể, các tổ chức (xã hội, giáo dục,...) để nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng sống cho học sinh				

Những điều kiện khác.....

Câu 11: Thầy/Cô được tập huấn về giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở mức độ nào sau đây?

- a) Rất thường xuyên
- b) Thường xuyên
- c) thỉnh thoảng
- d) Không bao giờ

Nội dung mà các Thầy/Cô được tập huấn là gì?

.....

.....

.....

.....

Câu 12: Ở trường Tiểu học nơi Thầy /Cô đang công tác, trong quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, Thầy/Cô gặp những điều kiện thuận lợi và khó khăn nào?

a) Thuận lợi

.....

.....

.....

b) Khó khăn

.....
.....
.....
Câu 13: Thầy (Cô) có đề xuất gì để nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Tiểu học?

.....
.....
.....
.....
Câu 14: Xin Thầy/Cô cho biết một số thông tin cá nhân:

Số năm Công tác:

Trình độ:

a) Cao đẳng

b) Đại học

c) Trên đại học

d) Trình độ khác (Thầy/Cô ghi rõ):.....

Tuổi:Giới tính:

Chức vụ:

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các Thầy (Cô)!

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
BỘ MÔN GDTC-TL

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên)

Câu 1: Theo Thầy/Cô việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học có cần thiết không? Vì sao?

.....
.....
.....
.....

..... Câu 2: Theo Thầy/Cô, học sinh tiểu học như nào?

Mức độ thường xuyên (Số lần/ tháng, năm):

Nội dung tập huấn:

.....
.....

Câu 3: Nhà trường đã xây dựng những chương trình, kế hoạch cụ thể để giáo dục kỹ năng sống cho học sinh toàn trường, từng khối/ lớp như thế nào?

.....
.....
.....

Câu 4: Hiện nay ở trường Tiểu học nơi Thầy/Cô đang công tác, việc tiến hành giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được thực hiện như thế nào?

- Về Thầy/Cô đảm nhận việc dạy kỹ năng sống cho học sinh (Giáo viên bao gồm những ai? Họ được tập huấn, đào tạo ra sao để thực hiện nhiệm vụ giáo dục kỹ năng sống cho học sinh?)

.....
.....
.....

Việc dạy KNS được thực hiện theo hình thức nào?

.....
.....
.....

Hiện nay, Nhà trường nơi Thầy/Cô công tác, các KNS nào được tập trung giáo dục nhiều hơn? Vì sao?

.....

.....

.....

Các phương pháp Thầy/Cô thường sử dụng trong việc giáo dục KNS:

.....

.....

.....

Hiệu quả giáo dục KNS được đánh giá như thế nào theo Thầy/Cô:

.....

.....

.....

Câu 5: Trong quá trình giáo dục kỹ năng sống, Thầy/Cô đã gặp những thuận lợi và khó khăn gì?

	Thuận lợi	Khó khăn
Về định hướng, kế hoạch của Nhà trường		
Về đạo tạo, bồi dưỡng		
Về kinh phí, cơ sở vật chất		
Về sự phối hợp giữa Gia đình – Nhà trường		
Về sự phối hợp, giúp đỡ của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội		

Câu 6: Thầy (Cô) có đề xuất gì để nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Tiểu học?

.....

.....

.....

.....

Thầy/Cô cho biết một số thông tin cá nhân:

Số năm Công tác:

Tuổi:Giới tính:

Chức vụ:.....

Số điện thoại:

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các Thầy (Cô)!

PHỤ LỤC 3: PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN HỌC SINH

PHỤ LỤC 3.1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
BỘ MÔN GDTC-TL

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho học sinh)

Phần 1: Thông tin cá nhân

Họ và tên:.....Học sinh lớp:Giới tính:.....

Phần 2: Nội dung khảo sát

Đối với những câu hỏi dưới đây, em hãy đánh dấu X vào phương án mà em lựa chọn.

Câu 1: Khi giao tiếp với mọi người trên mạng, em có cần cẩn thận không?

a. Đúng

b. Sai

Câu 2: Nếu người mà em giao tiếp trên mạng là người xấu thì em có thể gặp nguy hiểm gì sau đây?

a. Bị bắt cóc

b. Bị lừa đảo

c. Bị đe dọa

d. Bị mất tiền

e. Tất cả các phương án trên

Câu 3: Em mới quen một người bạn qua mạng xã hội, người bạn này hỏi rất nhiều về thông tin cá nhân của em. Em có nên chia sẻ thông tin của mình với người bạn mới không?

a. Có

b. Không

Câu 4: Để truy cập internet an toàn, theo em cần làm gì?

STT	Các hành động	Đúng	Sai
1	Không chia sẻ thông tin cá nhân của mình và gia đình lên mạng xã hội.		
2	Hạn chế giao tiếp với người lạ trên mạng, nên hỏi ý kiến của người lớn mà em tin tưởng trước		
3	Không mở email từ địa chỉ lạ		
4	Không tiết lộ mật khẩu tài khoản ngân hàng, email hoặc mạng xã hội cho bất cứ ai		
5	Dừng truy cập khi thấy hiện tượng bất thường xảy ra (ví dụ: Khi thấy hình ảnh không lành mạnh,...)		
6	Không vào các đường dẫn lạ		
7	Không tham gia bất kì cuộc thi dành giải thưởng trên mạng nào nếu không có sự đồng ý của người lớn mà em tin tưởng		
8	Đăng xuất ngay sau khi sử dụng máy tính công cộng		
9	Đặt mật khẩu một cách thông minh		
10	Ý kiến khác của em:.....		

Chân thành cảm ơn ý kiến của em!

PHỤ LỤC 3.2
UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN
(Dành cho học sinh)

Phần 1: Thông tin cá nhân

Họ và tên:.....Học sinh lớp:Giới tính:.....

Phần 2: Nội dung khảo sát

Đối với những câu hỏi dưới đây, em hãy đánh dấu X vào phương án mà em lựa chọn.

Câu 1: Theo em, chuột rút là gì?

STT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý
1	Là cảm giác đau gây ra bởi sự co rút, thường ở cơ bắp tay, chân.....		
2	Chuột rút có thể xảy ra khi em đang vận động, đang thức hoặc kể cả khi em đang ngủ		
3	Chuột rút khiến chúng ta cảm thấy rất đau, không vận động được		
4	Chuột rút sẽ rất nguy hiểm nếu chúng ta đang bơi hoặc đang ở dưới nước		
5	Ý kiến khác của em:.....		

Câu 2: Theo em, những nguyên nhân nào gây ra chuột rút?

STT	Các nguyên nhân	Đồng ý	Không đồng ý
1	Cơ thể bị thiếu nước		

2	Không khởi động trước khi tập thể thao, vận động nặng		
3	Do ngồi lâu, không vận động		
4	Ý kiến khác của em:.....		

Câu 3: Theo em, để phòng tránh bị chuột rút, chúng ta phải làm gì?

STT	Các biện pháp	Đồng ý	Không đồng ý
1	Uống đủ nước trong ngày		
2	Tập thể dục thường xuyên		
3	Khởi động trước khi bơi, tập thể dục		
4	Ý kiến khác của em:.....		

Câu 4: Khi bị chuột rút, em cần phải làm gì?

STT	Các hành động	Đồng ý	Không đồng ý
1	Chuột rút ở bàn chân: Cầm đầu ngón chân kéo nhẹ và đứng thẳng người một lúc nhưng không cho gót chân chạm đất		
2	Chuột rút ở cẳng chân: Nhẹ nhàng vươn duỗi theo chiều đối ngược, kéo đầu ngón chân và bàn chân lên cao, hướng về đầu gối		
3	Chuột rút ở xương sườn: Hít thở sâu để thư giãn cơ, đồng thời xoa bóp nhẹ các bắp thịt xung quanh		
4	Khi bị chuột rút ở bất cứ vị trí nào, chúng ta cần dừng ngay vận động và thả lỏng cơ		
5	Bị chuột rút trong quá trình bơi: Ngửa người lên, dang 2 chân, các ngón chân ngửa về phía đầu, bơi vào bờ và đồng thời kêu cứu		
6	Chạy nhảy nhiều để khỏi bị chuột rút		
7	Khóc thật to để mọi người giúp		
8	Ý kiến khác của em:.....		

Câu 5: Em có thích tiết học Giáo dục kỹ năng sống không?

- a. Rất thích
- b. Bình thường
- c. Không thích

Câu 6: Em có mong đợi được học nhiều tiết học Giáo dục kỹ năng sống không?

- a. Rất mong đợi
- b. Bình thường
- c. Không mong đợi

Chân thành cảm ơn ý kiến của em!

PHỤ LỤC 4
BÀI 65, BÀI 69 CHƯƠNG TRÌNH GDKNS POKI DÀNH CHO LỚP 3

BÀI
65

TRUY CẬP INTERNET AN TOÀN

MỤC TIÊU >



Sau bài học này, học sinh có thể:

- Học sinh nêu được những nguy hiểm có thể gặp phải khi truy cập Internet không an toàn.
- Học sinh trình bày được một số biện pháp để truy cập Internet an toàn.
- Học sinh thực hành làm áp phích tuyên truyền sử dụng internet an toàn.



Góp phần phát triển năng lực:

- Năng lực ngôn ngữ: Học sinh sử dụng lời nói kết hợp với ngôn từ nêu và trình bày kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận, tương tác với giáo viên và bạn cùng lớp.
- Năng lực tin học: Học sinh tìm hiểu về Internet, cách sử dụng và đánh giá.



Góp phần phát triển phẩm chất:

- Chăm chỉ: Học sinh chăm học, ham học, nhiệt tình tham gia các hoạt động.
- Nhân ái: Học sinh tôn trọng, hòa nhã với bạn bè.
- Trách nhiệm: Học sinh đảm bảo an toàn thông tin của bản thân và người thân trong gia đình.



PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC >

- Slide: PP.TH.L3I1.Truycapinternetantoan
- Video: “Truy cập Internet an toàn”
- Học sinh chuẩn bị: Giấy A3, bút màu x số nhóm, bảng con x số nhóm
- Giáo viên chuẩn bị: Viên phấn x số nhóm
- Máy tính, máy chiếu



NỘI DUNG HƯỚNG DẪN >

- **Những nguy hiểm có thể gặp phải khi truy cập Internet không an toàn:**
 - Bị mất tiền
 - Bị bắt cóc
 - Bị lừa đảo
 - Bị đe dọa
 - ...
- **Biện pháp truy cập Internet an toàn:**
 - Không chia sẻ thông tin cá nhân và gia đình
 - Hạn chế giao tiếp với người lạ
 - Không mở Email từ địa chỉ lạ
 - Không tiết lộ mật khẩu tài khoản ngân hàng, Email,...
 - Không truy cập Internet khi thấy hiện tượng bất thường
 - Không nhấp chuột vào các đường dẫn lạ



HOẠT ĐỘNG DẠY CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG HỌC SINH
KHỞI ĐỘNG – ĐI TÌM WEBSITE (Thời gian: 04 phút)	
Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ trước khi bước vào bài học.	
Phương tiện dạy học: Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, Slide trình chiếu.	
- Giáo viên chào học sinh. - Giáo viên ổn định tổ chức lớp. - Giáo viên chào học sinh. - Giáo viên mời một bạn lên tổ chức hoạt động. - Bài thơ “Đi tìm website”: Zalo kết bạn dễ dàng Facebook chia sẻ muôn vàn thương yêu Google tìm kiếm bao điều Sẻ chia kiến thức e-mail viết liền Gamevui ông bọt, cô tiên Thờn trang, đầu bếp chơi liền vui thay Muốn tải giai điệu nhạc hay Vào Zing nhấn nút tràn đầy khúc ca Tìm kiếm Youtube thì là Xem phim, nghe nhạc thả ga mỗi ngày Học kỹ năng sống thật hay Vào Poki nhé có ngay học liền. - Giáo viên nhận xét các nhóm và dẫn dắt vào bài học. - Giáo viên ghi tên bài học lên bảng: “Truy cập Internet an toàn”.	- Học sinh ổn định, trật tự. - Cả lớp lắng nghe hướng dẫn và thực hiện. - Nhiệm vụ: Lắng nghe bài thơ “Đi tìm website” và ghi nhớ những trang web được nhắc đến trong đoạn thơ. - Sau khi nghe xong đoạn thơ, học sinh giơ tay giành quyền trả lời. - Học sinh lắng nghe. - Học sinh ghi chép tên bài.
HOẠT ĐỘNG HỌC 01 – NGUY HIỂM RÌNH RẬP (Thời gian: 06 phút)	
Mục tiêu: Học sinh nêu được những nguy hiểm có thể gặp phải khi truy cập Internet không an toàn.	
Phương tiện dạy học: Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, Slide trình chiếu	
Giáo viên dẫn dắt: “<i>Khi giao tiếp với mọi người trên mạng, các em không nhìn thấy mặt họ, không biết họ là ai, bao nhiêu tuổi. Các em</i>	Học sinh trả lời câu hỏi liên hệ thực tiễn: “<i>Nếu người mà em giao tiếp trên mạng là người xấu, thì em có thể gặp những nguy</i>

chỉ có thể tưởng tượng về người đó qua những lời họ nói hoặc viết. Những thông tin như vậy có thể không đúng với thực tế do một số người có ý đồ không tốt. Các em không thể biết chính xác về người các em đang giao tiếp trên mạng và có vài người trong số họ là người xấu, có thể làm hại các em.” ● Giáo viên đúc kết bài học.	hiểm gì?” ➤ Gợi ý trả lời: - Em có thể bị bắt cóc. - Em có thể bị đe dọa. - Em có thể bị lừa đảo. ● Học sinh đúc kết bài học.
Bài học đúc kết ● Những nguy hiểm có thể gặp phải khi truy cập Internet không an toàn: - Bị mất tiền - Bị bắt cóc - Bị lừa đảo - Bị đe dọa - ...	
HOẠT ĐỘNG HỌC 02 – VƯỢT QUA THỬ THÁCH (Thời gian: 10 phút)	
Mục tiêu: ● Học sinh trình bày được một số biện pháp để truy cập Internet an toàn.	
Phương tiện dạy học: ● Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, Slide trình chiếu, viên phấn x số nhóm.	
● Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia hoạt động. HỆ THỐNG CÂU HỎI - Câu 1: Huy mới quen một người bạn qua mạng xã hội. Người bạn này hỏi rất nhiều về thông tin cá nhân của Huy. Huy	● Học sinh theo dõi video “Truy cập Internet an toàn”. ● Sau khi xem xong video, học sinh lắng nghe phổ biến luật chơi: - Lớp được chia thành các nhóm sao cho phù hợp với sĩ số và không gian lớp học. - Các nhóm nhận bộ dụng cụ gồm: 1 bảng con, 1 viên phấn - Nhiệm vụ: Lắng nghe câu hỏi, thảo luận và đưa ra đáp án. - Sau hiệu lệnh “Thời gian đã hết!”, các nhóm đưa ra đáp án. - Trả lời đúng được 1 sao. - Hết thời gian, nhóm nhận được nhiều sao nhất là nhóm chiến thắng. HỆ THỐNG ĐÁP ÁN ➤ ĐÁP ÁN: B ➤ PHẢN HỒI ĐÁP ÁN: Nên hạn chế giao tiếp với người lạ trên mạng xã hội. Vì chúng ta

có nên chia sẻ những thông tin của mình cho người bạn mới không?

- A. Có
- B. Không

- Câu 2: Nam đang chơi pikachu trực tuyến thì xuất hiện một trang web có hình ảnh không lành mạnh. Nam nên làm gì trong tình huống này?

- A. Tắt trình duyệt và sử dụng phần mềm diệt vi-rút
- B. Tắt các trang web quảng cáo

- Câu 3: Thông tin nào dưới đây có thể được chia sẻ trên mạng?

- A. Địa chỉ nhà
- B. Ngày, tháng, năm sinh
- C. Tên ca sĩ mà em hâm mộ

- Câu 4: Hải sử dụng tài khoản facebook của bố trên máy tính công cộng mà quên đăng xuất. Khi về tới nhà, bạn ấy nhớ ra và rất hoảng hốt. Vì sợ bố trách mắng nên Hải đã giấu bố chuyện này, coi như không có chuyện gì xảy ra. Hải làm vậy là đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai

● Giáo viên nêu câu hỏi liên hệ thực tế: “Em nên làm gì để truy cập Internet an toàn?”.

● **Câu hỏi mở rộng:**

- Em có thường xuyên sử dụng mạng xã hội không?
- Em thường chia sẻ những thông tin gì trên mạng xã hội?

● Giáo viên đúc kết bài học.

không biết chính xác người đó là ai, giao tiếp với chúng ta nhằm mục đích gì. Cần tham khảo ý kiến của người lớn mà em tin tưởng trước khi chia sẻ thông tin cá nhân.

➤ **ĐÁP ÁN: A**

➤ **PHẢN HỒI ĐÁP ÁN:** Nếu vào trang mạng nào đó mà xuất hiện một số website khác có hình ảnh không lành mạnh thì có thể máy tính đã bị nhiễm vi-rút. Vì vậy, việc đầu tiên nên làm là tắt toàn bộ trình duyệt và dùng phần mềm diệt vi-rút để kiểm tra độ an toàn của máy tính.

➤ **ĐÁP ÁN: C**

➤ **PHẢN HỒI ĐÁP ÁN:** Không chia sẻ thông tin cá nhân của mình và gia đình trên mạng xã hội mà chỉ nên chia sẻ về thông tin giải trí để mọi người cùng xem hay kiến thức để mọi người cùng học.

➤ **ĐÁP ÁN: B**

➤ **PHẢN HỒI ĐÁP ÁN:** Hải nên nói ngay với bố để bố kiểm tra tài khoản Facebook, đăng xuất từ xa và đổi lại mật khẩu vì có rất nhiều người sử dụng máy tính công cộng, người lạ có thể vào tài khoản để lừa tiền.

● Học sinh trả lời.

➤ **Gợi ý trả lời:**

- Không chia sẻ thông tin cá nhân trên mạng xã hội
- Hạn chế giao tiếp với người lạ trên mạng
- Không mở Email từ địa chỉ lạ
- Không tiết lộ mật khẩu tài khoản ngân hàng của bố mẹ

● Học sinh lắng nghe, đúc kết bài học.

Bài học đúc kết

● Biện pháp truy cập Internet an toàn:

- Không chia sẻ thông tin cá nhân của mình và gia đình trên mạng xã hội
- Hạn chế giao tiếp với người lạ trên mạng, nên hỏi ý kiến của người lớn mà em tin tưởng trước
- Đặt mật khẩu một cách thông minh
- Không mở Email từ địa chỉ lạ
- Không tiết lộ mật khẩu tài khoản ngân hàng, Email hoặc mạng xã hội cho bất cứ ai
- Dừng truy cập Internet và dùng phần mềm diệt vi-rút để kiểm tra khi thấy hiện tượng bất thường xảy ra (xuất hiện hình ảnh không lành mạnh,...)
- Không vào các đường dẫn lạ hoặc tham gia bất kỳ cuộc thi giành giải thưởng trên mạng nào nếu không có sự đồng ý của người lớn mà em tin tưởng
- Đăng xuất ngay sau khi sử dụng máy tính công cộng

HOẠT ĐỘNG HỌC 03 – THỰC HÀNH LÀM ÁP PHÍCH TUYÊN TRUYỀN

(Thời gian: 12 phút)

Mục tiêu:

- Học sinh thực hành làm áp phích tuyên truyền sử dụng internet an toàn.

Phương tiện dạy học:

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, Slide trình chiếu.
- Học sinh chuẩn bị: Giấy A3, bút màu x số nhóm, bảng con x số nhóm.

- Giáo viên mời một học sinh lên bảng tổ chức hoạt động.

- Giáo viên nhận xét.

- Một học sinh lên tổ chức hoạt động dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- Lớp được chia thành các nhóm sao cho phù hợp với số số và không gian lớp học.
- Nhiệm vụ: Thiết kế áp phích tuyên truyền về việc sử dụng Internet an toàn: tự vẽ và viết các nội dung.
- Thời gian thực hiện: 08 phút.
- Hết thời gian, các nhóm treo áp phích lên góc trưng bày của nhóm.
- Cả lớp bình chọn áp phích đẹp nhất.

- Học sinh lắng nghe.

VẬN DỤNG – TRẢI NGHIỆM

(Thời gian: 03 phút)

Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng kiến thức của các kỹ năng vào trong cuộc sống.
- Tổng kết nội dung kiến thức đã học.

- Giáo viên trình chiếu slide “Vận dụng thực tiễn” và nhắc nhở, dặn dò học sinh ứng

- Học sinh về nhà tuyên truyền tới mọi người cách truy cập Internet an toàn.

dụng kiến thức vào cuộc sống.	Học sinh cùng bạn bè, anh chị em thiết kế và trang trí những áp phích tuyên truyền về việc truy cập Internet an toàn.
- Giáo viên nhận xét tiết học. - Giáo viên dặn dò học sinh chuẩn bị đồ dùng cho tiết học sau. - Giáo viên chào học sinh và kết thúc tiết học.	- Học sinh tổng kết kiến thức đã học. - Học sinh lắng nghe dặn dò. - Học sinh chào tạm biệt giáo viên.



ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

BÀI
69

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT KHI BỊ CHUỘT RÚT

MỤC TIÊU >

 Sau bài học này, học sinh có thể:

- Học sinh liệt kê được những việc cần làm để phòng tránh chuột rút.
- Học sinh nêu được những việc cần làm khi bị chuột rút.
- Học sinh thực hành xử lý tình huống khi bị chuột rút.

 Góp phần phát triển năng lực:

- Năng lực ngôn ngữ: Học sinh sử dụng lời nói kết hợp với ngôn từ nêu và trình bày kiến thức.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Học sinh thảo luận, tương tác với giáo viên và bạn cùng lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Học sinh có kĩ năng xử lý, vận dụng những kiến thức đã học vào trong đời sống hàng ngày.

 Góp phần phát triển phẩm chất:

- Chăm chỉ: Học sinh chăm học, ham học, nhiệt tình tham gia các hoạt động.
- Nhân ái: Học sinh tôn trọng, hòa nhã với bạn bè.



PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC >

- Slide: PP.TH.L3.P1.
Nhungdieucanbietkhibichuotrut
- Video: Mẹo xử lý khi bị chuột rút
- Máy tính, máy chiếu



NỘI DUNG HƯỚNG DẪN >

- Nguyên nhân gây ra chuột rút:
 - Cơ thể bị thiếu nước
 - Không khởi động kĩ trước khi chơi thể thao, vận động nặng
 - Do ngồi lâu không vận động
- Cách phòng tránh chuột rút:
 - Uống đủ nước trong ngày
 - Tập thể dục thường xuyên
 - Khởi động trước khi bơi, tập thể dục
- Những việc cần làm khi bị chuột rút:
 - Chuột rút ở bàn chân: cầm đầu ngón chân kéo nhẹ và đứng thẳng người một lúc nhưng không cho gót chân chạm đất
 - Chuột rút ở cẳng chân: nhẹ nhàng vươn duỗi cơ theo chiều đối ngược, kéo đầu ngón chân và bàn chân lên cao hướng về đầu gối,...



HOẠT ĐỘNG DẠY CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG HỌC SINH
KHỞI ĐỘNG – NHANH TRÍ (Thời gian: 05 phút)	
Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ trước khi bắt đầu tiết học mới.	
Phương tiện dạy học: Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, Slide trình chiếu	
- Giáo viên chào học sinh. - Giáo viên ổn định tổ chức lớp. - Giáo viên linh hoạt tặng sao cho các nhóm, lưu trữ và tổng kết vào tiết ôn tập. - Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia hoạt động khởi động “Nhanh trí”: Hệ thống câu hỏi: Câu 1: Cái gì không lá có hoa Có năm nhánh nhỏ mở ra gập vào? Câu 2: Khi im thì ở ngang nhau Khi nào chuyển động trước sau nhịp nhàng Quên mình mà chẳng khoe khoang Âm thầm đi khắp dọc ngang trăm miền. Là gì? Câu 3: Đuối hình bắt chữ: Đây là gì? Câu 4: Đuối hình bắt chữ: Đây là gì?	- Học sinh ổn định, trật tự. - Học sinh tham gia hoạt động mang tên “Nhanh trí”. - Nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi. - Mỗi câu trả lời đúng, nhận được 1 sao. ➤ Đáp án câu 1: Bàn tay ➤ Đáp án câu 2: Bàn chân ➤ Đáp án câu 3: Cơ bắp ➤ Đáp án câu 4: Chuột rút



- Giáo viên dẫn vào bài học: “Chuột rút là cảm giác đau gây ra bởi sự co rút, thường ở cơ bắp tay, chân,... Vậy nguyên nhân chuột rút do đâu? Chúng ta nên làm gì khi bị chuột rút? Cùng tham gia tìm hiểu bài học ngày hôm nay: **“Những điều cần biết khi bị chuột rút!”**.”

- Học sinh lắng nghe.
- Học sinh ghi chép tên bài.

HOẠT ĐỘNG HỌC 01 – LÀM GÌ KHI BỊ CHUỘT RÚT?

(Thời gian: 10 phút)

Mục tiêu:

- Học sinh liệt kê được những việc cần làm để phòng tránh chuột rút.
- Học sinh nêu được những việc cần làm khi bị chuột rút.
- Học sinh thực hành xử lý tình huống khi bị chuột rút.

Phương tiện dạy học:

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, Slide trình chiếu

- Giáo viên tổ chức chia nhóm.

- Tình huống: **Miu đang ngồi học bài. Bỗng nhiên, bạn ấy bị chuột rút ở chân. Trong tình huống này, Miu nên làm gì?**

- Giáo viên nhận xét.
- Giáo viên nêu câu hỏi: “Trong lớp, bạn nào bị chuột rút? Em đã làm gì khi bị chuột rút?”
- Giáo viên nhận xét.
- Giáo viên trình chiếu video “Mẹo xử lý khi bị chuột rút”.
- Giáo viên vừa làm mẫu vừa nêu ra cách xử lý khi bị chuột rút.

- Học sinh tham gia hoạt động thảo luận nhóm:

- Lớp được chia thành các nhóm.
- Nhiệm vụ: Quan sát tình huống, thảo luận, giải quyết tình huống.
- Thời gian thảo luận: 02 phút.
- Hết thời gian, một số nhóm trình bày.

- Học sinh trả lời.

- Học sinh đúc kết bài học.

- Học sinh quan sát video “Mẹo xử lý khi bị chuột rút”.

- Học sinh quan sát.

Bài học đúc kết

- Hiện tượng chuột rút là: cảm giác đau gây ra bởi sự co rút, thường là cơ bắp ở tay, chân,...
- Nguyên nhân gây ra chuột rút:
 - Cơ thể bị thiếu nước
 - Không khởi động trước khi tập thể thao, vận động nặng

- Do ngồi lâu không vận động
● Phòng tránh chuột rút: - Uống đủ nước trong ngày - Tập thể dục thường xuyên - Khởi động trước khi bơi, tập thể dục ● Những việc cần làm khi bị chuột rút: - Chuột rút ở bàn chân: Cầm đầu ngón chân kéo nhẹ và đứng thẳng người một lúc nhưng không cho gót chân chạm đất - Chuột rút ở cẳng chân: Nhẹ nhàng vươn duỗi cơ theo chiều đối ngược, kéo đầu ngón chân và bàn chân lên cao hướng về đầu gối - Chuột rút ở bàn tay: Kéo nhẹ các ngón, rồi xoa bóp bàn tay - Chuột rút cơ xương sườn: Hít thở sâu để thư giãn cơ, đồng thời xoa bóp nhẹ các bắp thịt xung quanh - Chuột rút ở đùi: Kê chân lên cao (hoặc nhờ một người khác dùng tay đỡ gót chân) giúp cho đầu gối thẳng, đồng thời tay kia ấn đầu gối xuống dưới. Sau đó, xoa bóp vùng bị chuột rút. Lưu ý: - Khi bị chuột rút ở bất cứ vị trí nào: Chúng ta cần dừng ngay vận động và thả lỏng cơ - Bị chuột rút trong quá trình bơi: Ngửa người lên, dang hai chân, các ngón chân ngửa về phía đầu, bơi vào bờ và đồng thời kêu cứu

HOẠT ĐỘNG HỌC 02 – XỬ LÝ TÌNH HUỐNG

(Thời gian: 15 phút)

Mục tiêu:

- Học sinh thực hành xử lý tình huống khi bị chuột rút.

Phương tiện dạy học:

- Giáo viên: Máy tính, máy chiếu, Slide trình chiếu.

● Giáo viên tổ chức chia nhóm. ● Giáo viên có thể gợi ý cho học sinh đóng vai thể hiện tình huống.	● Học sinh tham gia xử lý tình huống. - Lớp được chia thành các nhóm. - Nhiệm vụ: Tham gia đóng vai giải quyết tình huống. - Thời gian thảo luận: 3 phút. - Hết thời gian, các nhóm trình bày.
● Tình huống: ➢ Tình huống 1: Đang ngồi học, bỗng Poki bị chuột rút ở chân. Em sẽ làm gì để giúp Poki bây giờ? ➢ Tình huống 2: Điều Hấu Hấu sợ nhất khi đi bơi là bị chuột rút. Em giúp Hấu Hấu giải quyết nỗi lo này nhé!	<u>Hướng dẫn giải quyết tình huống 1:</u> - Báo với cô giáo, Poki bị chuột rút. - Cầm đầu ngón chân kéo nhẹ rồi đứng dậy và đứng thẳng người một lúc nhưng không cho gót chạm đất. <u>Hướng dẫn giải quyết tình huống 2:</u> - Khuyến Hấu Hấu khởi động trước khi bơi: 10 – 15 phút.

➤ Tình huống 3: Nếu bị chuột rút ở bàn tay, Chanh Leo phải làm gì? ● Giáo viên nhận xét và khen ngợi học sinh.	- Nếu bị chuột rút cần: Ngửa người lên, hai chân dang ra, các ngón chân ngửa về phía mình bơi vào bờ, đồng thời kêu cứu. <u>Hướng dẫn giải quyết tình huống 3:</u> - Kéo nhẹ các ngón, rồi xoa bóp bàn tay. ● Học sinh lắng nghe.
VẬN DỤNG – TRẢI NGHIỆM (Thời gian: 05 phút)	
Mục tiêu: ● Học sinh vận dụng kiến thức của các kỹ năng vào trong cuộc sống. ● Tổng kết nội dung kiến thức đã học.	
● Giáo viên trình chiếu slide “Vận dụng thực tiễn” và nhắc nhở, dặn dò học sinh ứng dụng kiến thức vào cuộc sống.	● Học sinh có ý thức phòng tránh chuột rút khi vận động thể dục, đi bơi. ● Học sinh tìm hiểu cách phòng tránh và xử lý khi bị chuột rút, áp dụng vào đời sống hàng ngày. ● Học sinh chia sẻ với bạn bè, người thân cách xử lý khi bị chuột rút.
● Giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia hoạt động “Vượt chướng ngại vật”: - Hình thức: Linh hoạt để cả lớp có thể tham gia (Ví dụ: Viết bảng, giơ tay, hình thể,...) ● Hệ thống câu hỏi: Câu 1: Hiện tượng chuột rút là cảm giác đau do sự co rút ở các cơ bắp tay, chân,... Theo em, điều này là đúng hay sai? A. Đúng B. Sai Câu 2: Trước khi đi bơi, em nên làm gì để phòng tránh chuột rút? A. Tập thể dục khởi động B. Ăn no C. Uống nhiều nước	● Học sinh tham gia hoạt động: “Vượt chướng ngại vật”. - Lớp được chia thành các nhóm. - Nhiệm vụ: Trả lời câu hỏi. - Ở mỗi câu hỏi, các nhóm có thời gian là 10 giây suy nghĩ tìm ra đáp án. - Mỗi câu trả lời đúng các nhóm được 1 sao. - Giải thích được, nhận thêm một sao. ➤ Đáp án câu 1: A Giải thích: Hiện tượng chuột rút là cảm giác đau gây ra bởi sự co rút, thường là cơ bắp ở tay, chân,... ➤ Đáp án câu 2: A Giải thích: Trước khi bơi hoặc tập thể dục em nên dành thời gian để tập các động tác khởi động giúp lưu thông máu tốt hơn, và giảm nguy cơ chuột rút.

Câu 3: Khi bị chuột rút ở bàn tay, em nên làm gì?

- A. Không cử động tay
- B. Xoa bóp bàn tay nhẹ nhàng
- C. Kéo mạnh các ngón tay

Câu 4: Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng bị chuột rút? Em chọn đáp án đúng và đầy đủ nhất.

- A. Do ngồi lâu
- B. Vận động quá sức
- C. Cơ thể bị thiếu nước
- D. Tất cả đáp án trên đều đúng

- Giáo viên khen ngợi những học sinh tích cực trong giờ, nhắc nhở những học sinh chưa tích cực cần cố gắng hơn trong giờ học tiếp theo.
- Giáo viên dặn dò học sinh chuẩn bị đồ dùng cho tiết học sau.
- Giáo viên chào học sinh và hẹn gặp lại ở bài học sau.

➤ **Đáp án câu 3: B**

Giải thích: Khi bị chuột rút ở bàn tay, em kéo nhẹ các ngón, rồi xoa bóp bàn tay nhẹ nhàng.

➤ **Đáp án câu 4: D**

Giải thích: Ngồi lâu không vận động, vận động quá sức,... là nguyên nhân có thể gây ra hiện tượng chuột rút.

- Học sinh lắng nghe.
- Học sinh lắng nghe dặn dò của giáo viên.
- Học sinh chào giáo viên.



ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 5

CHỦ ĐỀ 9

NHỮNG NGƯỜI SỐNG QUANH EM VÀ NGHỀ EM YÊU THÍCH

Tiết 102: Làm trái tim yêu thương tặng bạn.

(Hoạt động trải nghiệm lớp 3, bộ sách “Chân trời sáng tạo”),

TUẦN TỔNG KẾT



Cam kết “Mùa hè ý nghĩa và an toàn”

1. Lắng nghe và ghi nhớ những nội dung trong cam kết.
2. Tham gia kí cam kết “Mùa hè ý nghĩa và an toàn”.



Làm “Trái tim yêu thương” tặng bạn

1. Thực hiện làm “Trái tim yêu thương”.
- Chọn một tờ giấy hoặc tấm bìa mà em thích;
 - Gấp đôi tờ giấy hoặc tấm bìa, vẽ một đường cong viền trái tim;
 - Cắt hình trái tim theo đường cong đã vẽ;
 - Tô màu và trang trí mặt ngoài theo ý thích.

2. Viết một đức tính tốt của bạn và lời chúc của em dành cho bạn trong dịp hè.

3. Tặng trái tim yêu thương và nói lời chúc dành cho bạn.

Cô rất quý mến An
vì An hay giúp đỡ các bạn
Chúc An có một kỳ nghỉ hè
vui, khỏe!
Cầm Tú

Nguồn: Cẩm Tú



Múa hát tập thể chia tay thầy cô và bạn bè

1. Cùng múa hát các bài hát về mùa hè.



2. Chia sẻ với bạn những kỉ niệm đẹp trong năm học lớp 3.

PHỤ LỤC 6

GIÁO ÁN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH

TUẦN 35

CHỦ ĐỀ 9

NHỮNG NGƯỜI SỐNG QUANH EM VÀ NGHỀ EM YÊU THÍCH

TIẾT 102: HOẠT ĐỘNG LÀM TRÁI TIM YÊU THƯƠNG TẶNG BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phẩm chất

Phẩm chất nhân ái: Vui vẻ, thân thiện , biết nghĩ tới các bạn khi chia tay để nghỉ hè

Phẩm chất chăm chỉ: Tham gia cùng các bạn trong lớp làm các trái tim yêu thương tặng bạn

2. Năng lực

Năng lực thích ứng với cuộc sống: Thể hiện sự khéo léo, cẩn thận khi làm trái tim yêu thương tặng bạn

Năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động: Tham gia được các hoạt động chung của trường, lớp. Thực hiện được ý tưởng về việc làm trái tim yêu thương tặng bạn và tham gia các hoạt động văn nghệ cùng các bạn trong lớp

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK Hoạt động trải nghiệm 3; SGV Hoạt động trải nghiệm 3 (Bộ Chân trời sáng tạo).

- Hình mẫu “Trái tim yêu thương”

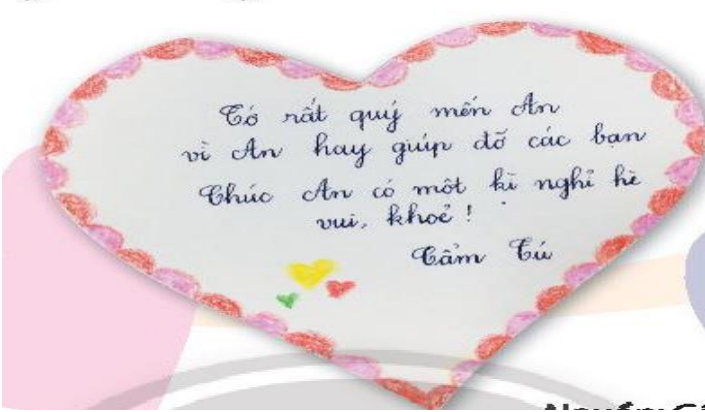
2. Đối với học sinh

- SGK Hoạt động trải nghiệm 3, giấy bìa màu, bút chì, bút màu, thước kẻ, hồ dán,...

- Hình chụp cùng nhóm bạn trong lớp

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Khởi động: Hát bài hát “ Lớp chúng mình đoàn kết”. Mục tiêu: Tạo tâm thế và hứng thú cho HS và từng bước làm quen bài học. Cách tiến hành: - Gv cho HS cả lớp hát, vỗ tay “ Lớp chúng mình đoàn kết”. - GV nhận xét, tổng kết hoạt động, chuyển tiếp sang hoạt động 2. Hoạt động 2: Nhận diện – Khám phá: Mục tiêu: - Làm được các trái tim yêu thương và viết lời chúc tặng bạn Cách tiến hành: - GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 1 của hoạt động 2 trong Sách giáo khoa trang 88 cho cả lớp nghe và kiểm tra HS đã hiểu nhiệm vụ chưa? - GV yêu cầu cá nhân HS suy nghĩ đến bạn em sẽ tặng “ Trái tim yêu thương” và hướng dẫn học sinh cách thực hiện. - <i>Em định tặng “ Trái tim yêu thương” cho bạn nào?</i> - <i>Chọn một tờ giấy hoặc tấm bìa em thích.</i> - <i>Gấp đôi tờ giấy hoặc tấm bìa màu, vẽ một đường cong viền trái tim lên tờ giấy, bìa màu đó</i>	- BVN cho lớp hát và nhún nhảy theo nhịp lời bài hát - HS đọc yêu cầu. - HS suy nghĩ và chia sẻ - Lắng nghe

- Cắt hình trái tim theo đường cong đã vẽ - Tô màu và trang trí mặt ngoài trái tim theo ý thích Hoạt động 3: Thực hành Mục tiêu: - Thực hiện được các trái tim yêu thương - Viết lời chúc vào trái tim Cách tiến hành: - Sau khi học sinh xong trái tim, GV yêu cầu học sinh viết một đức tính tốt của bạn và viết lời chúc của em dành cho bạn trong dịp hè  - GV tổ chức cho HS tặng “Trái tim yêu thương” cho nhau và nói lời chúc dành cho bạn - GV nhận xét khen ngợi học sinh Hoạt động 4: Vận dụng - GV yêu cầu HS về làm thêm những trái tim yêu thương tặng cho người thân của mình	- HS thực hiện viết lời chúc cho bạn - HS thực hiện - HS lắng nghe. - Thực hiện theo yêu cầu
--	--

III. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

PHỤ LỤC 7

GIÁO ÁN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM LỚP 3

TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH TIẾN

TUẦN 35

CHỦ ĐỀ 9

NHỮNG NGƯỜI SỐNG QUANH EM VÀ NGHỀ EM YÊU THÍCH

Tiết 102: LÀM TRÁI TIM YÊU THƯƠNG TẶNG BẠN

I. Yêu cầu cần đạt

1. Năng lực

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Chia sẻ được những đức tính và điều tốt của bạn. Phối hợp với bạn khi tham gia hoạt động chung

Năng lực thích ứng với cuộc sống: Thể hiện sự khéo léo, cẩn thận khi làm trái tim yêu thương tặng bạn

Năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động: Tham gia được các hoạt động chung của trường, lớp. Thực hiện được ý tưởng về việc làm trái tim yêu thương tặng bạn và tham gia các hoạt động văn nghệ cùng các bạn trong lớp

2. Phẩm chất

Phẩm chất nhân ái: Vui vẻ, thân thiện, biết nghĩ tới các bạn khi chia tay để nghỉ hè

Phẩm chất chăm chỉ: Tham gia cùng các bạn trong lớp làm các trái tim yêu thương tặng bạn

II. Đồ dùng dạy học

SGK Hoạt động trải nghiệm 3 và SGV Hoạt động trải nghiệm 3 (bộ Chân trời sáng tạo)

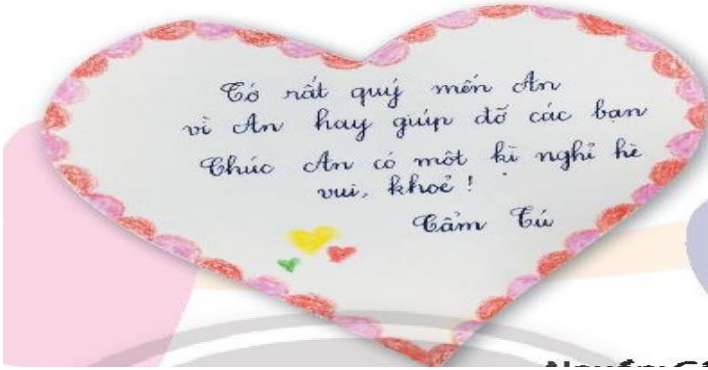
Hình mẫu “Trái tim yêu thương”

SGK Hoạt động trải nghiệm 3, giấy bìa màu, bút chì, bút màu, thước kẻ, hồ dán,...

Hình chụp cùng nhóm bạn trong lớp

III. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Hoạt động 1: Khởi động Hát bài hát “ Lớp chúng mình đoàn kết”. GV cho HS cả lớp hát, vỗ tay “ Lớp chúng mình đoàn kết”. GV nhận xét, tổng kết hoạt động, chuyển tiếp sang hoạt động 2. Hoạt động 2: Nhận diện – Khám phá GV yêu cầu HS đọc nhiệm vụ 1 của hoạt động 2 trong SGK/88, cho cả lớp nghe và kiểm tra HS đã hiểu nhiệm vụ chưa? GV yêu cầu cá nhân HS suy nghĩ đến bạn em sẽ tặng “ Trái tim yêu thương” và hướng dẫn học sinh cách thực hiện. 1. Em định tặng “Trái tim yêu thương” cho bạn nào? 2. Chọn một tờ giấy hoặc tấm bìa em thích. Gấp đôi tờ giấy hoặc tấm bìa màu, vẽ một đường cong viền trái tim lên tờ giấy, bìa màu đó - Cắt hình trái tim theo đường cong đã vẽ Tô màu và trang trí mặt ngoài trái tim theo ý thích 	- Ban văn nghệ cho lớp hát và nhún nhảy theo nhịp lời bài hát - HS đọc yêu cầu. - HS suy nghĩ và chia sẻ - Lắng nghe
Hoạt động 3: Thực hành Sau khi học sinh trang trí xong trái tim, GV yêu cầu học sinh viết một đức tính tốt của bạn và viết lời chúc của em dành cho bạn trong dịp hè	

 GV tổ chức cho HS tặng “Trái tim yêu thương” cho nhau và nói lời chúc dành cho bạn. GV nhận xét khen ngợi học sinh. Hoạt động 4: Vận dụng GV yêu cầu HS vẽ làm thêm những trái tim yêu thương tặng cho người thân của mình. GV nhận xét.	HS thực hiện viết lời chúc cho bạn HS thực hiện HS lắng nghe.
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

PHỤ LỤC 8

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BỘ MÔN GDTC-TL

PHIẾU QUAN SÁT

KĨ NĂNG GIAO TIẾP CỦA HỌC SINH LỚP 3

THÔNG QUA GIỜ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

TUẦN 35

CHỦ ĐỀ 9

NHỮNG NGƯỜI SỐNG QUANH EM VÀ NGHỀ EM YÊU THÍCH

TIẾT 102: HOẠT ĐỘNG LÀM TRÁI TIM YÊU THƯƠNG TẶNG BẠN

Người quan sát:

Địa điểm:.....

Ngày quan sát:.....

STT	Hành vi	Mức độ thực hiện	
		Đã thực hiện được	Chưa thực hiện được
1	Chăm chú lắng nghe khi giáo viên hướng dẫn nhiệm vụ		
2	Vui vẻ, hợp tác với các bạn khi làm việc nhóm		
3	Lắng nghe ý kiến của các bạn trong nhóm khi thực hiện nhiệm vụ		
4	Biết viết những lời nói yêu thương		
5	Biết nói những lời nói yêu thương với bạn với giọng điệu và thái độ phù hợp		
6	Biết cảm ơn khi nhận được món quà và những lời nói yêu thương từ bạn		

PHỤ LỤC 9

CÁC BẢNG DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CÁC PHÉP ĐO TƯƠNG QUAN,

SO SÁNH GIỮA CÁC NHÓM TRONG MẪU NGHIÊN CỨU

Bảng 1: Bảng so sánh sự khác biệt giữa các nhóm theo số năm công tác về việc sử dụng các phương pháp trong GDKNS cho HSTH

Oneway ANOVA

TBC phương pháp GDKNS cho HSTH					
	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	.397	3	.132	.500	.684
Within Groups	11.657	44	.265		
Total	12.054	47			

Multiple Comparisons						
Dependent Variable: TBC phương pháp GDKNS						
LSD						
(I) SNCTMa	(J) SNCTMa	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
1.00	2.00	-.22677	.21087	.288	-.6517	.1982
	3.00	-.00275	.20605	.989	-.4180	.4125
	4.00	-.03846	.20605	.853	-.4537	.3768
2.00	1.00	.22677	.21087	.288	-.1982	.6517
	3.00	.22403	.21485	.303	-.2090	.6570
	4.00	.18831	.21485	.386	-.2447	.6213
3.00	1.00	.00275	.20605	.989	-.4125	.4180
	2.00	-.22403	.21485	.303	-.6570	.2090
	4.00	-.03571	.21013	.866	-.4592	.3878
4.00	1.00	.03846	.20605	.853	-.3768	.4537
	2.00	-.18831	.21485	.386	-.6213	.2447
	3.00	.03571	.21013	.866	-.3878	.4592

Bảng 2: Bảng tương quan giữa các yếu tố trong nghiên cứu

Correlations						
		TBC các điều kiện đáp ứng	TBC các phương pháp GDKNS	TBC về ý nghĩa của GDKNS	TBC các hình thức GDKNS	TBC các nội dung GDKNS
TBC các điều kiện đáp ứng	Pearson Correlation	1	.644**	.294*	.743**	.650**
	Sig. (2-tailed)		.000	.043	.000	.000
	N	48	48	48	48	48
TBC các phương pháp GDKNS	Pearson Correlation	.644**	1	.411**	.850**	.858**
	Sig. (2-tailed)	.000		.004	.000	.000
	N	48	48	48	48	48
TBC về ý nghĩa của GDKNS	Pearson Correlation	.294*	.411**	1	.247	.342*
	Sig. (2-tailed)	.043	.004		.091	.017
	N	48	48	48	48	48
TBC các hình thức GDKNS	Pearson Correlation	.743**	.850**	.247	1	.828**
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.091		.000
	N	48	48	48	48	48
TBC các nội dung GDKNS	Pearson Correlation	.650**	.858**	.342*	.828**	1
	Sig. (2-tailed)	.000	.000	.017	.000	
	N	48	48	48	48	48
**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).						
*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).						

PHỤ LỤC 10

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG
TIỂU HỌC NINH TIẾN VÀ TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH,
THÀNH PHỐ NINH BÌNH THEO CÁC CHỦ ĐIỂM, CÁC THÁNG
NĂM HỌC 2023-2024

HÌNH ẢNH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG TH NINH TIẾN

Tháng 10/2023, giao lưu GDKN tham gia giao thông an toàn cho HSTH



Tháng 11/2023, với chủ điểm “Kính yêu Thầy giáo, Cô giáo”, nhà trường đã tổ chức hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, tổ chức các hoạt động tập thể, trò chơi tập thể thi đấu giữa các lớp



Tháng 12/2023: Với chủ điểm “Uống nước nhớ nguồn”, trường TH Ninh Tiến thực hiện hoạt động cho các em học sinh làm lễ báo công các anh hùng liệt sĩ tại đài tưởng niệm thôn Cổ Loan, xã Ninh Tiến, TP Ninh Bình.



Tháng 1/2024: Chương trình “Xuân yêu thương - Tết sẻ chia”



Tháng 2/2024: Tổ chức hoạt động trồng cây cho các em học sinh nhằm hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ "Mùa xuân là Tết trồng cây, làm cho đất nước càng ngày càng xuân".



Tháng 5/2024, với chủ điểm “Bác Hồ kính yêu”, nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện phong trào “Thiếu nhi Ninh Bình thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy”.



Tháng 5/2024, để chuẩn bị cho học sinh toàn trường bước vào những ngày hè an toàn, vui khỏe, nhà trường tổ chức buổi GDKNS theo chuyên đề với quy mô toàn trường về kỹ năng phòng chống đuối nước cho các em học sinh



MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN THÀNH

Tháng 10/2023, rèn KN tham gia giao thông an toàn cho HSTH



Tháng 11/2023, với chủ điểm “Kính yêu Thầy giáo, Cô giáo”, nhà trường đã tổ chức hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11



Tháng 3/2024

Kỹ năng sống: Nuôi dưỡng lòng biết ơn



Tháng 3/2024: Hoạt động trải nghiệm, dã ngoại



Tháng 5/2024: KN phòng tránh đuối nước



PHỤ LỤC 11

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG POKI

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH KỸ NĂNG SỐNG POKI 72

Năm học 2023 - 2024

LỚP 1 (TỪ 06 TUỔI)			
STT	TUẦN	CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI
1	1	Em đến trường	Bí kíp giới thiệu bản thân
2			Cách ghi nhớ tên người khác
3	2		Cách chào hỏi độc đáo
4			Ngồi đúng ngồi đẹp
5	3		Cách sử dụng sách vở và đồ dùng trong giờ học
6			Không lấy đồ của người khác làm của riêng mình
7	4		ATGT – Chướng ngại vật trên đường
8			ATGT – Hung thần xa lộ
9	5		Ôn tập và đánh giá
10		Phòng tránh tai nạn thương tích	Tránh xa nhà máy và công trường xây dựng
11	Cẩn thận với những nguy hiểm trong nhà tắm		
12	Cẩn thận với những đồ vật nguy hiểm trong nhà bếp		
13	7		Dập đám cháy nhỏ (*)
14			Thoát khỏi đám cháy lớn (*)
15	8		Xử lí vết thương bầm tím
16			Tránh xa một số loài cây có độc
17	9		Cẩn thận với đồ rơi trên đường
18			Ôn tập và đánh giá
19	10	Chăm sóc sức khỏe	Các bệnh về mắt
20			Bài tập yoga cho mắt
21	11		Thực phẩm tốt cho răng miệng
22			Phòng và xử lí khi bị viêm lợi
23	12		Xử lí vết thương chảy máu ở trong miệng
24			Những lưu ý khi ăn đồ nóng, lạnh
25	13		Không uống sữa khi đói
26			Xử lí khi có dị vật vào mũi
27	14		Ôn tập và đánh giá
28		Giao tiếp ứng xử	Lịch sự khi nghe, gọi điện thoại
29	15		An toàn khi nghe gọi điện thoại
30			Lịch sự khi đi siêu thị, cửa hàng tạp hóa
31	16		Lịch sự khi đến khu vui chơi
32			Lịch sự khi nhà có khách
33	17		Giải quyết mâu thuẫn giữa anh chị em trong gia đình
34			Bày tỏ cảm xúc

35	18		Xưng hô đúng cách
36			Đến thăm nhà người khác trong dịp lễ, Tết
37	19		Ai cũng có khuyết điểm
38			Ôn tập và đánh giá
39	20	Tự phục vụ bản thân	Sơ chế rau
40			Lau sạch những chỗ mình làm bẩn (*)
41	21		Cách sử dụng một số loại keo dán và băng dính
42			Làm đồ thủ công
43	22	Mẹo gấp đồ thông minh	
44		Phân loại rác thải sinh hoạt (*)	
45	23	Ôn tập và đánh giá	
46			Đồ này có an toàn không?
47	Các phương pháp làm mát cơ thể		
48	Chăm sóc sức khỏe trước và sau khi ăn		
49	25		Làm gì khi bị ong đốt?
50		Vùng riêng tư trên cơ thể	
51	26	Bảo vệ bản thân	Quy tắc năm ngón tay
52			Làm gì khi bị lạc? (*)
53	27		Phòng tránh bắt cóc (*)
54			Ôn tập đánh giá
55	28	Bảo vệ tài sản gia đình	
56		Lựa chọn quà vật an toàn	
57	29	Phòng bệnh truyền nhiễm	
58		Uống thuốc đúng cách	
59	30	An toàn khi sử dụng thuốc	
60		Ôn tập và đánh giá	
61	31	Tư duy sáng tạo	Kỹ năng tập trung
62			Kỹ năng tập trung (Tiếp theo)
63	32		Một số bài tập phát triển tư duy
64			Một số bài tập phát triển tư duy (Tiếp theo)
65	33	Em là công dân toàn cầu	Quốc kỳ Việt Nam
66			Ngày của gia đình
67	34		Lợi ích, tác hại của Internet
68			An toàn khi đi dã ngoại
69	35	Mùa hè sôi động	An toàn khi đi thuyền, phà
70			Một số mẹo phòng tránh say xe
71	36		Tạm biệt lớp 1
72			Ôn tập và đánh giá cuối năm

Bài 71: Tạm biệt lớp 1 & bài 72: Ôn tập và đánh giá cuối năm: Nhà trường có thể lựa chọn và bố trí triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn.

		LỚP 2 (TỪ 07 TUỔI)	
STT	TUẦN	CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI
1	1	Em đến trường	Ứng xử đẹp, đẹp rào cản (*)
2			Những trò không nên đùa với bạn bè
3	2		ATGT – Những bài học nhớ đời
4			ATGT – Làm gì khi bị kẹt lại trên xe? (*)
5	3		Rèn luyện tự giác trong học tập
6			Bạo lực học đường
7	4		Bạo lực học đường (Tiếp theo)
8			Ôn tập và đánh giá
9	5	Phòng tránh tai nạn thương tích	Xử lí khi bị lửa bén vào người (*)
10			Xử lí khi bị ngạt khói (*)
11	6		Xử lí vết thương chảy máu nhỏ
12			Xử lí khi bị dị vật đâm
13	7		Xử lí khi bị bong gân
14			Làm gì khi cơ thể có dấu hiệu khác thường?
15	8		Động đất rồi, làm sao đây? (*)
16			An toàn khi ở nhà cao tầng, chung cư
17	9		Cẩn thận từ các loại dây
18			Ôn tập và đánh giá
19	10	Chăm sóc sức khỏe	Làm gì khi bị say xe?
20			Làm gì khi bị nhiệt miệng?
21	11		Làm gì khi bị muỗi đốt?
22			Làm gì khi gặp người say rượu, bia?
23	12		Một số loại rau có tác dụng chữa bệnh
24			Một số loại quả có tác dụng chữa bệnh
25	13		Chăm sóc da
26			Chăm sóc tóc
27	14		Tránh ăn phải một số loại thực phẩm có độc
28			Ôn tập và đánh giá
29	15	Em tự lập	Lựa chọn đồ uống tốt cho sức khỏe
30			Lựa chọn đồ ăn tốt cho sức khỏe
31	16		Bí quyết chọn rau, củ, quả
32			Bảo quản rau, củ, quả
33	17		Phân loại một số thực phẩm
34			Nấu cơm và sử dụng nồi cơm điện (*)
35	18		Vệ sinh giày, dép (*)

36			Những việc cần làm trước khi đi ngủ
37	19		Ý nghĩa ngày sinh nhật
38			Mẹo quàng khăn giữ ấm
39	20		Ngủ riêng có gì thú vị?
40			Ôn tập và đánh giá
41	21		Từ chối một cách lịch sự
42			Giao tiếp ứng xử tại những nơi tôn nghiêm
43	22	Giao tiếp ứng xử	Không giận dữ
44			Giá trị nụ cười
45	23		Nếu tớ là bạn
46			Khi nhà có thêm thành viên mới
47	24		Cách ứng xử khi thấy bạn mắc lỗi
48			Tạm biệt con sâu lười
49	25		Khắc phục thói quen xấu
50			Rèn tính cẩn thận
51	26	Phát triển bản thân	Bảo vệ ý kiến cá nhân
52			Tư duy hình ảnh
53	27		Một số bài tập phát triển tư duy
54			Một số bài tập phát triển tư duy (Tiếp theo)
55	28		Ôn tập và đánh giá
56			Phòng và xử lý khi bị viêm họng
57	29		Ngạt mũi, phải làm sao?
58			Sổ mũi, phải làm sao?
59	30	Bảo vệ bản thân	Tránh xa những nhân vật nguy hiểm
60			Các báo động xâm hại
61	31		Tự vệ khi bị xâm hại (*)
62			Ở nhà một mình
63	32		Ôn tập và đánh giá
64			Hưởng ứng các phong trào bảo vệ môi trường
65	33	Em là công dân toàn cầu	Sáng tạo từ nắp chai nhựa
66			Sáng tạo khoa học – Máy bay cất cánh (*)
67	34		Là thành viên trong một nhóm
68			Sử dụng mạng xã hội đúng cách
69	35		Tập bơi trên cạn (*)
70		Mùa hè sôi động	An toàn khi đi biển
71	36		Chuẩn bị túi dự phòng cho trường hợp khẩn cấp
72			Ôn tập và đánh giá cuối năm

Bài 71: Chuẩn bị túi dự phòng cho trường hợp khẩn cấp & bài 72: Ôn tập và đánh giá cuối năm: Nhà trường có thể lựa chọn và bố trí triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn.

LỚP 3 (TỪ 08 TUỔI)			
STT	TUẦN	CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI
1	1	Em đến trường	Tự tạo hứng thú trong học tập
2			Sắp xếp tài liệu học tập
3	2		Không nản chí
4			Kỹ năng giải quyết vấn đề
5	3		Rèn thói quen chủ động
6			Đẹp bỏ tính ích kỉ
7	4		Bí kíp để trở nên can đảm
8			Ôn tập và đánh giá
9	5	Phòng tránh tai nạn thương tích	Kỹ năng thoát hiểm khi ô tô rơi xuống nước
10			Sử dụng bình nóng lạnh an toàn
11	6		Xử lí khi gặp cháy ở một số nơi công cộng (*)
12			Xử lí khi bị chảy máu cam
13	7		Xử lí khi bị vật nuôi cắn
14			Cách xử lí chấn thương vùng đầu, gáy
15	8		Cẩn thận với các loại cửa, cổng
16			Ôn tập và đánh giá
17	9	Giao tiếp ứng xử	Tự tin trong giao tiếp
18			Vượt qua ngưỡng ngùng, xấu hổ
19	10		Chân thành khen ngợi
20			Phê bình đúng cách
21	11		Nói dối và thật thà
22			Kiểm chế cơn tức giận
23	12		Thấu hiểu cha mẹ
24			Ôn tập và đánh giá
25	13	Thế giới quanh em & Mèo nhỏ gia đình	Một số điều thú vị về động vật
26			Một số loại lá có tác dụng chữa bệnh
27	14		Chế tạo thuốc bảo vệ cây (*)
28			Sáng tạo khoa học – Bí ẩn mực tàng hình
29	15		Kỹ năng bọc quà - Hộp quà nhỏ xinh
30			Sơ chế một số loại củ (*)
31	16		Bảo quản thịt, cá, trứng, sữa
32			Ôn tập và đánh giá
33	17	Tự phục vụ bản thân	Khử mùi hôi cho giày, dép
34			Thắt kiểu cách – Buộc cá tính (Xỏ dây giày)
35	18		Cách giặt quần áo bằng tay (*)
36			Cách giặt quần áo bằng máy

37	19		Phối quần áo đúng cách
38			Cách giặt một số loại mũ, nón
39	20		Kỹ năng ăn tiệc buffet
40			Ôn tập và đánh giá
41	21	Giúp mình và người khác	Xử lí khi gặp người bị co giật
42			Hỗ trợ người bị khó thở
43	Nhận biết các hành vi, thủ đoạn xâm hại		
44	Một số kỹ năng thoát hiểm và tự vệ		
45	Thoát khỏi đám đông hỗn loạn một cách an toàn		
46	Phòng tránh mắc giun sán		
47	24	Xử lí khi uống nhầm nước có vị lạ	
48		Ôn tập và đánh giá	
49	25	Bảo vệ sức khỏe	Phòng và xử lí khi bị hắc lào, ghẻ nước
50			Phòng tránh một số bệnh về móng
51	Phòng tránh nhiễm khuẩn đường tiết niệu		
52	Làm gì khi bị sốt?		
53	Ung thư và cách phòng tránh		
54	Một số điều cần biết về bệnh đại		
55	Bệnh lao và cách phòng tránh		
56	Ôn tập và đánh giá		
57	29	Công dân toàn cầu	Nhà vệ sinh văn minh (*)
58			Nhà vệ sinh văn minh (Tiếp theo)
59	Thùng rác thông minh		
60	Ẩm thực một số dân tộc Việt Nam		
61	Quốc hoa một số nước Đông Nam Á		
62	Nói không với nhiễm độc chì		
63	Hạn chế hiệu ứng nhà kính		
64	Nhà kính nhỏ xinh (*)		
65	33	Mùa hè sôi động	Truy cập Internet an toàn
66			Kỹ năng quan sát (*)
67	An toàn khi sử dụng ô (dù), áo mưa		
68	Phòng tránh và xử lí khi da bị cháy nắng		
69	Những điều cần biết khi bị chuột rút		
70	Ứng phó khi gặp mưa đá		
71	Sinh tồn trong điều kiện khắc nghiệt		
72	Ôn tập và đánh giá cuối năm		

Bài 71: Sinh tồn trong điều kiện khắc nghiệt & bài 72: Ôn tập và đánh giá cuối năm: Nhà trường có thể lựa chọn và bố trí triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn.

LỚP 4 (TỪ 09 TUỔI)			
STT	TUẦN	CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI
1	1	Em đến trường	Xác định mục tiêu học tập
2			Ghi chép bài hiệu quả
3	2		Cách ghi nhớ hiệu quả
4			Kỹ năng đọc sách
5	3		Căng thẳng và cách giảm căng thẳng
6			Phải làm gì khi có dấu hiệu bị cô lập?
7	4		Lớp học hạnh phúc
8			Ôn tập và đánh giá
9	5	Phòng tránh tai nạn thương tích	Hiểm họa ngoài cổng trường
10			Hiểm họa ngoài cổng trường (Tiếp theo)
11	6		An toàn khi đi thang máy
12			Xử lý các tình huống khi đi thang máy
13	7		Thoát hiểm khi bị mắc kẹt trong không gian kín
14			Nguy hiểm từ pháo tự chế
15	8		Sử dụng bình cứu hỏa (*)
16			Ôn tập và đánh giá
17	9	Giao tiếp ứng xử	Lắng nghe hiệu quả
18			Kỹ năng đề xuất những nguyện vọng chính đáng
19	10		Lời nhắn nhủ yêu thương
20			Kỹ năng bắt tay
21	11		Kỹ năng ứng xử trên bàn ăn
22			Không nói chen ngang
23	12		Lịch sự khi đến bệnh viện
24			Ôn tập và đánh giá
25	13	Thế giới quanh em & Mẹo nhỏ gia đình	Một số loại củ có tác dụng chữa bệnh
26			Vườn cây của em (*)
27	14		Bức tranh rực rỡ (*)
28			Kỹ năng tư duy – Giải một thư
29	15		Sáng tạo khoa học – Con quay tốc độ
30			Kỹ năng bảo quản và sử dụng xe đạp
31	16		Chuyến đi chơi thú vị
32			Ôn tập và đánh giá
33	17	Tự phục vụ và phát triển bản thân	Vệ sinh tủ lạnh
34			Cách sử dụng một số loại bếp
35	18		Rửa bát và dọn dẹp phòng bếp (*)
36			Sơ chế một số loại quả

37	19		Kiểm chế sự đổ kỵ	
38			Kỹ năng lãnh đạo	
39	20		Kỹ năng lãnh đạo (Tiếp theo)	
40			Ôn tập và đánh giá	
41	21	Giúp mình và người khác	Sử dụng điều hòa đúng cách	
42			Phòng và xử lí khi bị sốc nhiệt	
43	Xử lí khi gặp người bị điện giật			
44	Ứng phó với những động vật nguy hiểm			
45	Thấy đánh nhau, phải làm sao?			
46	Xử trí hạ đường huyết			
47	Phòng và xử lí khi bị ngộ độc hóa chất			
48	Ôn tập và đánh giá			
49	25	Bảo vệ sức khỏe	Nhận biết các dạng dị ứng và cách phòng tránh	
50			Xử lí khi bị dập móng tay, chân	
51	26		Chăm sóc đôi chân (*)	
52			Sử dụng thuốc bôi đúng cách	
53	27		Tủ thuốc gia đình	
54			Băng bó vết thương (*)	
55	28		Cẩn thận với hàng giả, hàng nhái	
56			Ôn tập và đánh giá	
57	29	Công dân toàn cầu	Lọc rác mạng xã hội	
58			Nhận diện các hình thức lừa đảo qua mạng xã hội và điện thoại	
59			Tìm hiểu một số nghề thời đại công nghệ	
60			Đặc trưng ăn uống vùng miền	
61			31	Cách chào hỏi của một số nước trên thế giới
62				Ẩm thực của một số nước trên thế giới
63	32		Tiền một số nước trên thế giới	
64			An toàn khi đi máy bay	
65	33	Mùa hè sôi động	An toàn khi đi tàu hỏa	
66			An toàn khi đi qua đường sắt	
67	34		Dòng chảy xa bờ	
68			Cách sử dụng phao cứu hộ	
69	35		Ứng phó khi gặp bão	
70			Bí kíp sinh tồn khi bị đắm tàu, thuyền	
71			Lựa chọn môn thể thao phù hợp	
72			Ôn tập và đánh giá cuối năm	

Bài 71: Lựa chọn môn thể thao phù hợp & bài 72: Ôn tập và đánh giá cuối năm: Nhà trường có thể lựa chọn và bố trí triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn.

LỚP 5 (TỪ 10 TUỔI)

STT	TUẦN	CHỦ ĐỀ	TÊN BÀI
1	1	Em đến trường	Trường học trong em
2			ATGT – Phòng tránh va chạm khi tầm nhìn bị hạn chế (*)
3	2		ATGT – Em là tuyên truyền viên
4			Mối nguy từ thuốc lá điện tử
5	3		Tránh xa thuốc lá điện tử
6			Làm gì khi bị trấn lột?
7	4		Không vô cảm
8			Ôn tập và đánh giá
9	5	Bảo vệ bản thân	Xử lí khi gặp người bị đuối nước (*)
10			Đuối cạn và cách phòng tránh
11	6		Thoát hiểm khi bị xâm hại trong thang máy
12			Phòng tránh và xử lí khi bị chó cắn (*)
13	7		Sơ cứu khi người khác bị gãy xương tay
14			Xử lí khi gặp người có dấu hiệu bị ngất
15	8		Cách xử lý khi làm vỡ nhiệt kế
16			Xử trí bỏng ở mắt
17	9		Ôn tập và đánh giá
18		Giao tiếp ứng xử	Kỹ năng chuẩn bị và tặng quà
19	Hợp nhóm và điều hành hợp nhóm		
20	Giải quyết mâu thuẫn khi làm việc nhóm		
21	11		Kỹ năng tranh luận
22			Tôn trọng bản thân mình
23	12		Thay đổi cha mẹ
24		Ôn tập và đánh giá	
25	13	Em là công dân toàn cầu	Bụi mịn và những điều cần biết
26			Tìm hiểu Quốc kỳ của một số nước trên thế giới
27	14		Một số quốc kỳ đặc biệt
28			Tìm hiểu Quốc huy của một số nước trên thế giới
29	15	Thần tượng đúng cách	
30		Phát triển bản thân	Kỹ năng ra quyết định
31	16		Đối phó với tin đồn
32			Tư duy sáng tạo
33	17		Ôn tập và đánh giá
34		Chăm sóc sức khỏe	Chăm sóc sức khỏe tinh thần
35	18		Phòng tránh và xử lí các vấn đề về tiêu hóa
36			Bí mật của giấc ngủ
37	19		Phòng và xử lí khi bị cước tay, chân vào mùa lạnh
38		Phòng tránh bệnh tiểu đường ở trẻ em	

39	20	Giáo dục giới tính	Em bé được sinh ra như thế nào?
40			Khủng hoảng tâm lý tuổi dậy thì
41	21		Khủng hoảng tâm lý tuổi dậy thì (Tiếp theo)
42		Tài chính	Tìm hiểu về kinh doanh
43	Lên kế hoạch kinh doanh		
44	Quảng cáo - mua bán sản phẩm		
45	Ôn tập và đánh giá		
46	23	Tự phục vụ bản thân	Một số loại rau, củ có tác dụng chữa bệnh
47	24		Trời nồm, phải làm sao?
48			Tự làm sổ tay
49	25	An toàn trên không gian mạng	Một số cách thắt nút, buộc dây
50			Mạng xã hội hay thế giới ảo?
51	26		Ứng xử văn minh trên mạng
52			Tránh xa những trào lưu độc hại trên Internet
53	27	Phòng và xử lí khi bị xâm hại, quấy rối trên mạng xã hội	
54		Trầm cảm và một số dấu hiệu nhận biết	
55	28	An toàn bản thân	Ôn tập và đánh giá
56			Một số mẹo thoát hiểm khi bị trói
57	29		Một số mẹo xử lí khi bị nấc cụt
58			Đột quỵ và cách phòng tránh
59	30		Phòng tránh rắn độc cắn
60			Xử lí khi bản thân bị sặc, hóc
61	31		Xử lí khi gặp người bị sặc, hóc
62			Xử lí dị vật trong tai
63	32	Di chuyển nạn nhân vào vị trí an toàn	
64		Khi bị rò rỉ ga	
65	33	An toàn khi đi thang cuốn	
66		Sơ cấp cứu và cấp cứu khi đi dã ngoại (*)	
67	34	Một số cách kiểm tra dấu hiệu sinh tồn	
68		Ôn tập và đánh giá	
69	35	Kỹ năng học tập	Thích ứng với mọi hoàn cảnh
70			Lập kế hoạch ôn thi
71	36		Chuẩn bị hành trang vào lớp 6
72			Tạm biệt trường Tiểu học

Bài 71: Chuẩn bị hành trang vào lớp 6 & bài 72: Tạm biệt trường Tiểu học: Nhà trường có thể lựa chọn và bố trí triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn.

(*) Những bài học có đánh dấu (*) là những bài học Giáo viên có thể linh hoạt triển khai ngoài không gian lớp học.

KHUNG CHUYÊN ĐỀ NGOẠI KHÓA

LỚP 1

STT	THÁNG	TÊN CHUYÊN ĐỀ
1	9	Em đã lớn khôn
2	10	Chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
3	11	Biết ơn thầy cô giáo
4	12	Chào mừng ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
5	1	Tết Nguyên đán
6	2	Em là bác sĩ
7	3	Chào mừng Quốc tế phụ nữ 8/3
8	4	An toàn với lửa
9	5	An toàn với nước

LỚP 2

STT	THÁNG	TÊN CHUYÊN ĐỀ
1	9	Em đã lớn khôn
2	10	Chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
3	11	Thầy cô giáo của em
4	12	Chào mừng ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
5	1	Tết Nguyên đán
6	2	Em là bác sĩ
7	3	Chào mừng Quốc tế phụ nữ 8/3
8	4	Ngày thống nhất đất nước
9	5	Bác Hồ kính yêu

 LỚP 3

STT	THÁNG	TÊN CHUYÊN ĐỀ
1	9	Em đã lớn khôn
2	10	Chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
3	11	Tôn vinh ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
4	12	Chào mừng ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
5	1	Tết Nguyên đán
6	2	Em là bác sĩ
7	3	Chào mừng Quốc tế phụ nữ 8/3
8	4	Tết Hàn thực
9	5	Bác Hồ kính yêu

 LỚP 4

STT	THÁNG	TÊN CHUYÊN ĐỀ
1	9	Em đã lớn khôn
2	10	Chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
3	11	Tôn vinh ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
4	12	Chào mừng ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
5	1	Tết Nguyên đán
6	2	Em là bác sĩ
7	3	Chào mừng Quốc tế phụ nữ 8/3
8	4	Giỗ tổ Hùng Vương
9	5	Em là Đội viên

 LỚP 5

STT	THÁNG	TÊN CHUYÊN ĐỀ
1	9	Em đã lớn khôn
2	10	Chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
3	11	Chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam
4	12	Chào mừng ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam
5	1	Tết Nguyên đán
6	2	Em là bác sĩ
7	3	Chào mừng Quốc tế phụ nữ 8/3
8	4	Ngày hội đọc sách
9	5	Tạm biệt trường Tiểu học